

việtnam DANH TÁC

NGUYỄN
CÔNG
HOÀN



Mục lục

Kép Tư Bền:

Cô Kêu, Gái Tân Thời:

Thằng Ăn Cắp:

Thế Là Mợ Nó Đi Tây:

Ngựa Người Và Người Ngựa:

Samandji:

Báo Hiếu: Trả Nghĩa Cha:

Báo Hiếu: Trả Nghĩa Mẹ:

Bố Anh Ấy Chết:

Nỗi Vui Sướng Của Thằng Bé Khốn Nạn:

Tôi Chủ Báo, Anh Chủ Báo, Nó Chủ Báo:

Nhân Tình Tôi:

Kìa! Con...:

Mất Cái Ví:

Giết Nhau:

Lời Bạt:

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Kép Tư Bền:

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên kép Tư Bền. Ấy, anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lả lếu ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ một cái điệu bộ cón con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay dồn dập.

Anh ở Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay; vì anh có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hề rạp nào khéo dùng anh một độ là cũng đông khách. Cho nên tối nào bà con Hà thành đọc chương trình hay xem báo thấy kép Tư Bền đóng vai giễu, là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không và phàn nàn rạp hát chật quá!

Cho nên những tối nào có anh giúp, thì các Hý viện đều trưng là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay anh ta không diễn ở đâu cả, vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối um ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rầu rĩ của ông cụ cũng hòa lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan rầu ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép hát, dần dần nó cũng đi bài tấu mã, đến nỗi anh phải vay trước của các ông chủ rạp mất ít nhiều. Than ôi! Cha già, bệnh nặng, nhà khó mà tình giàu, nào can trường là cái cảnh anh Tư Bền vậy.

Một hôm, ông chủ rạp Kịch Trường đến nhà anh ta chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiếu lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ :

- Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có để trả tôi chưa?

- Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm và nộp sau.

Ông chủ bĩu môi, nói :

- Thôi! Biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra tòa đó!

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào mà rằng :

- Bấy lâu cậu nghỉ hát ở các rạp, nhiều khán quan lấy làm nhớ lắm. Vậy cậu liệu liệu mà đi làm ăn chứ?

- Vâng. Tôi vẫn định thế...

- À này, tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ, vậy cậu ra giúp tôi vai chính, vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

- Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

- Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

- Trong nửa tháng? Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, nhưng trong óc anh lần vẫn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều! Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha anh mấy tiếng đồng hồ để đi học diễn. Cha anh ốm trong khi vắng nhà ai trông nom săn sóc thay anh? Nghĩ vậy, anh đáp phắt

ngay rằng :

- Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trở vào màn và nói tiếp :

- Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thò tay ra cái ghế đầu kê ở cạnh để với lấy cái ống nhổ, nhưng lật bật cầm không vững, đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm dãi nổi lên lênh bênh.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha và nói :

- Sao ông không gọi con?

Rồi anh lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt rầu rầu, anh nói :

- Đó, ông coi, vắng tôi sao đáng?

- Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

- Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy ở trong màn có tiếng keng keng, như tiếng chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là cái hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đật chạy lại gần cha, rồi thấy giọng khàn khàn của ông cụ sai anh Tư Bền rót chén nước.

Nhân muốn gãi cảm tình, ông chủ rạp Kịch Trường lại gần giường, mở màn ra hỏi :

- Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không?

Ông già giương hai mắt lên nhìn, rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó khăn, và gật gật mấy cái rồi run lấy bấy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen chào lối tây nên mới bắt tay đâu! Đến phải nhăn bộ răng ra cười, còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ còn phải bắt tay, là vì phải tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

- Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao mà cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm có ý hỏi.

- Tôi sắp cho tập vở hát mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật. Nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha :

- Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Cái cau mặt chỉ có anh Tư Bền là hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con mất làm ăn, chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ đồ đành nói :

- Cậu cứ cố giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy cậu để đến bao giờ cũng được, mà tiền hoa hồng khi diễn tấn Ông Huyện ba phải này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lồng xương ngực, cổ thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.

- Cậu nghĩ sao?

- Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

- À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học võ, đến khi diễn thử lần cuối cậu hãy đến rạp cũng được, vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn các kếp khác. Tội chi? Có dịp trở tài, vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu, cũng không tiện!

Nghe câu nói sau cùng như được ăn bánh Thánh, anh Tư Bền có ý nghĩ ngợi, nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ vẻ không bằng lòng, nhăn mặt, cổ cất lên cái tiếng khàn khàn để gắt :

- Nhận lời đi!

Nói xong lại ho sù sụ. Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch Trường và trả lời :

- Vâng.

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn, nhờ đến hôm diễn, cha anh Tư Bền có làm sao, rồi anh cứ vắng mặt ở rạp hát thì lỡ bét, bèn bắt anh làm giấy giao kèo cẩn thận.

Bà con sính hát, hôm đó thấy ô-tô quảng cáo chạy rộng khắp phố để thả chương trình và vài căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi hát đặc biệt có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch Trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lô nhô, như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chồn vờn. Trên thềm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại tìm cho để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng, chan chứa biết bao tình tứ ái ân, như câu, như kéo, làm cho ta quên hẳn ta, mà bất giác móc túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong: trên các hàng ghế, chỗ nọ họ

nhắc lại câu bông lơn của kếp Tư Bền, chỗ kia họ bắt chước những điệu bộ của kếp Tư Bền, mà ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong mãi không đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vài lối pha trò mới để mai làm cho nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kếp Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh, người ta có biết đâu rằng hiện bây giờ ở nhà, cha anh đương giở chứng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một cái nữa là hết nợ, mà ở trong buồng trò, anh cũng đương nấu ruột rầu gan!

Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền! Anh ngồi ủ rũ ở trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, mà tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quệt vào đĩa mực để bôi nhọ cái mồm. Rồi anh lại phải mặc trái cái áo lụng thụng thêu, đi đôi hia xanh, và đội cái mũ cánh chuồn ngược. Anh đóng vai này trông ra phết giàu sang sung sướng! Anh sung sướng nhỉ! Anh giàu sang nhỉ! Anh vui vẻ lên một tí chứ! Anh Tư Bền ơi! Chốc nữa anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn anh trông anh mà gắng sức, các khán quan được một phen cười vỗ bụng, vỗ rít tay kia mà!

Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nầy, lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi! Thôi, nhưng mà mặc kệ, anh phải quên đi mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu cho chúng tôi cười, ôm bụng mà cười, hét lên mà cười, cười đến nỗi phải lăn cả ra đất!

Một hồi chuông vừa dứt. Màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ đã hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thần người ra như phỗng đến một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước. Mà khán quan thấy cách ăn mặc ngộ nghĩnh, cái mồm anh bôi nhọ nhem, thì ai mà nhịn cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được lúc ngấm, họ càng cho anh là muốn pha trò như thế, nên càng cười già!

Ác thật! Vai anh Tư Bền đóng hôm ấy cứ luôn luôn phải ở sân khấu, mà nhất là phải làm nhiều bộ điệu hơn mọi khi, lắm lúc lại phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, bèn nhờ người về thăm xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò, anh lại phải hò, phải hét, phải dẫn từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những bộ điệu, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là họ cũng đủ cười rồi, nào họ có để ý và nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh nó hiện ra ở trên mặt. Bỗng khi anh đương phụng phạo múa mên trên sân khấu, người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì trong phòng có tiếng nói ra :

- Nguy hơn ban nãy, đã cấm khẩu rồi!

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy. Nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò, mà khán giả dưới kia, hàng mấy ngàn con mắt, đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lẫn ra cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đương ngồi thờ người trong buồng trò, thì anh lại nhận được một tin báo nữa. Hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay đã lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức khóc nở :

- Cha ôi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Chỉ sợ anh bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy, ông bèn cố khuyên giải và cấm không cho ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sân khấu bài trí đã gần xong, ông chủ bắt anh đánh lại tí phấn cho thêm

xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa thắt dải áo vừa sụt sịt mếu máo, bèn bắt anh im đi, chùi nước mắt, và đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nháy, để mua gượng lấy những tràng vỗ tay!

Đau đớn thay! Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bền, đi đôi với cái bông lơn, cứ diễn ra mãi, mà mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bật tin nhà, ruột anh càng rầu như dưa, xót như muối!

Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho là chóng quá! Cho nên, khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp. Rồi anh tưởng phen này hết nợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha mà nhìn thấy mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở chỗ ghế hạng nhất, người ta kêu ầm :

- Bis! Bis!

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên, mà anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích, vì nó hợp với tâm lý anh hơn, để vui vẻ để diễn lại đoạn cuối một lượt nữa!

Rồi bài kèn chào nổi lên. Hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lại gần anh. Người thì tặng hoa, người thì bắt tay, người thì véo mũi, người thì khen, làm cho anh ruột càng như thiêu như đốt.

Khi không còn phải đau đớn mà hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vệt mũ áo và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đương rối beng, nghĩ đến cha anh không biết bây

giờ đã lạnh đến đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vội vã đưa tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói :

- Mau mà về, anh Tư, hồng từ ban nãy mất rồi! Khốn nạn thân anh quá!

23 Juillet 1933

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Cô Kếu, Gái Tân Thời:

Nhưng cô có nhận cái tên ấy nữa đâu!

Kếu nghĩa là thế nào? Nghĩ bao nhiêu cô lại oán cha trách mẹ, không đặt cho cô cái tên mỹ miều. Mà chữ nho, nào thiếu gì tiếng hay, sao cô phải chịu cái tên nôm na xấu xí ấy mãi? Nhất là đi ngoài phố, hay là ở chỗ đông người, mà mẹ cô gọi: Kếu ơi! Thì cô đỏ mặt tía tai, hậm hực, lấy làm ngượng quá! Lại còn những chị em bạn cô mới ác làm sao! Cứ những lúc ở Bờ Hồ, hay thấy cô gặp một công tử quen nào, là nhè ngay cái tên cúng cơm của cô ra mà réo quang quác, rồi cười rúc rích.

Nhiều lần cô đã lạy van, xin rằng giữ sĩ diện cho cô mà gọi cái biệt hiệu cô mới nhờ người ta đặt hộ là Bạch Nhạn ấy, nhưng các mẹ ranh tai ngợc, cứ vờ quên, để bêu cô, mới tức chứ.

Cô Bạch Nhạn - phải đấy, bởi vì cô đã thề độc đứa nào còn bêu cái tên cúng cơm của cô - cô Bạch Nhạn buồn lắm, vì cổ hủ hết cách. Cái tên đã là Ca Ê, U Sắc, mà lại ăn mặc lỗi cổ! Ấy thế cũng mang tiếng là con gái Hàng Đào! Các bạn cô, cô Bích Ngọc, thì đã được mặc quần trắng và áo sáu khuy; cô Song Khê đã được cạo răng. Đến ngay như cô Mộng Lê, mà bà cụ cũng chịu để cho đánh phấn và mặc áo mùi nữa là! Ấy là cô chả dám so kè với cô Minh Nguyệt, được mẹ chiều chuộng quá, mà cho phép đi học cả nhảy đầm ở nhà bạn trai đấy! Thế mà cô Bạch Nhạn ta, úi chà, động có chải cái tóc xòe xòe ra một tí là bị chửi liền!

Ước nhất là quanh năm cô chỉ được mặc đồ thâm như người có trở, trông

tối sầm như bà cụ.

Ấy, giá cô không mua cái khăn nhung và nhờ bà mợ vờ đem lên cho, thì có lẽ bây giờ cô còn phải chít cái khăn xa tanh trông như con Sen con Nụ.

Cô bực mình quá! Sao lại có bà cụ nghiệt như mẹ cô bao giờ! Bà cụ tưởng cứ đánh phấn với mặc áo mùi là đi cả đấy!

Bà cụ biết đâu rằng các cô gái non bây giờ, mỗi năm một mốt, thay đổi xoành xoạch, thi nhau mà quần nọ áo kia.

Mà có phải nhà cô nghèo kiệt gì cho cam! Tiền của nhà cô tưởng có sắm ăn, sắm mặc bằng mấy người ta, cũng còn thừa nữa là. Nhưng bà cụ cứ bắt na bắt nét, bắt tập những nét ăn ý ở, bắt học những câu nói, việc làm.

Một hôm, cô rình lúc bà mẹ ngủ, cô sẽ lấy hộp phấn Cô-ty mà cô nhờ người mua hộ, để trong hòm. Cô đánh mặt cho rõ trắng, bôi cái nốt ruồi giả bên cạnh má. Cô ngồi soi gương, ngắm đi ngắm lại một mình độ nửa giờ, rồi lại phải đi rửa mặt cho thật kỹ mới dám đi ngủ.

Năm nọ, cô có giấu mẹ sắm ngầm một cái áo lam. Nhưng cô chẳng mặc thật lần nào, đến bây giờ mùi ấy lại là mùi cổ mất rồi. Những lúc cô có việc đi cùng chị em bạn thì tự cô thấy ê chệ nhất đám vì cách ăn mặc của mình. Cô than thở, thì cô Song Khê xui rằng :

- Tội gì! Có tiền, cậu cứ sắm văng đi! Me cậu có giết được cậu đâu mà cậu sợ.

Nhưng cô không dám liều thế, vì nhỡ bị mẹ chửi thì cũng khổ. Cô Bích Ngọc cũng phàn nàn hộ cô mà rằng :

- Ở đời này mà cứ ăn mặc theo lối cổ thì bất quá lấy được anh giáo học là cùng! Những thằng cao đẳng nó chỉ ưa tân thời thôi.

Thấy bạn vẽ cái tương lai, cô lại thở dài, oán cái nền nếp nhà cô. Sao trời đã sinh ra cô là con gái; con gái phố Hàng Đào; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc của một nhà giàu; con gái phố Hàng Đào có nhan sắc của một nhà giàu đương thì đào tơ mơn mớn, mà không được sinh trưởng vào một cái gia đình được ăn mặc tự do, để được xứng đáng với từng ấy cái mà cô được hơn người!

Cô bực, cô bực quá!

Thỉnh thoảng, cô ngồi trong hàng, ló mắt ngắm các tiểu thư đi qua nhà mà đâm ghen.

Nhiều cô thực là xấu, cái môi cong tớn, cái mắt ốc nhồi, thế nhưng hễ mà ăn mặc đúng một tân thời thì trông không thấy xấu nữa. Thế thì cô tuy trẻ mà đẹp, nhưng vì ăn mặc đen thì có lẽ cái nhan sắc cũng bị tiêu đi mất rồi chứ còn gì! Gớm! Thế thì chán thật...

Cô thèm! Cô thèm quá! Năm nào cô cũng lên Hàng Ngang vài chục lần để xem hàng mặc mới. Nhiều thứ đẹp và rẻ lắm! Cô ước ao. Cô giở tung cả cuộn của người ta ra mà ướm vào mình, đứng trước cái gương ngắm nghía thật kỹ. Cô lấy làm thích lắm. Rồi cô lại nhà bạn, mượn áo mới may để mặc thử, rồi đi lấy dáng tha thướt, thì ai cũng phải khen :

- Bạch Nhận nó mặc tân thời ăn lắm nhỉ! Thử cởi cái quần thâm ra xem nào.

Rồi họ lại nói :

- Ừ ra cứ mặt trái xoan và người thon thon, thì ai mặc quần trắng áo mùi cũng nổi.

Mỗi bận cô được khen như thế, thì về nhà, cô lại đâm nghĩ. Cô mơ màng đến ngày cưới cô, quyết thế nào cô cũng xin mặc quần trắng và áo xa tanh

hồng thêu hoa to bằng cái bát. Rồi cô tưởng tượng đến người bạn trăm năm của cô, trẻ, đẹp, đầy đà, cứ chiều chiều dắt cô ra Bờ Hồ hóng mát. Nhưng người ấy phải mặc quần áo tây phẳng nếp, đầu chải thật bóng. Mà cô thì cầm cái mũ cho chồng, mặc lối tân thời từ đỉnh đầu đến dưới gót!

Cô mơ màng. Cô thèm quá rồi. Cô không chịu nổi nữa. Cho nên cô đánh liều. Cô giấu bà cụ, sắm một mẻ toàn những thứ tân thời.

Cô mua đôi giày cao gót, mũi vá; may một cái quần lụa Nhật Bản có bốn nếp gấp ở lườn, lại khâu trái một đường ống, mà ống thì hẹp, và vén gấu; một cái áo sơ-mi viền đàng-ten và thêu hai bông hoa ở bên ngực; một cái áo cánh kín tà dài đến hông, cũng viền đàng-ten xung quanh; vài cái áo dài sắc sỡ, chi chít những hoa là hoa, vẽ rắc rối như thời cục nước Tàu; một cái ví đầm bằng da hung hung, trong có sẵn những đồ để trang sức.

Cô sắm những thức ấy, nhưng cô không dám để ở nhà, cô gửi đăng chi Bích Ngọc ở phố Hàng Trống.

Rồi từ đó, mỗi buổi chiều, cô thu thu hộp phấn vào bọc, cô đến chơi nhà cô Bích Ngọc.

Đến nơi, cô xổ khăn ra, lấy lược chải lại mái tóc. Rồi rẽ lệch đường ngôi. Rồi uốn lại mái tóc cho cong xuống, và thò ra mang tai. Rồi cô bôi phấn khắp mặt, tai và gáy. Rồi cô vươn cổ ra để xoa cho đều. Rồi cô rẽ dài môi ra để tô son. Nhưng cô bạn dạy rằng đừng nên bôi cả vào bề dày của môi mà xấu, phải làm cho cái miệng chúm lại, nghĩa là phải theo chiều môi mà vẽ đỏ một cái môi giả mỏng và hẹp hơn làn môi thật, gọi là môi quả tim. Rồi cô mặc quần trắng, xếp cho thẳng nếp, đứng ống. Rồi cô vận cái áo sơ-mi, cái áo cánh và cái áo dài sắc sỡ, vuốt cho phẳng phiu. Xong đâu đấy, cô dọn đôi giày mang cá, ôm cái ví đầm, đến trước tủ gương mà đứng. Cô quay đằng trước. Cô quay đằng sau. Cô đi đi. Cô lại lại. Cô uốn éo. Cô thướt tha. Rồi cô đứng yên, cô ngắm. Cô bàn. Cô tán. Cô bình phẩm... Cô khoái lắm!

Rồi trong độ nửa giờ, ngấm chán, cô trệt cái bộ cánh ra, xin thau nước lau kỹ cái mặt, rồi mặc quần áo thâm đi về.

Ấy, chẳng ngày nào là ngày cô Bạch Nhạn không diện tân thời một mình, một lúc như vậy. Có thể cô mới đỡ thèm, mới đỡ hậm hực!

Nhưng những hôm mưa lướt suốt cả ngày, thì cô nóng ruột quá. Mà cứ đến cái giờ ấy, quái lạ, cô nằm bẹp gí, chẳng thiết làm cái phải gió gì cả!

30 Mai 1933

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Thằng Ăn Cắp:

Phải đòn trận này thì nó cạch đến già! Nhưng đáng kiếp lắm! Ai thương? Ai bảo mới nứt mắt ra đã đi ăn cắp?

Người ta kháo nhau :

- Quân ấy tinh quái lắm! Ấy, nó cứ giả vờ đói khát để ăn xin, trát bùn vào mặt, vào mình, lử thử làm như thằng ốm, nhưng hễ rình nhà nào vô ý, là thừa cơ thó ngay, rồi lẫn mất, nhanh như cái cắt!

Người ta gớm mặt nó! Người ta sợ nó! Hễ nó lảng vảng đến, người ta ngờ, người ta canh, người ta giữ, coi nó như một con chó đói!

Một hôm, nó vợ vẫn giữa đám hàng bán rong.

Thấy nó, bà hàng rau đứng dậy, quấy gánh lên vai, đi chỗ khác. Bà hàng thịt sờ lại ruột tượng. Bà hàng bún riêu nắn túi tiền. Bà hàng lê bầm cô hàng bánh đúc. Chị bán bánh rán sốt đưa mắt cho bác bán khoai.

Họ thì thảo :

- Thằng ăn cắp.

Trông nó đáng sợ thật. Hai mắt trắng dã, lấm la lấm lét. Tóc thì bông lên như tổ quạ. Da đen thui thui. Mặt rạn như men lọ cổ.

Hai tay thọc vào túi cái áo tây vàng, xơ xác như tổ đĩa, bần thiêu như giẻ lau, nó đứng nhích ra chỗ bóng nắng, dún dấy cho ấm.

Nó nhìn gánh bún riêu. Nó nhìn mẹt bánh đúc. Nó nhìn rổ khoai lang. Cơ chừng nó thèm. Nó thèm vì nó đói.

Thấy nó ám, các bà chẳng dám đuổi, nhưng bụng mong nó cút ngay đi.

Nó đứng một lúc. Rồi quá. Nó chìa bàn tay ra xin, xin bằng những câu văn sách thuộc lòng, chớ không cố lấy giọng năn nì khốn nạn :

- Cẩn cỗ lạy bà, con đói khát, bà làm phúc thí bỏ cho con đồng cơm bát cháo!

Thấy nó giở giọng, các bà giữ riết ruột tượng, túi tiền, thức hàng.

- Để bận sau, đi mà xin chỗ khác.

Nó nhăn bộ răng trắng như bầu ra cười láu cá.

Gớm chết! Nó cười gì? Ai biết được! Hay là nó chế các bà lần này quá khinh nó? Vì nó tham cơ hội mà xin đó thôi. Nó làm bộ, lắc túi cho các bà nghe thấy tiếng xu kêu loèng xoèng! Ranh con thực! Nó lại đứng yên. Nó ngẫm. Hai mắt chòng chọc vào cái nồi bún riêu khói bốc lên ngùn ngụt. Vào cái nồi bánh đúc ngon lành. Vào cái rổ khoai tròn trĩnh như “Ông Y”. Nó chảy nước dãi. Nó thèm. Thèm quá, vì nó đói thực.

Suốt từ sáng, nó chỉ được có sáu đồng trinh, và một bát cơm nguội. Bát cơm ấy, chưa đủ sức đèn vào chỗ nhịn chiều hôm qua. Nhưng thôi, làm quái gì cái vật! Ăn không ra bữa, đã quen từ thuở bé. Nó chỉ thấy đói, chứ không thấy cồn cào. Nó ngồi sán vào cô bán bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng ôm khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để :

- Chưa bán mở hàng đấy! Khi ạ!

Nó lại lê dịch sang kê nồi bún riêu :

- Lạy bà, con ăn mày bà một bát.

- Ba mươi sáu cái nồn nường! Mỗi bát mấy đồng xu của người ta đấy!
Thôi đi! Dơ!

Nó lại mó vào củ khoai lang, tùm tùm cười.

Bà ấy vội hất tay nó ra và mắng :

- Bà thì tát cho một cái bây giờ, đừng láo!

Bà hàng lê chắc chẳng đời thuở nào nó dám động đến hàng mình, là thứ xa xỉ phẩm, đùa nói rằng :

- Một hào một quả, bỏ tiền đây, tao bán cho.

Nó cười, lắc đầu.

Bà ấy ném vào lòng nó một mảnh vỏ quýt. Nó đỡ được, bỏ vào mồm, nhai gau gáu!

Rồi nghĩ thế nào, nó đứng dậy, tay nó đếm xu trong túi, nói với bà hàng bún riêu :

- Bà bán cho cháu một bát.

- Mày có tiền không?

Nó gật đầu, mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Suyt soạt! Cay! Ngon quá!

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô-tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

* * * * *

Năm phút...

Mười phút...

Bỗng chốc :

- Ôi ông đội xếp ơi! Thằng ăn cắp! Ai đuổi hộ tôi!

Bọn bán hàng nhốn nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vương. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ.

- Bắt lấy nó!

Thằng ấy cầm đầu cầm cổ chạy, nhanh như mũi tên.

- Trời ơi! Nó kia kìa! Ai đuổi hộ tôi!

Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người! Sáu bảy người...

- Bắt lấy thằng ăn cắp!

Rồi hàng chục người. Rồi không đếm được bao nhiêu người nữa. Họ chạy huỳnh huyếch. Họ làm như bắt giặc!

Ai cũng kéo cả ra đường để nhìn theo!

Một thằng chạy. Mấy trăm người đuổi. Bụi mù!

Bà ấy chạy sau rốt! Áo lấm. Khăn xô. Tóc rũ. Ngửa mặt lên mà kêu :

- Ôi ông đội xếp ơi!

Mọi người hỏi nhau :

- Ai mất gì?

Người bảo :

- Nó cắt đứt ruột tượng của người kia.

Người bảo :

- Nó lẩn túi người ta! Chà thằng oe con gớm thật!

Rồi lại thêm mấy chục người nữa đuổi theo thằng ăn cắp.

- Thằng ăn cắp! Bắt lấy nó! Ôi ông đội xếp ơi! Nó ăn cắp của tôi!

Kìa, ông đội xếp đến thực! Bỏ mẹ!

Ông ấy cầm cổ, gò lưng, bấm chuông liên thanh, đạp xe đuổi theo.

Nó vẫn chạy như khoảng cả hai cẳng lên vai. Chạy hăng quá!

Nhưng người đuổi chạy nhanh hơn.

Bà ấy thì lạch đạch như con vịt, kêu không ra tiếng, mỗi lúc một xa nó, xa nó đến sáu bảy mươi thước tây.

- Khổ thân tôi, trời đất ơi!

Đến ngã tư.

May quá: một ông chẳng hiểu đầu cuối ra sao, nghe tiếng kêu, đâm bổ ở trong nhà ra, tóm được cổ nó. Nó cúi xuống, mồ hôi trơn, suýt trượt. Nhưng

ông ấy vớ được cánh tay nó.

Nó giăng ra. Ông ấy khỏe như con vâm, quật ngay nó xuống đánh oách, ngã sấp xuống đường đá, sây sát cả người, máu mê bê bết. Ông ấy vồ được nó.

- Nó ăn cắp gì?

- Nó giật khăn!

Ức! Một cái đá vào mạng mỡ.

- Chạy nữa đi!

Hự! Một cái tông vào ngực.

Nó méo mặt không thở được! Chịu nằm yên.

Người ta chạy tới dần. Năm chặt lấy nó. Nhưng chẳng năm, nó cũng chẳng chạy được.

Huych! Huych! Bốp! Bốp!

- Này chừa này! Ăn cắp này!

Ai cũng phải giã cho cẩn thận, để bỏ lúc chạy mưa mặt bắt nó!

Nó lạy! Nó van! Nhưng ai tha? Dại gì mà tha thằng ăn cắp?

Họ càng ghét, túm lại, đánh như mưa.

- Cho đáng kiếp! Nó giật đôi khuyên vàng của người ta!

Họ lại đánh túi bụi, không tiếc tay.

- Mười ba mười bốn tuổi đầu, đã dám lằn lừng, lấy của người ta năm đồng bạc, rồi lại đánh người ta!

Họ lại tức dữ. Lại cho trận nữa.

Nó đau quá. Nằm sóng soài, không nói được nữa. Hai mắt lờ đờ khốn nạn như con chó bị trời giạt bốn cẳng ra đằng sau lưng.

Họ khám túi nó. Tang vật nó tẩu đi đâu rồi?

- Mà để đồ ăn cấp đâu?

- Nó có đảng!

Nó mở mắt ra nhìn. Họ lại ạch. Họ lại thụi. Họ lại tát. Họ lại đá. Không tiếc tay! Rồi lại hô :

- Đánh chết nó đi!

Nó cũng gần chết thực.

Những mũi giày, những gân bò, những quả đấm, những ngọn gậy, làm đau ê cả mình nó. Phen này sống cũng thành tật! Nó cự. Nó nhăn. Nó ôm bụng.

Đám đông càng ùn lên. Xe pháo tắc tị không đi được. Ông đội xếp lôi tay nó dậy :

- A lê! Lên Cầm!

Nó mềm như sợi bún, không dậy được.

- Nó giả vờ đấy!

Lại mấy cái móng giò. Lại mấy cái tát, để đợi người khổ chủ còn đường ì ạch chạy theo ở đằng xa.

Bà ấy mệt quá. Không lê được một bước! Không kêu được một tiếng! Cơ chừng tiếc của. Cơ chừng hết sức. Cơ chừng hết hơi. Không biết mất cái khăn, đôi khuyên, hay năm đồng bạc? Không biết bị nó đánh có đau không? Chờ bà ấy đến sẽ rõ.

- Ông... bà... giữ... lấy... nó... cho... tôi!

- Có thả nó cũng không chạy được, mau lên!

Bà ấy vẫn chạy. Bà ấy vẫn kêu. Bà ấy vẫn thở.

Thảm quá!

Vòng người đứng giãn ra. Bà ấy đến.

Hồn hển thở chẳng được :

- Phải nó đây rồi.

Bà ấy vồ lấy nó, vả lấy vả để.

Bà ấy đánh, cứ tưởng mạnh. Nó cũng không biết đau. Nó mê lên rồi.

Bà ấy kiệt sức, ôm chầm lấy nó, rồi ngã sòng soài ngay cạnh.

- Trả... tao... đây! Trả... tao... đây!

Nó không thở được. Nó nhăn.

- Nó lấy gì của bà?

- Các ông đưa... nó lên... Cầm... hộ... tôi!

- Bà mất gì?

Bà ấy cố trả lời, nói rồi rạc như người sắp tắt :

- Nó ăn... của... tôi... hai xu... bún riêu... rồi... nó quyét... nó chạy!

17 Septembre 1932

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Thế Là Mợ Nó Đi Tây:

A bord du Chantilly, le 10 Décembre 1927 [1]

Cậu,

Trời ơi, thực là tôi để lụy đến cậu! Nếu biết trước rằng cảnh ly biệt nó xé tan nát gan ruột tôi như thế này, thà cứ chịu ở nhà dạy học, đỡ cậu mỗi tháng ba bốn chục bạc lương, thì được gần gũi gia đình, sớm tối vui thú với cậu, với con, việc gì đòi xuất dương du học đến nỗi bây giờ vất vả một mình, thân gái dặm trường, khóc thầm với bóng!

Từ lúc con tàu chạy xa, nhìn vào bờ chỗ cậu đứng bế con, chỉ còn thấy cái mùi soa bay phất phới mà thôi, thì tôi bồi hồi tắc dạ, giọt lệ khôn cầm, tâm sự ấy bút nào tả xiết! Chỉ tiếc ngày thường không chịu nghiên cứu văn chương An Nam để lúc ấy tôi làm một bài thơ kỷ niệm sự biệt ly!

Vào đến buồng, nằm lả trên giường, tôi không buồn dậy nữa. Đã toan lấy bút ghi chép mấy câu vào quyển sổ tay, nhưng thảm quá, nước mắt đã tràn trụa thốn thức, không nghĩ ra câu nào mà viết! Cậu ơi! Cậu có làm thế nào cho tôi đỡ nhớ không?

Nhưng nay biết làm thế nào bây giờ? Con tàu ác nghiệt nó cứ mỗi lúc một làm cho mình xa nơi xứ sở thân thích, rồi nó lại che kín bằng bức màn sương. Nghĩ lại lúc mới cạo răng, mặc bộ quần áo đầm, lúc mới bước chân xuống tàu, trong bụng hăm hở thế nào, thì bây giờ nhớ đến cái tình vợ chồng, cái tình mẹ con, tối tối được sum họp cùng nhau dưới ngọn đèn, thì ruột tôi lại cũng đau như cắt thế!

Nhưng đã trót đi thì cứ dần, tôi không nản chí đâu, cậu ạ! Ở Hà Nội, thi chín khoa đã trượt cả, thì sang Tây phen này, ba năm ắt giật được mảnh bằng tú tài. Cậu sẽ chẳng xấu hổ mất tiền cho vợ du học đến nổi tay trắng về không. Tôi buồn thực. Nhưng buồn bao nhiêu, tôi nhớ cậu bấy nhiêu. Tôi nhớ cậu bao nhiêu, tôi lại càng không dám phụ công cậu nuôi cho ăn học.

Thằng chó con, trông ảnh nó, tôi nhớ nó quá! Nó có hỏi tôi luôn không? Nó có biết rằng vợ nó đi Tây không? Mấy hôm nay nó có hay quấy không?

Cậu nhớ cho nó chừng đậu đi nhé. Mẹ tôi ở nhà có buồn không? Nếu cậu thương nhớ tôi, thì nhờ cậu thay tôi, thỉnh thoảng đi lại khuyên giải mẹ tôi cho khuây khỏa. Viết đến đây, nghĩ đến mẹ già, tôi lại tủi. Chẳng may nhà nghèo, đến nỗi bao nhiêu phí tổn đi Tây học, tôi để phần cậu chịu cả! Tôi thương cậu quá. Thực là một người chịu khó nhọc một mình để kiếm lương nuôi vợ đi du học như cậu, ít có lắm.

Nhưng cậu cũng nên thương tôi mà đừng chơi bời gì cả. Lúc nào cậu cũng nên nghĩ đến tôi, thui thui quê người, vì thương cậu mà đêm ngày cố công đèn sách. Tôi nói thế, chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ! Quái sao hôm nay tôi thấy lao đao thế này, hay là say sóng rồi đây?

À quên, cái hộp phấn của tôi dùng dở để ở bàn, cậu cho mang lại đăng chi Diệp hộ, vì chị ấy xin mà tôi quên đi mất.

Xin chúc cậu và con mạnh khỏe luôn.

Tạ

TUYẾT ANH

A bord du Chantilly, le 1er Janvier 1928

Cậu,

Những thư trước tôi gửi về, chắc cậu tiếp được cả rồi. Lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải. Sự đó tôi cũng biết là lỗi, đáng lẽ người đi phải yên ủi kẻ ở bằng những câu vui vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối hận quá.

Gần tới Marseille rồi, cậu ạ. Từ khi con tàu qua kênh Suez, vào địa phận bể Méditerranée [2] tới nay, tôi thấy phấn chấn trong lòng lắm. Trời Tây bảng lảng bóng vàng, cái không khí êm đềm, nhẹ nhõm, làm cho tôi được thấy như khỏe mạnh hơn. Nhất là từ khi tôi được quen mấy bà người Pháp cùng đi một chuyến, thì những lúc nhớ nhà, nói chuyện cũng được khuây buồn. Cho nên tôi càng khuây buồn bao nhiêu, tôi càng nhớ đến cậu bấy nhiêu. Chỉ thương cho cậu lúc này, có lẽ đang nằm thừ trên giường mà nghĩ đến vợ, lênh đênh giữa bể không biết có bình yên mạnh khỏe không. Nhưng cậu nên yên tâm nhé. Vợ cậu buồn thì vợ cậu được thở than với bạn, được viết thư nói chuyện với cậu, chứ những lúc cậu nhớ vợ cậu, thì cậu than thở cùng ai? Cậu chỉ ngậm mồi sâu trong bụng mà không viết được ra thư, vì thư của cậu dù có gửi ngay, tôi cũng chưa tiếp được! Sự đau lòng mà không tỏ ra được mới thật là nên thương!

Quái, tôi lại nói chuyện buồn rồi! Thế nào? Hôm lễ Noël vừa rồi cậu có mua cho con thức gì cho nó chơi hay không? Hôm nay cậu có đi chào Tết hay không? Chào những ai? Ở dưới tàu, sáng ngày hành khách cũng tụ họp để chúc nhau, vui đáo để. Mẹ tôi vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Cậu đã khỏi thực đau mắt chưa? Hỏi thế khí lắm lắm, ngót một tháng rồi, còn gì mà chả khỏi nhỉ!

Thôi, hôm nào tới Marseille, tôi sẽ đánh dây thép báo cho cậu biết.

Vợ yêu cậu,

TUYẾT ANH

Aix-en-Provence, le 7 Janvier 1928

Cậu,

Ban này tới Marseille, tôi đã đánh dây thép về cho cậu biết rồi. Chắc cậu đã tiếp được hơn một tháng nay, mà biết đâu, trong khi cái thư này vượt biển về Hải Phòng, nó không gặp cái thư của cậu gửi cho tôi sang Pháp. Thế mà chúng nó không bắt tay nhau, tệ nhỉ!

Tôi tới Aix mới được độ hơn một giờ đồng hồ! Tuy trong người vẫn còn lao đao như khi ở dưới tàu, nhưng không thể nào ngồi yên mà không thảo vài câu để nói chuyện với cậu biết được.

Ông bà Madron ra tận Marseille đón, cậu ạ. Ông bà ấy vẫn vui vẻ như xưa, duy ông ấy thì trông khác trước, vì bây giờ cạo trụi cả râu đi rồi. Ông bà ấy nhận ra tôi, chứ giá để kệ, có lẽ tôi không biết ông ấy nữa. Bà ấy có hơi già hơn trước và nói rằng từ ngày về Pháp, thì sự làm ăn có khi vất vả hơn ở Hà Nội ta. Thằng Robert nó còn nhớ tôi! Bây giờ nó lớn lắm, bằng con người ta lên mười ấy! Ông bà Madron được mấy chai nước mắt của tôi biểu thì mừng rơn, nói rằng từ ngày về Tây, chỉ nhớ nhất là thứ đồ ăn đặc biệt ấy. Ông bà ấy quý lắm, đem cất kỹ vào trong tủ.

À quên, từ Marseille đến Aix, chỉ có 29 km thôi, chứ có phải 39 km đâu mà trước cậu cứ cãi mãi. Tôi đi xe điện chứ không đi xe lửa, chỉ độ ngót một giờ thì tới. Hai bên đường phong cảnh đẹp lắm, nhưng vì tôi mệt, nên chưa quan sát kỹ, để một thư sau, tôi sẽ tả rõ.

Mai tôi nhờ ông Madron giới thiệu hộ với giáo sư Bourguignon. Ông Madron bảo rằng sức tôi thì chỉ học tư ông Bourguignon độ đến tháng Octobre này thì có thể thi vào lớp 1 ère [3] ở Lycée Mignet được.

Kính chúc cậu và thằng chó mạnh khỏe.

Je t'embrasse [4].

TUYẾT ANH

Aix, le 12 Janvier 1928

Cậu,

Từ nay cậu viết thư cho tôi, thì cứ đề về No 2 phố Eméric David là nhà tôi thuê.

Tôi sợ dĩ phải thuê nhà là vì ở đằng ông bà Madron chật quá, không có chỗ tĩnh để học, mà chính bà Madron lại giữ ý, không muốn để tôi ở đằng ấy. Nhưng thế là tiện lắm. Nhà thuê mất 200F một tháng. Rẻ đấy, vì chủ nhà là người bà con với ông Madron. Chỗ ở xinh lắm, lại được gần nhà hội quán của tụi học sinh An Nam, số nhà 25. Từ nhà tôi đến nhà ông Bourguignon cũng gần. Ông Bourguignon ở đầu phố, giáp ngay Cours Mirabeau; mỗi khi tới đây thấy xe điện chạy về phía Marseille thì tôi lại nhớ nhà lắm. Nhất là ở trước cửa nhà trọ, có một cái cây sao mà nó giống cái cây trước cửa nhà ta thế! Cũng có cái cảnh cụt trước cậu vẫn bảo như cái nắm tay giơ ra để ục nhau ấy mà!

À, gớm chiều hôm nay, ở Café Leydet gần phố tôi ở có một chuyện xảy ra ghê cả người. Có hai người học sinh ta họ cãi nhau về nghĩa lý văn bài thế nào, thành ra to tiếng. May có anh em vào can mới yên. Học sinh An Nam ta cứ chiều tối là hay ngồi đó. Học sinh người mình ở Aix có độ ngót trăm. Nhiều người học hành xuất sắc lắm, nhưng lắm bố con nhà giàu thì chỉ chơi bời mà thôi! Có ít người cũng ở phố David, vì gần hội quán, lại gần Lycée Mignet đi độ 5, 6 phút thì tới.

Tối mai, bà Madron rủ tôi đi xem cinéma, cách chỗ tôi ở một quãng, tôi đã nhận lời.

Tôi xin thề rằng sẽ hết sức học hành để khỏi phụ lòng cậu trông cậy, xin cậu yên tâm. Ông Bourguignon giỏi khoa văn chương lắm, nghe ông giảng như nước chảy, mê cả tâm thần!

Chắc vài hôm nữa, tôi sẽ tiếp thư cậu. Ở nhà có việc gì lạ, xin cậu đừng giấu tôi.

Tạ

TUYẾT ANH

Aix, le 12 Février 1928

Cậu,

Đọc thư cậu, nước mắt tôi tràn trụa đầy cả ra giấy. Trời ơi! Biết thế này, thì tôi chẳng đi Tây cho nó đành!

Thôi cậu ạ, cậu có thương tôi, thì cậu nên nghe tôi, cậu đừng đi làm thêm giờ nữa. Vẫn biết mỗi tối làm thêm vài giờ chẳng là bao, cuối tháng cũng được ba bốn chục bạc phụ cấp; nhưng cậu cứ cặm cụi quá sức thế, thì đến kiệt lực mà ho lao mất! Cậu có khỏe gì bằng ai, tôi tưởng chả nên tham việc quá thế. Thì ra chỉ tại tôi mà đến nỗi một mình cậu vất vả, cậu làm cho tôi thương cậu đến nỗi ốm mất!

Cậu ơi! Cậu nên tỉnh dưỡng, nên coi sức khỏe làm trọng mới được. Lương cậu hiện đã 140\$00 mỗi tháng, chỉ phải gửi cho tôi có 80\$00, còn ăn tiêu ở nhà cũng tiệm đủ rồi, thì thôi, tôi xin cậu, đừng nên quá tham, lỡ có mang bệnh lại để tôi ân hận suốt đời, vì con vi trùng ho lao nó có nể người tốt bụng đâu?

Nếu cậu không nghe tôi, thà rằng cậu cho tôi xuất tàu để tôi về còn hơn.

Nhân tiện xin nói để cậu biết, cậu nghĩ vậy mà khuyên tôi như thế cũng là phải. Nhưng tuy tôi là thân gái một mình ở nước tự do, song, xin cậu biết rằng ở đây tự do thật, nhưng là cái tự do có giáo dục, chứ không như ở bên ta đâu. Vả lại bao giờ đi ra ngoại quốc cũng phải giữ sĩ diện cho nòi giống chứ. Tôi nói quá như thế để cậu yên tâm, chứ nào cậu có ngờ gì tôi đâu. Xin cậu biết cho rằng không phút nào là tôi không nhớ cậu, nhớ con, là hai người thân nhất của đời tôi. Trừ những khi mất đề vào quyển sách, thì lúc nào tôi cũng nhìn lên ảnh cậu và ảnh con để ngay trước bàn mà ngắm cho khỏi nhớ.

Ở đây, tháng Février này rét lắm. Sáng hôm nay có mưa tuyết. Chiều đến, ở Cours Mirabeau, trẻ con nắm tuyết ném nhau trông thật vui mắt.

Mưa tuyết xong, tiếp luôn mấy trận gió mistral [5] thổi rét thấu xương. Đường phố lộ nhơm nhớp, bẩn quá. À, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe cái lối đồ ô-tô ở phố chưa nhỉ? Mới trông lạ mắt, buồn cười lắm. Nó không đồ theo dọc đường, sát hè phố, như bên ta đâu. Xe nào cũng đứng ngang đường, quay mũi ra ngoài. Bây giờ trông quen, không thấy lạ nữa, mấy hôm đầu, đi sát vào mũi, tưởng hình như nó sắp xéo bẹp mình! Cậu đã nhận được áo đan chưa, sao không thấy nói trong thư? Cậu viết cho tôi đi, dài vào nhé! Nhớ cậu quá!

TUYẾT ANH

Aix, le 3 Mai 1928

Cậu,

Khốn nạn thân tôi, sao cái tin đau đớn của tôi, cậu không báo cho tôi biết bằng dây thép. Đành rằng mẹ tôi chết, dù có biết sớm cũng không làm gì được, nhưng sao cậu ác nghiệt quá thế, trời ơi!

Cậu ơi! Tôi bất hiểu quá, mà ông Trời kia sao khéo lừa dối tôi làm vậy,

bắt tôi đi xa rồi đem mẹ tôi đi đâu?

Ông bà Madron thấy tôi có tin buồn, sang khuyên giải và tiêm cho tôi liều thuốc bổ. Bây giờ tôi không mê man như lúc mới tiếp tin nữa. Khốn nạn, dù tôi có than khóc hết hơi cũng không sao thấu được đến cửu tuyền, để yên ủi linh hồn mẹ. Sao tôi chẳng được chết đi cho rồi!

Nhưng đến trường hợp này, tôi mới rõ bụng cậu. Thực là ít thấy có. Mà nhà tôi cũng là đại phúc nên trời kia xui khiến tôi được hầu hạ cậu. Mẹ tôi chẳng may chết đi, có tôi là lớn lại đi vắng, nhưng được cậu ở nhà, lấy tình rể cũng như con mà cáng đáng lo lắng cho các việc ma chay, cái ơn trời bể ấy, tôi biết lấy gì đền lại. Tôi chỉ khẩn cho cậu sẽ được trông thấy tôi công thành danh toại, một mai về nước, đem tiếng thơm đi đền ơn trả nghĩa cậu mà thôi. Nếu kiếp luân hồi mà có thực, thì tôi xin cả kiếp sau cũng tìm được cậu để được trả nghĩa cho trọn cái ơn này.

Cậu ơi, tôi nói không sao xiết ý được. Mà nhất là trong khi tôi gặp cảnh đau đớn này, thì tôi chỉ biết than thở, khóc lóc mà thôi. Còn thằng em bé tôi đây, tôi cũng xin cậu trông nom cho nó được nên người, để tôi yên tâm học tập. Xin cậu vì thương tôi mà thương đến nó, chứ bây giờ tứ cố vô thân, nếu cậu không đoái hoài đến nó, thì thật là không còn bầu búa vào đâu được nữa. Khốn nạn cho tôi, ở vào cái cảnh nghèo! Tôi ghen lời, không sao viết được thêm nữa.

À, thư trước viết bằng tiếng Tây là ý để cậu biết sức học của tôi bây giờ thế nào, chứ có dám nghĩ như thế đâu, cậu miễn trách cho. Cậu đừng chơi bời gì nhé, nên thương đến tôi.

Vợ khốn nạn của cậu.

TUYẾT ANH trăm lạy

Aix, le 29 Juillet 1928

Cậu,

Thế nào? Sao cậu không mời docteur cho con, uống thuốc ta tôi tưởng chả ăn thua gì đâu. Nhưng nó cũng mệt xoàng thôi đấy chứ? Đầu tháng này, có kết quả kỳ thi tú tài, tôi trông thấy người đỡ, mà lại lo, chẳng biết sang năm, số phận mình ra sao.

Nhưng mà xem ra tôi học tấn tới lắm cậu ạ. Cậu cứ yên tâm mà làm ăn. Cái bát họ của chị Tham, cậu nhận như thế cũng phải, thà mua sớm mà trả nợ, còn hơn là để nó dây dưa, rồi đến hẹn phải lo một món to. Cậu cứ chịu khó ăn sên để dành, nay mai phúc nhà còn vượng, tôi đỡ về, thì lúc bấy giờ ta làm giàu!

Nghĩ đến tương lai thì phần chấn trong lòng, mà nghĩ lại riêng mình cậu khó nhọc, thì tôi lại đau từng khúc ruột. Vì tôi mà cậu mang công mắc nợ, một mình lo lắng năm canh! Nào cho tôi đi học, nào lo lắng ma chay cho mẹ vợ, nào nuôi cho em vợ đã đỡ được nên người.

Độ này cậu phải đi làm thêm như thế có mệt lắm không? Cậu nên mua thuốc bổ mà uống; nếu không thì lại đẳng ông lang Hai mà mua lấy mấy lạng cao ban long để ăn; cậu chứ nên coi thường sức khỏe làm vậy.

Năm nay ở bên này nắng lắm, cái nắng khô khan ở miền Nam này, lắm lúc tôi cũng thấy khó chịu, nhưng vẫn được mạnh khỏe.

Tôi gửi theo đây gói đồ chơi của con, nó mừng rỡ thế nào, cậu cho tôi biết. Cái ảnh cậu mới gửi sang, sao tôi trông gầy thế? Mà mũi con có cái vết gì đau, hay là vết sờn trong ảnh, cậu cho tôi biết.

Tôi khỏi ốm ngay tối hôm tôi viết thư về cậu. Nếu biết rằng cậu lo, thì tôi chẳng nói cho xong.

Mille baisers [6].

TUYẾT ANH

Aix, le 15 Août 1930

Cậu,

Thật là từ ngày tôi sang bên này tới nay, tôi tiếp thư nào ở nhà cũng lấy làm buồn bực ân hận.

Ai ngờ vừa tháng trước đánh dây thép báo tin đồ cho cậu biết, thì nay đã tiếp được tin cậu như sét đánh ngang tai.

Thế nào, cậu ho ra làm sao mà có máu thế? Tôi nói có sai bao giờ đâu. Cậu chớ nghe tôi, cậu chớ bỏ dưỡng sức khỏe, để đến nỗi mang bệnh vào mình. Nếu cậu ho lao, thì cái vô phúc, trăm phần tôi xin chịu cả? Thà rằng tôi chết cho cậu được sung sướng, còn hơn tôi để cậu phải cáng đáng một mình hết nỗi nọ đến nỗi kia.

Cái ảnh phổi cậu chụp xong cũng cho tôi xem với. Nếu thầy thuốc chiếu điện mà đã nói thế, thì tôi tưởng chỉ nên nghỉ việc đi là hơn.

Nhưng làm thế nào? Cậu trồng cây sấp tới ngày ăn quả. Đến sang năm, tôi thi nốt phần thứ hai kỳ tú tài rồi, vậy cậu nghĩ cho tôi thế nào, tôi cũng xin vâng theo.

Ở bên này, ông Madron mấy hôm nay cũng ốm, đến nay bệnh vẫn chưa thấy lui.

Thì ra xung quanh mình, tôi chỉ thấy những sự buồn, mà không đủ sức để can ngăn nó được. Tôi khổ lắm.

Bệnh tình cậu hiện nay thế nào, từ nay xin cứ mỗi kỳ tàu, cậu nhớ cho tôi

biết. Con thế nào? Vẫn chơi ngoan đấy chứ? Chuyện gì bí mật mà tôi hỏi trong ba bức thư luôn, cậu chưa trả lời thế? Đừng chơi bời gì nhé!

Nay kính thư,

TUYẾT ANH

Aix, le 4 Septembre 1931

Thưa cậu,

Tôi bất đắc dĩ cầm bút viết bức thư này để tạ tội cùng cậu, xin cậu tha thứ cho người vợ bạc bẽo phản bội này.

Tôi chịu ơn cậu rất nhiều, cũng mong đến nay công thành danh toại, về để hầu hạ cậu, giúp đỡ cậu trong lúc ốm đau. Nhưng mà... tóc tơ ngăn ngại có ngần ấy thôi, cậu cũng cầm lòng như tôi hư mà cậu bỏ tôi từ trước, hoặc duyên đôi ta, giữa đường đứt quãng, thì từ nay xin cậu coi tôi như không có nữa mà thôi.

Sự vợ chồng ông Trời đã định sẵn, có lẽ duyên nợ của cậu với tôi, đã hết từ ba năm trước lúc đưa nhau ở bến tàu Sáu Kho.

Cậu cũng đừng nghĩ, đừng tìm tôi nữa, tôi sẽ ở Nam Kỳ với một người bạn học tôi mới đậu Y khoa bác sĩ.

Nay vĩnh quyết,

TUYẾT ANH

18 Mai 1932

Chú thích:

[1] Trên tàu Chantilly, ngày 10 tháng Mười hai 1927.

[2] Địa Trung Hải.

[3] Lớp Première: có thể coi tương đương lớp 11 trường trung học (lycée) ở Việt Nam.

[4] Hôn cậu.

[5] Loại gió đặc trưng ở vùng này của nước Pháp.

[6] Nghìn nụ hôn.

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Ngựa Người Và Người Ngựa:

Đố ai biết anh phu xe đường lững thững dắt cái xe không ở đẳng ngã tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đây?

Trông anh ấy có vẻ đói khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi Tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế! Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng một “cuốc” tất niên?

Ấy thế! Trả xe cho xong quách, về mà hú hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó. Năm hết Tết đến rồi, còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ còn lâu la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vơ vẩn vơ như thế này! Khốn như anh ấy vừa mới ồm dậy, ồm một trận tưởng mười mười chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền vào lúc cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu, sạch sành sanh cả.

Bởi vậy hôm nay anh ấy cố vay được cái vốn để đi mua xe, kiếm bữa gạo để ăn Tết.

Quái, không hiểu cái ngày nay là ngày gì, mà từ chiều đến bây giờ, anh ấy mới được có hai hào chỉ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mời mỗi miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh Tết nhà giàu mà thèm rở dãi. Họ quăng của đi về dịp

Tết, thi nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng anh ta dỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đằng xa hay không, thì chỉ thấy đánh đẹt, lòe một cái ở giữa đường, làm cho anh ta giật mình đánh thót. Giật mình rồi lại thở dài, ngán cho nổi cái đời bấp bồng, lắm lúc muốn quăng phăng cái xe đi mà làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy đi lững thững như thế, qua Hàng Trống, quặt ra phố Nhà Thờ, xuyên thẳng ra lối nhà thương Phủ Doãn, thì bỗng đứng dừng quay cổ lại nhìn.

- Xe!!

- Đây!!

Ba chân bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía người gọi, hạ hai càng xuống :

- Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngọt ba mươi tuổi, mình mặc xa tanh nâu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở vỉa hè.

- Anh có đi giờ không?

- Bà đi mấy giờ?

- Một giờ.

- Xin bà sáu hào.

- Sao anh lấy đắt thế? Hai hào!

- Thưa bà, xe ngày Tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai kéo nữa, mà bà trả rẻ thế. Con kéo bà một chuyến, rồi cũng đi trả xe, về ăn Tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

- Này bà trả bao nhiêu?

- Hai hào là đắt rồi, ngày dưng chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

- Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thì thôi.

- Thôi.

Bà khách lại quay lưng đi, lần này thì đi thẳng.

Anh xe vắt chân tréo khoeo, chông càng xe lên trời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán có lẽ người này cũng là khách kiết, nên mới trả xe rẻ quá như vậy. Thôi thì người già thì ta non, anh chạy theo mà gọi :

- Này, bà lên xe!... Hai... hào...! Xin bà hai hào rưỡi!

Bà khách vừa bước chân lên sàn xe, thấy anh xe vò hai hào rưỡi, vội nhảy tọt ngay xuống đất mà nói :

- Không hai hào thì thôi.

- Thôi đây, mời bà lên!

Bà khách vạch cổ tay áo, xem đồng hồ mà rằng :

- Chín giờ năm nhé, nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, cho nên cũng chỉ chạy “dường lão” thôi, dít nhồm mạnh, mà bước ngắn. Vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng bà khách đi có việc gì, cho nên còn chạy. Sau thấy bà cứ trở vơ vẩn hết phố nọ sang phố kia, mà chả đỗ ở nhà nào cả, thì mới đoán có lẽ là cảnh “ăn sương” chi đây. Anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải giảng há [1], thì mình giới thiệu cho một món sộp đáo để. Nhưng lỡ không phải thì họ mắng cho và không trả tiền thì khổ.

Qua chợ Đồng Xuân, vòng về Hàng Cót, lại rẽ sang Cửa Đông, bà khách bỗng hỏi :

- Anh xe có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?
- Vâng nhưng bà có cho cháu hai hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.
- Được. À, anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc nữa tôi trả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao phục, lấy ra hai hào, đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe lại nhấp nhõm chạy rào cẳng vài bước, rồi lại tiến tước [2] như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn :

- Bà tìm ai, thưa bà?
- Tôi tìm người quen.
- Người quen bà ở phố nào?
- Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra ga, vòng về đường Sinh Từ, quặt về Hàng Bông, Hàng Mành, Hàng Vải Thâm, vân vân; mãi mãi mà người khách vân không tìm thấy ai quen.

- Thưa bà bây giờ mấy giờ rồi?

- Mười một giờ kém năm.

- Con kéo hết giờ này, xin bà cho con tiền để con đi đón khách ở ga về.

- Anh có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

- Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chớp bóng thì một cuộc cũng được hai hào chỉ.

- Anh đã chắc có khách chưa? Hay lại mật ít ruồi nhiều, rồi dắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thùng thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mưa mật ra ư?

Anh xe nghe bùi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi. Các cửa đóng kín mít. Đi một lúc qua Ngõ Trạm, vòng sang Hàng Điều, rồi rẽ sang Hàng Bồ. Lúc ấy bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, đi đệt báo giao thừa.

- Mấy giờ rồi, thưa bà?

- Phải gió nhà nào bây giờ đã đốt pháo giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: “Mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào; sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín hào. Chín hào! Mở hàng ngay vào lúc năm mới vừa đến. Thật là may! Mới năm mới đã phát tài! Thôi sang năm tất là làm ăn bằng mười bằng trăm năm nay”.

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phẩn chấn trong lòng, như có cái sức gì nó xui giục anh ta quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

“Sáng mai, kéo chuyển khách qua ga, xong rồi ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga-tô cho nó mừng; vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hớn hờ, thấy ta làm lụng vất vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không mệt nhọc, để vợ chồng con cái ăn Tết với nhau cho hể hả”.

Anh vừa nghĩ thế, vừa kéo về phía nhà thương Phủ Doãn. Tối chỗ khi này, anh dừng xe lại, nói :

- Bây giờ có lẽ hơn mười hai giờ; xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luống cuống, nói :

- Chết! Anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

- Thôi, khuya rồi, cháu phải về nhà.

- Nay, chả nói giấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ đây. Có anh biết đấy. Có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để trả anh, nhưng chẳng may gặp phải cái tối xúi quẩy thế này, thì tôi biết làm thế nào?

- Thế cô đi xe tôi từ chín giờ, cô không trả tiền tôi à?

- Bây giờ thì tôi biết làm thế nào?

- Tôi kéo cô lên Cầm.

- Lên Cầm thì tôi cũng đành lên với anh, chứ tôi biết làm thế nào!

- Thế mà cũng vác mặt mặc cả xe giờ, lại còn vay tiền người ta mà mua thuốc lá với hạt dưa!

- Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng Bún, khi nào anh đi qua thì tôi trả tiền anh

chứ gì!

- Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng Bún, ai biết ngõ nào mà tìm!

- Tôi không có tiền đâu, chả tin anh khám mà xem.

- Tôi không khám, cô trả tiền tôi cho tôi về!

- Đây, hay là phu-la [3], áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thứ gì thì lấy?

- Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à!

- Thôi này, đừng cẩu làm gì, tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh, cùng là đi kiếm khách kiếm ăn cả, lỡ phải một tối thế này thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào!

- Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà sấm để hỏi, cô còn sĩ diện mãi.

- Nào ai biết cái cơ sự nó ra như thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền trả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may mà tôi có khách, thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn nàn nữa.

- Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp! Rắc rồi!

- Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thế này!

Anh xe vừa đi vừa thở dài, khách cũng vừa ngồi vừa thở dài. Càng đi càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt, thỉnh thoảng mới gặp một người trùm hum cái áo ba-đờ-xuy, có ý vội vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau xung quanh ngọn đèn; lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau ở trên đường nhựa.

Anh xe dắt xe đi qua các cửa nhà sẫm để xin việc cho cô ả, nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi, cho nên ế! May sao đến đầu phố Hàng Gai, thì gặp một người ăn mặc ra dáng ăn chơi đang tất tả cúi đầu đi. Cô ả dử mồi, đánh liều gọi lại, vờ vĩnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu, và cứ rào cẳng bước đều :

- Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được, tôi còn vội đi mời đóc-tờ cho vợ tôi ốm đây!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuôi nhau. Rồi không ai nói thêm một lời nào, anh xe lại từ từ tiến bước.

- Cô làm thế này thì tôi chết mất!

- Thôi anh bằng lòng vậy.

- Ấy cũng may cho cô vợ vẫn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hoặc đội con gái thì khốn!

- Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có “ba-tăng [4]”.

Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả. Cô ả bảo anh xe :

- Đây anh đổ xuống tôi bảo, tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế mà thôi. Tôi thì thực không có tiền trả

anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín vắng anh muốn bắt tôi gì tôi xin chịu.

- Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nhăn nhở cười, nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe mà rằng :

- Anh này thực thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì, tôi cũng bằng lòng.

- Ồi thôi! Tôi lạy cô. Nhờ cô đỡ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi!

- Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

- Thôi, tôi chấp tay tôi van cô, cô có thương tôi thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

- Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi, xem có đồ đạc gì đáng giá thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ: “Thôi thì cầm bằng như mất cả buổi đêm nay là cùng, nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì ta lấy, còn hơn về không. Thật là đồ nát đụng nhau”.

- Nhà cô ở đâu?

- Trên Hàng Bún.

Anh xe vừa kéo vừa lẩm bẩm nói một mình :

- Không có tiền, cũng leo lên xe mà ngồi, chỉ sợ diện hão thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phào thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt đầy cho anh xe mắng một ít câu cho bồ hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy gió bắc thổi căm căm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phố đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để đi tìm gái đâu?

Đến cửa một nhà sấm, cô ả bảo :

- Anh hãy ghé vào đây một tí cho tôi hỏi vay tiền người này xem có được không.

Anh xe trong bụng cũng hơi có hy vọng, đỗ xuống để cho cô ả vào. Rồi vì mệt lử cả người, anh ta ngồi phịch xuống sân xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ vừa nghĩ vợ nghĩ vẩn.

Một lúc lâu, một tràng pháo nổ vang trời, làm cho anh ta giật mình, sức nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế. Hay có lẽ đã có món khách nào chẳng. Nhưng thế nào cũng phải trả tiền mình cho mình về đã chứ, có lẽ lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh bèn gõ cửa gọi. Người bồi sấm ra.

- Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quần khăn quàng trắng vào ban này nằm ở buồng nào?

- Chả có buồng nào có khách cả.

- Thế người con gái ấy đâu?

- Ra ngay từ bao giờ rồi, còn gì mà hỏi.

- Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau. Lúc ấy anh xe choáng người như nghe thấy tiếng sét đánh, bàng hoàng như chưa tỉnh giấc

chiêm bao. Người bồi sấm bảo :

- Đi ra cho người ta đóng cửa! Ai bảo anh xông nhà cho tôi? Năm mới đừng bí beng!

- Ông ơi!...

Người bồi dúm vai anh xe, đẩy ra, đóng ập cửa lại. Anh xe nghiêng rặng, cau mặt, lúi thủi ra hè, cầm cái đệm xe quật mạnh vào hòm đánh thành một cái, móc túi, đánh cái diêm đốt vía, rồi khèo bàn chân, co cái càng xe lên, đưa tay ra đỡ, thùng thẳng dắt xe đi.

Lúc ấy tiếng pháo chào xuân nổi đuôi nhau mà ùng ùng, toạch toạch, mà anh xe này vừa đi vừa chúi ngang qua mắt...

Anh ấy khóc, phải, anh ấy khóc! Anh ấy khóc để lấy giọt nước mắt rửa sạch cái vết ba đào của cảnh phu xe, trong kiếp “ngựa người”, tình cờ bị vạ lây với cái bước ba đào của cảnh giang hồ trong kiếp “người ngựa”!...

11 Février 1931

Chú thích:

[1] Ý nói gái điếm.

[2] Ý nói đi chậm rãi, lè mề.

[3] Phiên âm từ “foulard”, nghĩa là cái “khăn”.

[4] Phiên âm từ “patent”, ở đây có thể hiểu là giấy chứng nhận cho phép hành nghề.

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Samandji:

Đến hai tháng nay, tôi không gặp Samandji. Đó là một chú lính da đen ở đạo quân Thuộc địa thứ chín: một con bò mộng nuôi chờ ngày mổ thịt. Anh ta trông dữ tợn vì hai con mắt trắng dã trên màu da mun, song bản tính thực hiền lành, chất phác.

Sở dĩ tôi thích Samandji, vì hẳn là người ngoại quốc, vả lại hẳn phục tôi là giống văn minh hơn, cũng như tôi kính phục người Nhật Bản. Bởi thế, thỉnh thoảng tôi trịch thượng, lên mặt đàn anh, sai bảo anh ta chẳng khác một kẻ bộ hạ trung thành.

Đến hai tháng nay, tôi không thấy Chủ nhật anh ta đến chơi tôi nữa.

Rồi hôm qua, trong khi đi dán mũi vào ở cửa kính các hiệu, tôi thấy bị một bàn tay sắt vỗ sụn cả vai.

Tôi quay lại: rành rành Samandji bằng xương, bằng thịt hẳn hoi. Ngạc nhiên, tôi trở mắt nhìn anh ta mà hỏi :

- Anh ở lỗ nào chui ra đấy?
- Ở Thượng Hải về. Vất vả quá!
- Làm gì bên ấy?

Anh ta ngẩng cao người lên, vênh mặt mà trả lời :

- Đẹp giặc!

- Ấy chết! nguy hiểm thế à? May mà không bỏ mạng đấy.

Câu nói của tôi như có hiệu lực gì vào tâm hồn anh, mà anh ta tỏ ra vẻ ngạc nhiên trong cái lòng trắng mắt :

- Sao anh hèn thế? Chết về nước mà anh sợ à? Chả trách anh không dám đi lính.

Tôi cố làm ra cách thẹn vì câu nói ít can đảm của mình, không muốn làm nhàu mất tấm lòng ái quốc của anh ấy.

- Lại sắp đi tu rượu hần?

Tôi vội lảng sang chuyện khác như thế. Anh đáp :

- Không, về nhà tôi.

- Anh có nhà đấy à? Diện nhỉ!

- Tôi mới thuê một cái gác xinh lắm, ở gần đây.

- Một mình anh, làm gì hoang thế?

- Không...

Tôi hiểu ý, cười, anh ta cũng nhếch mép cười theo: một cái chớp loáng trong đêm hôm ba mươi!

Một chốc, tôi đã ngồi bên cái bàn ăn phủ khăn trắng.

Samandji đi rót rượu cho tôi uống.

- Đâu? Còn ai nữa đâu?

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật, biết câu ấy đối với An Nam mình thì khiếm nhã,

song đối với anh ta, chỉ là câu chuyện thường.

- Nó còn đương bảo đun nước trong bếp.

Ngay lúc đó, tôi thấy tiếng dép lẹp kẹp sau lưng tôi, rồi tiếng reo :

- Đã về đấy mình?

Theo sau một câu nhỏ hơn :

- Ai thế?

- Bạn thân tôi. Chào ông ấy đi.

Tôi vội ngoảnh lại: một người đàn bà rộng khố, cũng mồm đỏ, cũng đít cong, cúi đầu chào tôi.

Tôi lúng túng không biết dùng tiếng gì trả lời, may thay hai vợ chồng anh ta bá cổ hôn nhau, làm lấp cả tiếng âm ừ của tôi đáp lại.

Trông cảnh tượng hai cây thịt ôm chặt lấy nhau mà bất giác tôi nghĩ tới cuộc thế giới hòa bình, cuộc tương thân, tương ái của các màu da.

Song tôi lại quên không hiểu cái nguyên nhân sự thương yêu đó ở đâu mà ra, mà nòng nân đến thế.

Vợ Samandji trông có vẻ lảm. Chẳng hiểu cạo lượt nước hàng ở mặt đi, thì còn trơ ra màu gì, chứ ngay lúc đó, đứng bên một cái cột nhà cháy, thì chị ta cũng còn được chút mỹ thuật.

Mỹ thuật nhất là cái ngực đầy như cái ví của nhà tư bản, như cái óc của ông Nghị trước ngày họp hội đồng.

Song đó chẳng phải là cái chỗ tôi kính phục chị.

Tôi không ngờ một người đàn bà ở cái sọt ấy, mà chiều chồng khéo đến thế.

Chị ta ngồi đối diện với Samandji, con mắt đưa tình, miệng cười chúm chím.

Tôi thì cứ trở mắt nhìn tấn hoạt tượng đó, trong lòng nôn nao; cũng một cảnh gia đình “sống để mà yêu” đó.

Bàn tay nhẩy những thịt, nhanh nhẹn rót rượu cho chồng, cho khách, cho mình.

Ông bạn đen của tôi chừng như khoái chí lắm, uống mãi, rồi kể chuyện, nào khi ra trận, nào lúc nằm hầm, nào tiến, nào lui, vào sinh ra tử. Giọng nói có vẻ tự nhiên, yên phận.

Còn cô vợ, lúc dún vai, khi rút cổ, bấu môi, dẫu mỏ, cũng có vẻ tự nhiên của một người thập thành.

Song, tôi lấy làm lạ một điều, là khước thu ba không khi nào đánh ngang sang chỗ tôi, chỉ chăm chú vào cặp môi đầy diều võ giường oai. Tôi đương cảm phục tấm ái tình chân thật của chị ta, thì bỗng nhiên tôi giật mình: trên bàn chân tôi có vật gì đè xuống. Tôi tưởng Samandji cao hứng, sắp đưa cả gót giày vào ống cẳng tôi, tôi vội vàng rút lại.

Chẳng bao lâu, tôi lại thấy cái cảm giác ấy nữa. Lần này tôi không tưởng nữa, vì chính là bàn chân nóng hôi hổi đụng vào chân tôi. Tôi co cẳng lại. Cái bàn chân đuổi theo tôi, tôi lại chạy. Trong gầm bàn, nấp dưới chiếc khăn trắng bỏ xõa, thực là một cuộc bắt cóc của hai bàn chân.

Một lúc, bí thế, tôi đành để yên.

Samandji vẫn chuyện, tôi vẫn nghe, cái mồm đỏ vẫn cử động, mà bàn

chân tôi đành chịu ngồi tù.

Thỉnh thoảng vợ Samandji lại ru ngủ chồng bằng những cái vỗ vai, những cái phủi bụi áo: âu yếm nhau ghê!

Một phút. Hai phút...

Lần này thực là nguy. Hai cái ống căng đầy những thịt, nóng hôi hổi gác lên đầu gối tôi, rồi tôi thấy mấy đầu ngón chân nghi ngoáy trên đùi tôi.

- Trận đánh này kịch liệt hơn trận trước. Hôm ấy trời mưa tuyết...

Samandji vẫn mê lên về kể chuyện, vì anh vẫn tưởng vợ anh và tôi mê lên về nghe chuyện.

Quả tim tôi đập đến vỡ ra mất, mà thần trí tôi thì rối loạn.

Đã vậy, tôi vẫn phải cười gượng với bạn, nhưng cái cười vàng như miếng nghệ, tay thì nhấc lên, bỏ xuống cái cốc hãy còn đầy những rượu men nồng.

Samandji càng uống lại càng nói, càng nói, tôi lại càng thấy đầu gối bị đè chặt, tê cả bắp đùi.

Bỗng anh ta ngắt câu chuyện, lườm tôi mà bảo rằng :

- Anh không tốt.

Ấy chết! Nguy to rồi. Cái này có lẽ hẳn biết mà hẳn cho một quả tổng thì còn gì là mũi! Hàng tóc gáy của tôi rợn lên cả một lượt.

Tôi ứ cổ mà hỏi :

- Tôi không tốt? Anh say à?

- Không! Tôi không say. Cả vợ tôi cũng không tốt.

Nhanh như điện, hai ống căng đầy thịt biến mất: đầu gối tôi được tự do.

- Thế nào không tốt, mình?

Mặt chị vợ cơ chừng cũng tái mét trong lần phấn, vì tôi nghe thấy giọng nói hơi run.

Tôi tưởng tượng như bị nhốt trong một cái chuồng hổ, hay nguy hiểm hơn, bị nhét vào một hội quán nào để bắt nghe diễn thuyết.

Hai chúng tôi như hai tên tội phạm sắp đến lúc tuyên án tử hình.

Mặt tôi cố tỏ ra vẻ ngạc nhiên, cái mồm đỏ cũng cố để ra một nụ cười héo hắt.

Một chốc, Samandji lè nhè lên giọng :

- Anh đừng có giấu tôi nữa, tôi hiểu cả rồi...

- Anh hiểu cả cái gì? Tôi làm gì anh?

- Anh đừng có giấu tôi nữa, cũng như tôi không giấu vợ tôi, tôi thường bảo nó rằng: “Khi tao về thì mày hôn tao, mà khi tao vào trại, thì ban ngày, mày đi đánh chăn, ban đêm mày ngủ với người khác, mày không tốt”. Có thể mà nó không chừa. Tôi cũng chán, không muốn bảo nó nữa. Thôi mặc nó. Tôi nghe nói anh sắp lấy vợ, mà anh không cho tôi biết, không hỏi tôi. Đừng lấy nữa. Mình chẳng thể tin được nó. Nếu anh có vợ, anh không tốt.

Tôi nhảy một bước dài từ cái ngạc nhiên nọ sang cái ngạc nhiên kia. Nào ngờ đâu tôi chỉ phải nghe cái bản án gọn lỏn mà bình thường có như thế.

- Anh Samandji, tôi khen anh đấy, ở với vợ trung thành và có độ lượng.

- Anh tính tôi làm thế nào? Đứa nào cũng vậy, thì thà im đi còn hơn, bảo nó, nó chẳng nghe thì thôi.

Nói xong, Samandji cười. Tôi cũng cười. Đến chị vợ cũng cười. Ba cái cười tự nhiên không có vẻ ngượng ngịu.

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Báo Hiếu: Trả Nghĩa Cha:

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

Nhưng mưa, gió, rét, có hề chi đến bữa tiệc giỗ ông cụ để ra ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô “Con Cọp”! Bởi vì trong buồng khách cửa đóng kín mít, hơi lửa lò sưởi xông lên nóng rực. Mà khách đến chơi, ông nào cũng gói mình vào đến trăm thứ áo, lại sù sù ở cổ một chiếc chăn chiên con!

Khách đến dự tiệc, toàn là hạng ông nọ ông kia, danh giá, mà ông chủ nói là chỗ thân. Cho nên cố mời cho kỳ được, vì chính ông cũng là hạng tai mắt trong phố phường, ông là nhà tư bản vậy!

Vả lại không nhân ngày giỗ bố, mà làm bữa tiệc cho thực linh đình, mời mọc cho thực đông khách, để tỏ rằng mình tuy nhờ trời làm ăn đã được khá, nhưng chẳng phải hạng uống nước quên nguồn, thì đạo làm con là phải báo hiếu cho cha mẹ, để khỏi phụ công sinh thành dưỡng dục, thì thế gian họ cũng cười cho. Nghề thế, phú quý sinh lễ nghĩa.

Mà phú quý sinh lễ nghĩa thực. Chẳng tin cứ nhận cách cử chỉ của hai ông bà chủ nhà ra đón tiếp khách thì đủ rõ. Hai ông bà cùng béo tốt, đẹp đẽ. Nhất là ông, cái bụng phưỡn ra, nấp trong bộ quần áo xếp nếp cứng thẳng như cái hộp; tóc bóng mượt, nhẵn như cái gáo lĩnh úp trên đầu, không chịu kém vẻ đẹp với bộ ria sữa khéo như vẽ; miệng lúc nào cũng chực tóe ra một chuỗi cười. Vì ngày hôm nay bốn phận ông là phải hay cười, mà đã cười thì cười cực to, ôm bụng mà cười, cười cả từ câu nói buồn cười cho đến câu nói không buồn cười. Nghĩa là ông hết sức khoe cái cười lấy lòng, cái cười thiệp

đời của nhà tư bản. Phải, người ta đã chẳng quản mưa, gió, rét mướt, mà quá bộ đến nhà để chiều cổ, thì mình phải lấy làm hân hạnh, vui vẻ mới được. Cho nên ai đến, ông cũng chấp tay vái chào cung kính, rồi mời mọc ân cần, quý quý, hóa hóa, ăn nói rõ ra một nhà nền nếp, gia giáo, dễ dãi.

Trong buồng ăn, tiệc đã dọn trên bàn, cái bàn chữ nhật, trải trên một cái khăn trắng nuột. Cốc to, cốc nhỏ, chai lớn, chai con, bát sứ, đĩa tây, bày la liệt, nhưng có thứ tự, lóng lánh dưới ánh ngọn đèn trầm nền.

Sáu giờ đánh chuông vừa dứt, khách đến đã đủ. Một tiếng ông chủ mời, thì một trăm bốn tư chiếc chân, vừa chân người, vừa chân ghế, lê sên sệt trên từng gạch tây bóng lộn. Hai mươi bốn chiếc cốc đầy rượu đã đụng nhau, chủ khách bắt đầu cầm đũa.

- Xin ngài cho phép chúng tôi vào vô phép bà chủ.

Câu nói vừa dứt, thì đã thấy bà chủ ở trong buồng đi ra chấp tay, tươi cười như cái hoa mà nói rằng :

- Các quan đã có lòng yêu chúng tôi mà đến chiều cổ bữa cơm thường nhà chúng tôi, chúng tôi xin đa tạ. Xin rước các quan xơi rượu.

- Chúng tôi chẳng dám tin là bữa cơm thường! Kỵ cụ cố ông mà ông bà làm to thế này, thì chúng tôi tự xét mình lấy làm xấu hổ vì bất hiếu. Thôi nhờ bà nói giúp cho chúng tôi xin vô phép cụ cố bà.

- Thừa các quan, cảm ơn các quan, cụ bà chúng tôi ở trong nhà quê ạ. Nhiều lần chúng tôi mời ra ở đây nhưng không chịu đi, cho nên chúng tôi vẫn lấy làm ân hận lắm.

Cái lễ phép tắc trách đã làm xong, chủ khách ăn uống rất vui vẻ êm đềm. Vui vẻ, êm đềm thực! Sung sướng thay! Cùi lò sưởi nổ đom đóp, át cả tiếng giọt mưa phùn. Chuyện nói to làm lấp cả tiếng gió bắc thổi. Hơi rượu nồng

nàn, ai nghĩ đến rét buốt đến tận xương.

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

Ngoài đường phố, ở quãng trước cửa nhà có bữa tiệc này, có một người đàn bà. Lưng khoác áo tơ lá, đầu đội chiếc nón nghệ, dáng điệu bờ ngờ, bà dòm hết nhà nọ đến nhà kia, mà lại dòm một cách ngốc dại. Nghĩ là không nghĩ đến rằng lỡ người ta đuổi, hay mắng, cho là định rình ăn cắp, người ta bắt lên Cầm thì sao? Dòm chán rồi lại hỏi thăm. Mà hỏi chỉ độc nói trống không. Khi chẳng ai hoài hơi mà trả lời, thì cũng không biết phàn nàn hoặc sửa lại câu hỏi cho nhã nhặn thêm một chút. Ấy thế rồi chịu đứng giữa đường, như yên trí rằng ở đây cũng như ở nhà quê, không có xe pháo qua lại, mà nhìn quanh nhìn quẩn từng nhà một...

Hàng 15 phút, bà ta loanh quanh đi lại đến năm sáu lượt. Rồi nhận thấy một nhà có cái mái chĩa ra, bà bèn đứng lại tụm mưa, bỏ nón, cởi áo, ngồi tè he ở thềm cửa.

Người đàn bà ấy trạc ngoài sáu mươi tuổi, trông rõ quê mùa, đần độn. Mặt mũi đen đui, dãn deo, xấu như con khỉ. Hai mắt thì toét nhoèn những nhử. Cái hàm trên thì chìa ra như mái hiên. Hai tay thì lóng cồng, gí cái nút buộc ở dải yếm vào tận mắt, lúng túng cỡi mãi mới lấy được một miếng trầu, bỏ vào mồm nhai phồm phồm. Trông lại càng xấu! Cái áo vải nâu dầy cộm cộp, cái quần một ống - nói nôm ra, là cái váy - lụng thụng như cái bồ, chỗ thì ướt, chỗ thì khô. Có lẽ là bộ cánh quý nhất, nên ra tỉnh mới dám mặc đến, nay bị ướt thì tiếc, cố vắt mãi cho khỏi dầm nước mưa. Rồi lại cởi cái khăn vuông ra, để hở cái đầu bạc trọc tếch mà gãi, nhăn mặt lại mà gãi. Rồi lấy ngay cái khăn đội đầu ấy mà lau chỗ gấu váy có dính đất. Gớm, sao mà người đầu lại có người không biết thế nào là bẩn cả!

Rét đã run lên chẳng được lại còn cứ lẩm bẩm nói một mình. Không biết nói những gì? Tính công tính việc hay là than thở, hay là vui thú cái chi chi?

Nhưng thế thực rõ là cái lối từ thuở bé chưa hề được thấy cái gì là hể hả.

Đương ngồi thì bỗng đằng sau lưng có tiếng cửa mở. Người đàn bà nhà quê quay lại thì thấy trong nhà đèn điện sáng trưng, lố nhố bao nhiêu người hình như ăn uống. Chỉ trông thoáng có thể thì cửa lại khép lại và có người đi ra:

- A lê! Chạy! Chốc nữa hãy đến, người ta vừa mới ăn!

Nói xong người ấy đi.

Bà lão nhìn theo, không hiểu họ bảo ai. Nhưng chừng cũng biết đoán rằng người ấy là bồi biệc cái nhà này đây, cho nên một lát sau thì trông thấy người ấy về, thì bà lão đứng ngay dậy toan hỏi. Nhưng chưa nói được gì đã bị mắng ngay câu nữa :

- A lê! Không đi đi thì ông ấy ra bây giờ!

- Đây có phải nhà ông chủ không?

- Ông chủ nào! Không biết! A lê! Đi!

Thế rồi cửa lại hé ra, rồi ập lại. Người ấy vào trong mất.

Bà lão cố liều rón rén bước lên bậc thềm cao, dòm qua cửa kính, vì đèn sáng nên trông rõ lắm. Rồi không biết nghĩ sao, lấy tay sờ mãi vào cửa để mở. Nhưng không biết làm cách nào, bèn lay thành thành, như không sợ hãi gì cả.

Một người đứng hầu chạy ra mở cửa. Có lẽ là người ban nãy, nên thấy bà lão thì đẩy ra và nói :

- Đi! Chốc nữa...! Dạ!

Cánh cửa lại đóng đánh thình. Bà lão nhìn theo thì thấy người hầu ấy khoanh tay đứng nói gì với một người đương ngồi ăn. Mà chính vì đã trông thấy người ngồi ăn ấy, nên bà lão mới dám bạo dạn như thế. Người ngồi ăn ấy tức là ông chủ nhà, chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô “Con Cọp”.

Ông chủ đứng phắt dậy, phưỡn bụng đi ra mở cửa. Bà lão mừng rỡ, híp mắt, nhăn nhó cái mặt để cười và nói to tướng :

- Thành ra tôi ngồi ngay ở cửa nhà mà không biết!

Ông chủ nhà cau mặt ra ý không bằng lòng, tắc lưỡi một cái. Rồi cánh cửa lại đóng ập lại.

Bà lão không hiểu ra sao. Hay là mình trông lầm chằng. Ấy thế mà còn ngốc quá, cố cạy và đẩy mãi cửa. Nhưng may không sao đẩy được. Nhìn theo vào, bà lão thấy cái nhà ông ấy đi tuột vào trong, mà khi ra ngồi vào bàn tiệc, thì lại cười nói như trước.

Độ mười lăm phút sau, có người đập tay vào lưng, bà lão quay lại thì người ấy nói :

- Tôi đưa bà cụ đi vào cổng đằng này, ông tôi bảo thế.

- Không đi được lối này à?

- Ông tôi đương có khách.

Bà lão bước xuống thềm, đi theo. Vòng hai phố thì đến một cái cổng hơi rộng. Mở cổng bước vào, đi qua một cái sân, thì đến cái nhà con trong có chiếc ô-tô bóng nhoáng. Người ấy bảo :

- Bà cụ ngồi tạm đây.

Bà lão nhìn bốn bên, đèn tuy sáng, nhưng cũng không hiểu mình ngồi tạm

nhà ai. Mà nói rằng ngồi chứ có cái gì để ngồi đâu. Vả muối và hôi thối quá, nên chỉ mong cho chóng có người đưa về để lễ và để nằm nghỉ, vì đi xe ngót một giờ đồng hồ cũng mệt. Bà lão nóng ruột quá.

Nhưng may sao, một lát, thấy có người đi đến. Bà lão nhờ nhân ông chủ xuống cho mình hỏi gì.

Độ mười phút, quả nhiên có tiếng gót giày lộp cộp nện trên sân gạch. Bà lão cố nhìn xem ai. Mừng quá, thật là ông chủ.

Ông chủ đứng trước mặt bà lão, nét mặt hăm hăm, trợn mắt, khoanh tay vào ngực mà gắt :

- Một suýt nữa thì làm tôi ê cả mặt! Ai bảo bà ra làm gì?

Bà lão chưa kịp trả lời cái câu hỏi không ngờ, thì đã bị mắng luôn mấy câu nữa :

- Tôi đã dặn bà không được ra đến đây kia mà. Đã phải một lần trước rồi mà không chừa! Bà không biết để sĩ diện cho tôi! Đây này, bà cầm lấy! Bà về đi! Mặc kệ bà! Bà phải về ngay bây giờ! Mới có hơn bảy giờ, còn sớm!

Nói xong, ấn vào tay bà lão một cái tròn tròn, rồi quay gót trở lên, và gọi rầm rĩ :

- Thằng bếp đâu rồi! Mày đưa bà ấy ra! Mà mày phải bảo chúng nó rằng tao cấm, không đứa nào được kéo bà ấy cả!

Bà ấy là ai? Bà ấy là một người đàn bà góa. Đã ngoại ba mươi năm nay, có một đêm, bà ấy trót dại chiều chồng, mà tình cờ đẻ ra được một đứa con trai. Sinh được ít lâu, trời bắt tội bà ấy phải góa bụa. Nhà nghèo, làm ăn vất vả, kiếm chẳng đủ ăn, nhưng bà ấy chẳng nhả tâm bỏ đứa bé thơ ngây trả nhà chồng để bước đi bước nữa mà vui thú với cái tuổi xuân hớ hớ. Qua mấy

năm khó nhọc, khi sài, khi đen, suýt chết mấy lần, thì đưa bé đến tuổi đi học. Rồi vì nghèo khổ quá, nó phải ra tỉnh kiếm ăn theo anh em. Nhờ được cái nó nhanh nhàu, láu lỉnh, liều lỉnh, mà chẳng biết nó làm ăn ra làm sao, nó có được ít vốn, rồi lấy được ở đâu một con vợ giàu. Từ đó thằng ấy một ngày một khá, buôn bán phát tài, nay nó giàu đến hàng mươi vạn. Thằng con ấy, tức là ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô “Con Cọp” vậy.

Bà lão lấy bấy theo thằng bếp nó lôi ra cửa ban này. Đến đường, còn đương ngơ ngơ ngác ngác, chưa rõ nên đi lối nào, thì không biết tâm trí để đâu, bà ta lập cập, vấp một cái, ngã soài ngay ra rãnh cống. Quần áo mặt mũi lấm bết. Cái tròn tròn vẫn nằm trong tay bắn quăng đi. Bà lão cố sờ soạng. Khi tìm thấy, bèn gí vào mắt để xem, thì cái tròn tròn ấy là đồng hào ván...

Mưa để khóc. Gió để rên. Rét để cắt đứt ruột mẹ người con mà họ đương khen là hiếu tử.

28 Mars 1933

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Báo Hiếu: Trả Nghĩa Mẹ:

Đây có phải nhà ông chủ ô-tô “Con Cọp” hay không?

- Phải, ông hỏi gì?

- Thưa cụ, ông chủ có nhà không ạ?

- Ông ấy đi vắng chưa về.

- Thưa cụ, tôi hỏi thế này khi không phải, cụ có phải là cụ sinh ra ông chủ tôi không ạ?

- Không phải, con vú già đây!

Người khách đương luống cuống sùng sùng vì sự mình lầm con vú già với mẹ ông chủ, thì trông thấy một người đàn bà béo tốt và trẻ ở nhà trong đi ra đến sân. Muốn cho khỏi lầm lẫn thứ hai, người khách vội hỏi ngay người vú :

- Kia có phải là bà chủ không?

- Không phải, đấy là mẹ đấy!

Câu trả lời dấm dẩn, đáng lẽ làm cho người khách phải luống cuống sùng sùng lần thứ hai nữa, nhưng trái lại, người khách nhận thấy vẻ mặt uất ức những sự giận dữ của bà cụ tự xưng là vú già và người được giới thiệu là mẹ, thì nhanh trí, hiểu ngay rằng không những mình không lầm lẫn thứ hai, mà lần thứ nhất mình cũng hỏi đúng: tất là trong gia đình này, đương có sự

xung đột mẹ chồng nàng dâu chi đây.

- Tôi lấy cậu, là vì ái tình của tôi đối với cậu, thì tôi chỉ biết có cậu, ngoài ra tôi chẳng biết thằng nào con nào ở nhà này cả! Cậu ngu lắm, cậu không biết bảo bà ấy!

- Thôi, người già vẫn hay trái tính, mợ nên biết nhin. Mợ ở với tôi cả đời, chứ bất quá bà ấy sống được mấy nữa!

- Bà ấy ở đây ngày nào, tôi ê chệ ngày ấy. Đấy, cậu xem, hôm qua đấy, một suýt nữa mà bà ấy vào cửa trước, thì có họa mặt mình là mặt mo. Cậu chỉ nói dối tôi, cậu đuổi bà ấy, sao bà ấy còn đây?

- Tôi không đuổi thì tôi chết! Mợ cứ chửi đũa nào nói dối mợ! Chẳng tin mợ hỏi lại thằng bếp mà xem. Nhưng vì bà ấy lạc đường, nên phải trở lại. Tôi đã bảo mai bà ấy về rồi.

- Đồ mặt dày! Thế mà không biết nhục! Sao nó không chết đi cho người ta nhẹ nợ!

- Thôi, mợ nói vừa chứ.

- Tôi không nói vừa, cậu bệnh mẹ cậu à! Ối trời ôi! Đây cậu giết tôi trước đi! Ối hàng phố ơi! Con gái già nó hại tôi!

- Tôi xin mợ! Tôi van mợ! Tôi lạy mợ!

- Cậu buông tôi ra, tôi không để bà ấy yên đêm nay được!

Sáng hôm sau, cửa nhà ông chủ xe cao su kiêm chủ hãng ô-tô “Con Cọp”, người ta trông thấy căng cái màn đen diêm trắng. Mà đi trên hè, ai cũng ngửi thấy mùi khói hương khói trầm thơm phức. Trong nhà có người chết? Phải, bà cụ sinh ra ông chủ mới tạ thế hồi đêm.

Trong nhà trong, thằng bếp thì thảo với con vú :

- Cự tức bà rồi cự uất lên mà chết, phải không chị?

Con vú nháy mắt, trở tay vào cổ, nói :

- Thắt!

Thằng Quít nghe thấy, bấu môi, trở vào mồm mà rằng :

- Chỗ này đen những máu, trông ghê quá, đích là thuốc độc!

Uất lên mà chết? Thắt cổ? Uống thuốc độc?

Chẳng phải! Chúng nó nói láo hết! Quân bạc thế đấy! Đem mà cắt lưỡi chúng nó đi!

Ta muốn rõ nguyên nhân vì sao bà cự tạ thế, thì hãy đọc tờ cáo phó sau này thì biết:

Chúng tôi lấy làm đau đớn, cáo phó để các Cụ, các Quan, các Ông, các Bà biết cho rằng thân mẫu chúng tôi là:

Cụ Trần thị Y

Hưởng thọ 67 tuổi

chẳng may thụ bệnh, đã tạ thế ngày 15 tháng Giêng, năm Quý Dậu, tức là ngày 9 Février 1933 tại nhà riêng chúng tôi, phố P, số 15.

Chúng tôi định đến ngày Chủ nhật 12 Février 1933, hồi 8 giờ sáng, sẽ làm lễ an táng tại nghĩa địa hàng tỉnh.

Cô ai tử: Nguyễn văn R. Hôn tử: Nguyễn thị N.

đồng gia đẳng khắp bái.

Lời cáo phó ấy đăng lên mười tờ báo hằng ngày, lại in riêng thêm một nghìn tờ nữa. Thành ra ngót bốn vạn tờ ở nhà bưu điện bay ra như bướm

bướm khắp các nơi, khiến các cụ, các quan, các ông, các bà, ai thấy cái tin đau đớn bà cụ thụ bệnh mà tạ thế, cũng phải giật mình mà vội vã đến thăm viếng, và chia buồn cùng người gặp lúc vận hạn.

Rồi đến đúng 8 giờ ngày 12 Février, đám tang cử hành.

Đầu tiên, năm lá cờ ngũ hành phấp phới theo chiều gió. Rồi đến ông Thiên Lô, bà La Sát, cao lệnh khênh đi hai bên. Một đoàn trống cà rùng, rinh tưng rinh, đi xung quanh chiếc trống cái, mà những phu điều áo nỉ đỏ, nón dấu son. Kế đến một cái kiệu long đình sơn son thếp vàng, thông thả tiến từng bước, trông rất uy vệ chững chạc. Theo sau cái long đình, là bốn cái xe nhà bóng nhoáng, trên có bốn vị sư, mỗi vị đi hai lọng. Rồi ước trăm bà vãi đội cầu dài dằng dặc, mỗi bà tay cầm phướn, miệng tụng kinh âm âm. Một cái binh tinh cao ngất ngheo đi trước một bức trướng vóc như căng ngang đường, có bốn chữ quen quen là “Dĩ sơn vân ám” to tướng. Đoạn rồi đến hàng hai trăm câu đối, cái vàng, cái trắng, cái đen, cái tím, cái xanh, cái bằng xa tanh, cái bằng vóc, cái bằng lượt, cái bằng dạ, sắp hàng đôi, mà trẻ con đứa nào cũng mặc áo dài trắng. Những câu đối ấy toàn chữ nho khó đọc cả. Duy chỗ lạc khoản thì dễ nhận hơn. Có chữ giống như thẻ bài ngà của cụ Thượng. Có chữ trên thì rậm rì khó đọc, nhưng dưới thì là chữ “lâm”, muốn chừng là “hàn lâm”. Có câu thì người ta bảo của cụ lớn Bồ chánh. Có câu thì trông rõ ba chữ “Bắc kỳ nhân”, rồi có ba chữ cuối mới đến tên. Nói tóm lại, nhiều quá, không ai nhớ hết. Vì còn những câu của ông Phủ, ông Huyện, ông

Tham, ông Phán, chỉ chút những chữ nho là chữ nho.

Sau đoàn câu đối thì là bốn năm cái bàn độc, rước đồ tam sinh với các phẩm vật, cứ đồ mặn lại xen đồ chay, mà cuối cùng thì rước con bò to kếch. Bàn nào bàn nấy chẳng chít những dây vải trắng tinh.

Đương mới mắt về nhìn các đồ nghi vệ, thì lại đến đình tai về đội kèn Tây thuê tự Hà Nội. Họ ăn mặc như lính Tây mà thổi những bài rất hùng hồn, như muốn giục người hăng hái mà ra đánh trận. Cái linh xa tám người khênh thông thả đi nối ngay sau phường kèn. Trong linh xa, khói hương trầm bay nghi ngút, giữa có bức truyền thần vẽ sơn, mới xong tối hôm trước để kịp rước. Bà cụ thì mặc áo gấm và đi giày văn hài. Nào hoa tai, nào hột vàng, nào tráp đôi mồi, nào ống nhổ sứ, ai trông cũng đoán được là nhà giàu. Đi sau linh xa, phường bát âm ta đưa những bài lâm khốc, như than, như khóc, như oán, như hờn, nỉ non rên rỉ, nghe buồn chảy nước mắt được! Một người khăn trắng, áo trắng, thắt lưng xanh ra ngoài, giơ cái phèng lên mà đánh, để ra hiệu cho bọn khênh cữu. Thỉnh thoảng, trả lời tiếng phèng rè, ta lại được nghe thấy một hồi lách cách như nhái kêu. Cái nhà táng thừa mấy hôm trời, thợ cả phố làm suốt ngày thâu đêm mới kịp và mới vừa lòng ông chủ. Vì nghe đầu đất đến trăm hai! Hơn bốn chục người khênh cái đòn cữu, khi tiến, khi quành, đều đều tấp tắp. Trong cái nhà táng, ta trông thấy cái quan tài sơn son thếp vàng rất đẹp. Người ta bảo sắm mất những hơn sáu chục. Trong cái phường du đi sau nhà táng, thì họ hàng thân thích, chen lách nhau mà bước từng bước một. Tiếng khóc than kêu gào thảm thiết, ai nghe thấy cũng phải động lòng. Người ta bảo là bọn khóc mướn, nhưng lấy gì làm chứng? Rồi đến hàng nghìn người các cụ, các quan, các ông, các bà, rật những cỗ thân thuộc đi theo sau. Cuối cùng thì ba bốn chiếc ô-tô, xinh xịch tiến dần, và hai ba chục chiếc xe nhà, như nê-m khúc đường chật hẹp!

Ta được xem cái đám ma linh đình uy vệ là thế, thì ta nên khen người hiếu chủ đã khéo trả nghĩa

mẹ. Mà nhất là nếu ta trông thấy người ấy, thì ta mới lại càng tâm phục cái bụng hiếu thảo, không bến không bờ.

Người ấy mặc đồ sô gai. Chứ còn bụng dạ nào mà nghĩ đến quần áo cho chải chuốt! Đi trước cữu thì giật lùi từng bước. Lúc nào cũng bưng miệng mà khóc, còng lưng xuống mà khóc, đến nỗi phải chống gậy! Vậy mà có đủ vững đâu? Mấy hôm nay thương mẹ quá thành ra ốm yếu, người ta sợ ngã lăn ra, cho nên phải có người đi kèm, vừa che ô cho, vừa ôm chặt lấy ngang lưng cho đỡ khuyu! Người ta lại sợ hiếu chủ thương mẹ quá mà đập đầu vào quan tài lỡ chết thì hoài - bởi vì lúc bối rối trong bụng thì hay liều - cho nên người ta phải bện cho cái lùn rơm mà chít xung quanh đầu, thì dù có đập mạnh đến đâu cũng không đến nỗi vỡ sọ.

Người con dâu trông mới ái ngại làm sao! Khốn nạn, mấy hôm nay, kêu khản cả tiếng, khóc hết cả hơi. Mà ông Trời độc địa cứ khăng khăng bắt bà cụ, hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi, để bây giờ dâu con không có mẹ mà hầu hạ! Lắm lúc lại như thù giận lũ phu phi nhân đạo, họ cứ nhẩn tâm khênh cữu đi, thì nàng dâu lại nằm lăn ra đường mà chần lỏi, rồi lại kêu gào rầm rầm. Lúc hạ huyết mới đáng thương tâm. Áo quan chứa ngấm đúng hướng, người ấy đã nhảy đánh tụp xuống mà nằm thẳng cẳng ra, ôm chặt lấy mà hờ, mà khóc. Rồi quá lắm đến nỗi ngất đi. Nếu bốn năm người không lôi dậy và không tốt khuyên, thì có lẽ người ấy còn muốn sống làm gì! Thà đi theo mẹ còn hơn chịu bơ vơ như chim mất tổ!

Thương hại thay! Bà cụ ở dưới tuổi vàng, có thiêng chẳng tá? Giá bà cụ biết rằng mình được con nó báo hiếu làm đám ma long trọng đường này, thì hẳn cũng ngậm cười. Mà nhất là giá bà cụ lại trông thấy trước rằng con trai và con dâu mình nó thương mình quá thế, thì chắc lúc thụ bệnh cũng chẳng đành tâm mà nhắm mắt!

31 Mars 1933

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Bố Anh Ấy Chết:

Ngày ấy, tôi học năm thứ tư trường Sư phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là Chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư phạm, không biết bây giờ còn được thế nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá! Nhất là các “cụ cát-dem [1]” chúng tôi, làm như ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái luật, cái bướng bỉnh, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ừ, được thế sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông Giáo, cho nên chả sợ, chả nể ai cả. Mà cũng chả ai buồn dây với chúng tôi làm gì cho thêm ác cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư, lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành hành như “ông Tướng Quảng Lạc”!

Chín giờ tối hôm thứ Bảy ấy. Trống ngủ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đã lên trên gác, bỏ màn nằm yên tĩnh cả, lúc bấy giờ chúng tôi mới “khệnh khạng” lên, lê giầy sên sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu. Người thì còn xuống nhà dưới ăn phở. Người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu. Cạnh chuồng tiêu, ba bốn anh còn quây xung quanh anh Đoan “Bà-một” để chờ anh đánh diêm “khao” nốt mẫu thuốc lá ban chiều. Bên vòi nước, anh Bách “Tu-via” miệng lúng búng ngậm nước, tay cầm cái điều cây cán chổi, còn chờ anh Vũ “Oản” lấy diêm để “tế” một tuần. Ngoài hiên, bên dãy tủ quần áo, anh Văn, trắng trẻo và đẹp trai, đương măm môi măm lợi giở võ đánh đôi giầy giôn cho bóng lộn để diện với “en

[2]” Tuyết, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giày xem đã được như gương chưa. Anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít sì-đạt [3] đen để “cộng sản”. Trong buồng, mấy anh nghịch tình, xúm xúm nhau để lật chăn anh Thọ là tín đồ đạo “thờ quần” vì sợ “vỡ hộp” hôm Chủ nhật, nên tối thứ Bảy anh vẫn chịu khó nằm vo, một ông Táo!

Lúc ấy tôi cũng đuổi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nốt mấy anh vài ngón đàn tam thập lục. Xung quanh các bạn ngồi chồm chồm như lũ cọp đắp ở tường các đền. Ấy trong bọn “ma-cà-cúi”, chỉ còn thiếu có anh Dếnh, anh Rững, anh Khải, mà thôi. Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị “công-sinh [4]”, nên không còn hy vọng gì ra ngày Chủ nhật mà hoài công sắm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rững là liều lĩnh nhất. Thi đến nơi rồi, mà anh ấy chẳng lo lắng gì cả; chỉ nay trả lời cái thư tim tím, mai học thuộc cái thư hồng hồng. Cả buổi chỉ giờ quyển Kiều, gia công khảo cứu những câu tình tứ. Bài làm thì “cóp” bài thi thì “phim”, cho nên bao giờ anh bị “truy” mặt anh cũng xám như gà cắt tiết. Nhưng anh Rững vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen vỡ bụng. Cho nên anh Rững tuy thầy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thì bỗng thấy có tiếng gọi. Tôi dừng tay, lắng tai nghe :

- Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tí!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi :

- Tôi nhờ cậu, cậu ơi!

Tôi hỏi :

- Ai đấy? Hỏi gì?

- Nhờ cậu bảo cậu Rững rằng thầy cậu ấy mới mất, cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ dội của bạn, anh nào anh nấy giật nảy mình, kinh hoảng, ngơ ngác nhìn nhau và hỏi :

- Rững lên ngủ chưa?

Tôi bảo thằng bé con :

- Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ, chạy tán loạn đi tìm anh Rững. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy; rồi kháo nhau :

- Bố anh Rững “cát-dem” chết.

Anh Rững lúc ấy còn đang ở buồng học, xem cuốn tiểu thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, mếu máo, hấp tấp xếp sách vở, gập năm sáu cái thư kín vào cặp sách, rồi tất tả hỏi tôi :

- Đâu? Thằng bé con nào đâu?

Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rững tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con ban nãy đâu, tôi bèn hỏi to :

- Ai là người nhà cậu Rững đâu rồi?

Không thấy ai thừa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo :

- Nó về rồi.

Anh Rững lập cập chạy lên gác, nằm ềnh trên giường, lăn lộn khóc nức khóc nở. Chúng tôi hết lời khuyên giải; nhưng, những lời khuyên giải ấy đối với tâm lý anh Rững lúc bấy giờ, chỉ là vô hiệu; chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thì thảo tờ giấy phép hộ, rồi giục anh Rững sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà, ký giấy cho anh nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở cổng ra ngay.

Chúng tôi nhìn theo anh Rững mà ái ngại cho anh. Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nãy vui vẻ, cười khanh khách, ngồi trong lớp còn tán chuyện ầm ầm, chế hết người nọ, lại trêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh gia biến, vật mình vật mẩy, nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm?

Vả chẳng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghi hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc Giang chơi. Ông cụ phúc hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ồm, mà bỗng đánh đònng thấy nói mất, thì tuy không máu mủ, nhưng cũng đều thở dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền rủ nhau cả xuống ruộng học, để bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng viếng.

Anh Mộng có tài hùng biện, ngồi cao làm chủ hội đồng. Cái hội đồng này cũng có tính chất êm đềm như hội đồng các ông dân biểu; anh Mộng nói ra điều gì, chúng tôi cũng gật ngay không ai phản kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai, buổi trưa, anh Thuận đáp xe lửa đi Bắc Giang.

Hội đồng giải tán, ai nấy đều im lặng lên gác bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc người thiên cổ, ái ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rững cũng thực đáng ái ngại. Bà thân sinh ra anh cũng đã mất

sớm, nay ông cụ lại quy tiên, thì thực là anh ấy vô phúc quá. Vả, còn nửa tháng nữa thì thi, giá ông cụ có ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành đạt, có phải vui vẻ thỏa lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần lễ để học dẫn lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rững ở vào cái cảnh ngộ sâu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa! Thực là con Tạo oái oăm, hay bày trò cho thêm rắc rối!

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau :

- Bây giờ Rững đến nhà chưa nhỉ?
- Bây giờ Rững chắc đương lẫn lộn bên quan tài!

Sáng sớm hôm Chủ nhật, trước khi tôi ra phố, anh em lại dặn tôi rằng :

- Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp!

Tôi mượn được xe đạp, thượng khẩn cuộc đi sắm sửa lễ vật. Xong xuôi, tôi liền về trường định giao trả anh Mộng để anh cắt anh Thuận đi. Nhưng lúc qua phố Sông Tô Lịch, tôi sực nhớ ra nên qua nhà cô anh Rững ở phố Hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi :

- Cậu Rững đi lúc mấy giờ?
- Thưa, chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi!

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vợ vắn tắt; tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rững nằm dài ở trường kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi, có ý biến sắc mặt và nói tiếng Tây khề rằng :

- Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương móc óc tôi, thì anh Rững đã mặc xong áo, anh liền cầm mũ, rủ tôi đi.

Ra đến cửa, anh có ý lo, vật đầu vật tai nói :

- Nguy quá, anh ạ.

- Sao? Cụ bây giờ thế nào?

- Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi!

- Sao? Nó không cho anh về à?

- Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng váng đầu như bị chóng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rững. Trời ơi! Thế ra nhân tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu! Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột, nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rững chẳng cãi sao, chỉ nhăn nhó, hối hận và xin lỗi. Rồi anh nói :

- Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường, thì ông Đốc thấy tôi khăn thâm áo thâm mà biết là tôi nói dối, có lẽ lòi thối, không khéo tôi phải đuổi mất; kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công, thì thầy tôi mắng; rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi, thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Về lo sợ của bạn, tôi không mấy khi được trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bấy giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhăn nhó chỉ vì tình; tôi nghĩ một lát, rồi nói :

- Chỉ còn cách là tối nay anh về thú thật với ông Đốc, nói là anh bị lừa

nào nó thù, nó đánh lừa báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm chuyện.

- Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kế gì hơn, tôi nói :

- Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rững vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ anh cho kế ấy là diệu, nên anh lay van, và dặn tôi rằng về trường chờ nói với ai. Anh nói :

- Sau này có xảy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai; mà việc lên Bắc Giang, tôi cũng tìm cách ngăn trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gọi ngay xe hỏa cho tiện. Thế là tôi dìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận nghe tiếng giầy Tây lộp cộp của một anh ở phố vào đến lớp, là tôi lại giật mình hộ anh Rững. Anh mà bị anh em hỏi chuyện, thì không biết anh trả lời làm sao cho trôi? Nhưng quái, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rững đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta nghĩ định làm thế nào.

Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư... chả thấy anh Rững vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm anh nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rững mà ái ngại.

Đến tối Chủ nhật sau, gần tám giờ, khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cùi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ :

- À! Rững!

Rồi một vài anh :

- Ê! Rững! Tôi chia buồn cùng anh!

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rững mặt mũi xanh xao, bơ phờ, râu rĩ, chẳng hay anh lo hay anh buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại tang, đầu chít khăn ngang sô, mình mặc áo sô gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân vân như mê mê, hoảng hoảng. Ơ hay, thế là nghĩa làm sao? Hay là bố anh ấy chết thật chẳng? Tôi trở mắt lên nhìn anh Rững. Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi, nắm tôi ra hè. Đến hè, anh hất hàm hỏi khề tôi :

- Không ai biết đấy chứ?

- Phải, nhưng sao lại khăn áo này?

Anh Rững tắc lưỡi đáp :

- Không! Còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm câu chuyện trong mấy hôm cuối cùng!

26 Janvier 1932

Chú thích:

[1] Phiên âm từ “quatrième” nghĩa là “năm thứ tư”.

[2] Phiên âm từ “elle”, nghĩa là “cô”.

[3] Chắc hẳn phiên âm từ “cirage”, nghĩa là “xi đánh giày”.

[4] Phiên âm từ “consigne”, nghĩa là “phạt”.

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Nỗi Vui Sướng Của Thằng Bé Khốn Nạn:

Từ ngày đã lâu, thằng Dần thấy không biết tại làm sao, cậu nó ngủ một giấc mãi đến bây giờ chưa dậy. Trong lúc cậu nó ngủ, nó thấy người ta gói cậu nó lại, cất vào cái hòm dài, rồi túm tùm khênh đi, bỏ xuống cái hố sâu. Mẹ nó thì ăn mặc như con cào cào trắng, và không biết phải đòn hay sao, mà bù lu bù loa khóc rầm lên, rồi nhảy cả xuống hố, nằm ôm lấy cái hòm. Mấy người lôi mãi mới lên. Rồi người ta lấp đất. Ấy thế là cậu nó không về nhà với nó nữa.

Ngày ấy nó mới lên ba, chả biết gì là thương cậu nó cả. Chỉ biết thương mẹ mà thôi. Vì mẹ nó thì cứ đến tối, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu cũng ti ti. Mỗi khi mẹ nó khóc như thế, thì y như nó cũng khóc theo. Nó nghĩ chắc rằng hễ nó ăn no chóng lớn thì mẹ nó nín luôn, vì nó thấy dần dần, mẹ nó không hay khóc nữa. Nhưng tức quá, nó cứ lên ba mãi, nóng cả ruột.

Thế nhưng hôm Tết, mẹ nó bảo nó rằng :

- Bây giờ Dần lên bốn rồi.

Nó mừng quá, chạy lại bá lấy cổ mẹ nó, gí cái môi bé tí vào má, nũng nịu :

- Không, chả, Dần lên năm cơ!

Nói trộm bóng, từ ngày nó lên bốn, nó như con chó ấy, hóm đáo để! Ai hỏi cậu nó đâu thì nó bảo chết rồi, chứ nó không bảo cậu nó đi Tây nữa. Ai hỏi ảnh cậu nó đâu, thì nó trỏ cái ảnh dựng trên giường thờ, chứ không trỏ

bật trở bả cả vào ảnh ông Quan Công treo trên tường nữa. Một hôm nó hỏi mợ nó :

- Cậu là ai hở mợ?

- Cậu với mợ đẻ ra Dần chứ ai? Cũng như thầy u con Tý đẻ ra con Tý ấy mà!

Nó nghĩ đến thầy con Tý yêu con Tý, mà nó chưa được cậu nó yêu, thì nó xì mặt xuống.

- Thế cậu chết ở đâu? Bao giờ cậu về, hở mợ?

- Cậu chết ở dưới đất, không bao giờ về nữa.

- Ừ, chả thế đâu!

Thế rồi nó thấy mợ nó rầu rầu, nhìn lên ảnh cậu nó ở giường thờ, mà nước mắt chạy quanh. Nó hiểu rằng không có cậu nó thì mợ nó không vui, nó thỏ thẻ dỗ mợ nó :

- Mợ đừng thế nữa. Không cần, cậu không về đã có bác Phán.

- Từ rầy Dần đừng nói thế, Dần nhé.

- Dần vẫn thấy bác Phán như thầy con Tý đấy, mợ ạ.

- Mợ bảo thì Dần nghe, chóng ngoan.

Nó biết rằng hễ nó hư thì mợ nó không bằng lòng, nên nó không nói nữa.

Đến tối, nó thấy mợ nó thắp hương ở giường thờ, rồi đứng ở trước bàn, nói thầm như mọi khi. Nó cũng chấp tay đứng cạnh, vì mợ nó bảo :

- Mợ nói thầm thế là khẩn cậu về phù hộ cho mợ và Dần đấy.

- Thế khẩn thì cậu về, a mợ?

- Ừ, cậu về cho mợ và Dần vui vẻ.

Nó chưa được thấy cậu nó về nhà bao giờ, nên nó mong quá. Mà nhất là để cho mợ nó được vui thì nó càng mong. Vì nó chỉ mong cho mợ nó được vui. Mợ nó vui vẻ, thì nó cũng được vui sướng trong lòng.

- Thế thì bao giờ cậu về hờ mợ?

- Chốc nữa.

Mợ nó nói xong thì nét mặt lại buồn rầu. Nó giương hai mắt lên nhìn, rồi nắm lấy tay mợ nó, giết chặt vào mồm. Nó cũng thấy trong bụng nó thế nào ấy, như muốn khóc.

Hai mẹ con đứng như vậy một lúc lâu. Rồi mợ nó vái mấy cái, quay ra, thì bỗng giật mình kêu thét lên :

- Ôi trời ôi!

Thằng Dần chẳng biết gì, cũng thét lên, hoa cả mắt, ôm chặt lấy chân mợ. Nhưng nó lại thấy ngay mợ nó vừa thở vừa cười mà nói :

- Phải gió! Thằng ông mãnh, làm người ta hết hồn!

À, té ra bác Phán nó chứ ai, sừng sững ở đằng sau mợ nó và nó từ bao giờ mà không biết. Tuy nó không sợ nữa, nhưng vẫn chưa buông mợ nó ra. Mợ nó bèn đánh vào vai bác Phán :

- Có bố nó đi không, làm thằng bé tái cả mặt lại đây này!

Bác Phán ôm nó vào lòng. Nó thích lắm. Rồi bác ấy lại móc túi lấy ra quyển sách Tây, giở các tranh ảnh ra cho nó xem. Đến cái tranh “hai cha mẹ dắt con đi chơi”, bác Phán trở vào đưa bé con, hỏi :

- Ai đây?

- Dân đấy.

- Phải rồi, ai dắt Dân đây?

- Mợ đấy!

- Phải rồi, thế ai đi bên cạnh mợ đây?

- Bác Phán đấy!

Bác Phán phá ra cười khen hay. Nhưng mợ nó cau đôi lông mi lại, mắng nó :

- Nhảm nào!

Nó chả hiểu vì sao phải mắng, vì có một lần nó đã trông thấy thế. Nó liền hỏi :

- Làm sao hờ mợ?

- Hề nói thế thì con chuột chí căn cớng tè đấy!

Căn cớng tè! Căn thì mất cớng tè, mất cái để làm giống, rồi thành ra con Tý thì xấu! Nó không muốn xấu, cho nên nó đứng im, mắt hấp ha hấp háy, nghe mợ nó nói chuyện với bác Phán. Nó thấy mợ nó và bác Phán cười luôn luôn, nó thích lắm. Nhưng nó chẳng hiểu gì cả. Rồi bác Phán móc túi, lấy ra đồng hào ván đưa nó và bảo :

- Bác Phán cho Dần tiền, ra hiệu chú Sìn mà mua quả bóng nhé.

Được mua bóng, nó sướng mê. Cầm lấy tiền, nó chạy tọt ra cửa, nhưng còn ngoái cổ lại nói rằng :

- Thế đến mai bác Phán mua cho Dần cái ô-tô nhé. Chốc nữa cậu Dần về, rồi mai Dần vận máy cho cậu mợ Dần với bác Phán đi chơi cho mà xem.

- Ừ, khép chặt cửa lại.

Vừa mới một lát, đã thấy nó đẩy cửa vào, nét mặt tiu nghỉu. Nhưng nó vội chạy ngay lại đứng cạnh bác Phán mà làm nũng :

- Bác Phán hôn cả Dần nữa kia!

Rồi nó kiễng chân lên, chìa má cho bác Phán hôn.

- Bóng đâu con?

- Thưa mợ, chú ấy bảo chốc nữa mợ sang mà mua, chú ấy không lấy tiền.

- Chỉ láo, lại đây mợ bảo.

Nó thông thả đến gần mợ nó, nó lại làm nũng :

- Mợ ơi, mợ khấn cậu về nữa đi.

Mợ nó thở dài một cái, cầm hai tay nó, nhìn nó, rồi đưa mắt lên giường thờ cậu nó, rồi lại liếc sang bên bác Phán. Mợ nó ôm nó vào lòng ra cách âu yếm, cúi đầu, kề cái miệng lên làn tóc lơ thơ của nó. Rồi hình như trông thấy hai cái dải khăn ngang rũ đảng trước ngực, thì không biết mợ nó nghĩ những gì, nó thấy mợ nó lại thở dài, mà xung quanh mắt thì ươn ướt. Nó liền giơ hai tay bé tí tẹo lên vuốt má mợ nó, rồi bá cổ xuống hít một cái thật dài mà hỏi rằng :

- Mợ ơi, mợ làm sao thế?

Bác Phán cũng hỏi :

- Mợ làm sao thế?

Thằng Dần giật phắt đầu ra, quay ngay lại bác Phán mà bẻ rằng :

- Mợ của Dần đấy chứ, mợ của bác Phán đâu?

- Ừ phải, bác quên!

Rồi nó thấy bác Phán liếc mắt nhìn mợ nó, tủm tỉm cười. Mợ nó thì ngồi thẳng lại, tì khuỷu tay lên bàn, thở dài, cũng tủm tỉm cười mà nói :

- Không, tôi có làm sao đâu.

- Dần lại đây bác Phán cho cái này.

Thằng Dần lon ton chạy lại chìa tay ra, bác Phán ôm nó, hôn nó một cái, và bảo :

- Bác Phán gởi cái này cho mợ Dần nhé.

Nó chạy lại hôn mợ nó, rồi mợ nó cũng hôn nó và dặn :

- Đưa trả bác Phán nhé.

Đến lượt bác Phán lại hôn nó, và nói :

- Bảo mợ Dần rằng bác Phán cho đấy.

Thằng Dần cứ chạy đi chạy lại như thế đến mười lượt. Thì ra nó tưởng là mợ nó và bác Phán đùa với nó. Nó cười như nắc nẻ! Một lúc, nó chạy mệt, nó kêu khát. Nó xin mợ nó chén nước, nhưng mợ nó chỉ ừ thôi. Rồi mợ nó mãi

nói chuyện với bác Phán, mợ nó quên không rót. Nó đành phải trèo lên ghế rót nước lấy, cái ấm ngay bàn bên cạnh giường nằm. Nhưng nó chả được hụm nào, vì nó không biết rót. Nước đổ lênh láng cả ra bàn, cái nắp ấm rơi xuống, đổ tứ tung. Giá mọi khi như thế thì mợ nó đã mắng và đánh nó rồi đấy, nhưng vì lần này mợ nó vui, cho nên chỉ nhìn qua, và bảo :

- Thôi, đi ngủ đi Dần.
- Dần chưa buồn ngủ, Dần còn chờ cậu về.
- Khuya rồi, đi ngủ đi, lúc nào cậu về, thì mợ đánh thức Dần.
- Thế mợ khấn cậu đi nhé.

Dặn mợ nó xong, nó hớn hờ trèo lên giường, nằm xuống, đắp chăn, quay mặt ra phía mợ nó và bác Phán, thao láo đôi con mắt để nhìn. Nó thấy mợ nó cười đùa luôn, nó thích, nó cũng không muốn ngủ nữa.

Một chốc, thằng Dần trông thấy đầu mợ nó ngả vào vai bác Phán, nó cười khanh khách. Nhưng mợ nó giật đầu ra và mắng :

- Ngủ đi ranh!

Nó phụng phịu cái mặt, nhắm mắt lại. Nhưng đàn muỗi cứ vo vo bên tai, làm cho nó phải mở mắt. Nó trông thấy một con bay là là trước mắt, nó giơ tay ra vờ, rồi ngồi nhồm dậy đuổi theo.

- Cái gì thế Dần?
- Dần bắt muỗi, mợ đốt nó đi.
- Để mợ quạt màn cho chóng mà ngủ.

Mợ nó tìm quạt, nhưng không thấy đâu cả. Bác Phán nói :

- Lấy cái gì quạt chẳng được.

- Tìm hộ tôi một cái để quạt.

Bác Phán trông xung quanh chả có cái gì quạt được. Thằng Dần vẫn giương mắt lên nhìn theo, thì thấy bác Phán lại đăng giường thờ, với tay cầm lấy cái ảnh cậu nó dựng ở giữa mà hỏi :

- Lấy cái này quạt được không?

- Đừng! Phải tội thì chết!

- Tội lợi xuống sông, không thì lấy đêch gì mà quạt!

Thằng Dần nghĩ ngay đến cậu nó, nó liền bảo bác Phán :

- Bác Phán đưa cho Dần cái ảnh cậu Dần đây để cậu Dần ngủ với Dần nào!

Mợ nó cầm lấy cái ảnh để quạt màn, rồi đưa cho nó, khép chặt cửa màn lại.

Nó chơi ảnh chán rồi, đã hơi buồn ngủ. Nhưng cố gượng mở to mắt để nhìn ra phía ngoài, thì chỉ thấy lờ mờ mợ nó và bác Phán ngồi kề gần với nhau, nói những chuyện gì khẽ quá. Nó không nghe rõ, nó buồn. Rồi nó lim dim đôi mắt, nó ngủ...

Nhưng trong khi nó ngủ, bỗng nó thấy rét. Nó cựa dậy thì không biết chắn ai co đi đâu mất cả. Nó sờ chắn, xê lại gần, nhưng nó thấy cái gì kèn kệnh làm đau má nó. Nó mở mắt ra, ngẩng cổ dậy, thì ra cái ảnh. Nó cầm đưa mợ nó :

- Mợ ơi, mợ cất ảnh cậu đi.

Mợ nó cầm lấy ảnh. Nó hôn lưng mợ nó và nói :

- Mợ ơi, mợ quay mặt lại đây với Dần đi!

- Mợ gì, ngoáo kia kìa!

Nó sợ, không dám đòi nữa.

Một lúc, đương thiu thiu, nó thấy tiếng kẹt cửa. Nó mở choàng mắt ra, thì thấy bác Phán đương mặc quần áo. Nó nói giọng ngái ngủ :

- Không, bác Phán đừng về.

- Bác Phán về rồi mai bác Phán lấy ô-tô cho Dần chơi.

Thấy nói đến ô-tô, nó lại sức nhớ đến cậu nó, nó hỏi :

- Thế cậu đã về chưa hở mợ?

- Cứ ngủ yên thì cậu về.

Bác Phán ra về. Mợ nó đóng cửa rồi lên giường, nằm quay mặt lại với nó. Nó thích quá, ôm chặt sườn mợ nó, rúc vào nách mợ nó. Rồi nó trùm chăn lên đầu, lại ngủ.

Nhưng một lúc lâu, mồ hôi nó ra như tắm. Nó nực quá. Không tài nào ngủ được. Nó tỉnh dậy, đập chăn ra. Rồi nó sờ xung quanh, không thấy mợ nó. Nó gọi, không thấy mợ nó thưa. Nó nhìn, không thấy mợ nó đâu cả. Nó ngồi nhồm dậy, trông trước trông sau, cũng chả thấy đâu.

Mợ nó đâu? Nó đứng dậy nó tìm... Quái, không biết mợ nó đi gọi cậu nó hay đi mua quả bóng. Nó đang nghĩ dở, thì nó thấy ở bàn nước cạnh giường có cái bìa vuông. Nó vớ lấy để đến mai làm cái vợt đánh ten-nít. Nhưng nhìn mặt sau, thì là cái ảnh cậu nó. Cái ảnh cậu nó, úp mặt xuống bàn, đắm những

nước, thành ra phồng lên. Nó ngấm một lúc, vui sướng quá đến nỗi rơm rớm nước mắt, vì nó tưởng cậu nó về thực, mà đã lên đến đây rồi... Nó nghĩ thế nào, nó muốn cho cậu nó chóng đến nơi hơn, nó liền uốn cho cong thêm lên tí nữa...

Thằng Dần lúc này như được vui sướng quá chừng. Cậu nó sắp đến nơi, mơ nó được vui vẻ. Ô-tô, quả bóng, như đã bi bo, bình bịch bên tai nó. Trống ngực đánh thành, nó cuộn tròn nó với ảnh cậu nó vào trong chăn như con sâu kèn, rồi nó ngủ khi một mạch đến sáng...

25 Mars 1931

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Tôi Chủ Báo, Anh Chủ Báo, Nó Chủ Báo:

Thưa các ngài, tôi xin giới thiệu với các ngài là đã một phen tôi làm chủ báo! Cái vinh dự ấy, tôi không ngờ ngẫu nhiên lại có, bởi vì tôi tự biết sức học như tôi, còn xách dép cho những hạng viết báo mà các ngài cho là “tàng” bây giờ.

Nguyên khi tôi mới được hưởng cái gia tài năm ngàn đồng của cha tôi để lại, thì tôi ly dị ngay cái ghế lớp năm thứ nhất của một trường tư tại Hà thành.

Tôi về nhà quê ở, cũng rắp xếp bút nghiên theo thú điền viên, mơ mộng muốn được như các cụ ta ngày xưa, hưởng sự thanh nhàn mà ngâm hoa vịnh nguyệt. Song vì mình mới tuổi vào hạng cậu, nên những thơ văn tôi làm - nói vô phép các ngài - nó “khẩn” lắm! Nhưng khốn nỗi ở đời giá mình “khẩn” mà tự biết là “khẩn” thì còn làm gì có những hạng “bò sữa” như tôi! Ngày ấy, tôi tự đắc là thơ văn mới tập mà đã nẩy tài, nên rất sính làm, mà động làm xong bài tuyệt tác nào - bởi vì bài nào tôi cũng cho là tuyệt tác - thì gởi ngay lên báo Đời Nay, là báo tôi mua năm, khẩn khoản nhờ ông chủ báo đăng cho. Được báo đăng, tôi càng tưởng tôi là thi sĩ đến nơi rồi, không ngày nào không đẻ ra được một bài tuyệt tác!

Tôi đang tưởng tượng tôi là một tay tai mắt trong làng thơ, mà cả nước không lạ gì tên và biệt hiệu, thì tình cờ một hôm tôi tiếp được một bức thư, mà vì bức thư ấy, tôi càng phóng đại cái giá trị của tôi già!

Cái phong bì đề tên tôi, trên có in hiệu tòa báo Đời Nay. Tôi tuy ngạc nhiên nhưng mừng quýnh, vội bóc ra coi.

Hà Nội, ngày 18 Avril 1928

Thưa tiên sinh,

Lâu nay, tiên sinh quá yêu bản báo mà thường có cho đăng những bài nhả ngọc phun châu, bản báo lấy làm thâm tạ cái thịnh tình ấy lắm.

Vậy muốn đáp lại tấm lòng quý hóa, bản báo chủ nhiệm định đến Chủ nhật này thì thân hành đến quý thự, để được hội kiến và hầu chuyện tiên sinh.

Nếu tiên sinh có bận gì, xin cho bản báo biết trước.

Kính chúc tiên sinh cùng quý quyến vạn an.

Ký tên.

Ồ! Ra tôi danh giá thế kia đấy! Thì ra ba chữ tên Lê Hùng Dũng của tôi cũng to lắm chứ nào có vừa đâu! Tiên sinh ư! Nhả ngọc phun châu ư! Thâm tạ ư! Thịnh tình ư! Tấm lòng quý hóa ư! Bản báo chủ nhiệm thân hành đến quý thự để hầu chuyện tiên sinh ư! Trời ơi! Tôi đến chết ngạt về sung sướng mất! Hãy hỏi ngay các ngài đây, các ngài thỉnh thoảng có đăng một vài bài lên báo, các ngài đã được cái hạnh phúc như tôi chưa? Tôi gọi hạnh phúc là đáng lắm, vì ngờ đâu một cậu học trò mới bỏ học, đã được một ông chủ nhiệm một tờ báo lớn quá yêu tìm đến tận nhà mà “hầu chuyện”. Hẳn là chưa. Vậy tất tôi có cái gì đặc biệt hơn các ngài, các ngài phải chịu câu nói ấy trước đã mới được. Không chịu nhau, nghe sao được chuyện của nhau.

Cho nên tôi bắt dọn dẹp nhà cửa, đường đi và vườn ao thật sạch sẽ ngay từ mấy hôm trước, để

khỏi phụ lòng hạ cố của vị quý nhân. Đến hôm Chủ nhật ấy, giá ai các ngay một cái gia tài năm ngàn nữa để nhờ tôi đi vắng, thì tôi cũng lắc đầu từ chối, bởi vì con người ta, chắc các ngài cũng hiểu thế, đủ lợi rồi thì phải thêm

danh. Ấy, ông Hàn, ông Nghị cũng chui ở lỗ ấy mà ra cả.

Ông chủ nhiệm tử tế lắm. Tuy tôi ít tuổi hơn ông, nhưng không câu nào ông không dùng chữ tiên sinh mà gọi tôi. Khoa ngôn ngữ của ông thực là giỏi, giỏi đến nỗi lúc ông về, tôi đắm mê ông và nhớ ông.

Ông khen tôi thơ văn được công chúng rất hoan nghênh, đến nỗi nhiều độc giả phải viết thư về tòa báo hết lời ca tụng. Ừ, mà ông ấy nói có lý lắm. Chính tôi cũng tự biết là thơ văn của tôi bài nào cũng tuyệt tác; một đôi khi, tôi thấy nhiều câu còn đặc sắc bằng mấy thơ các cụ Yên Đỗ, Tú Xương.

- Tiên sinh phải ra làm báo mới được, ông chủ nhiệm nói thế, nếu cứ ở nhà quê mãi, thì cái đại tài đến mai một đi mất!

Tôi cảm động, thở dài, ông ta lại nói tiếp :

- Tiên sinh phải để cái sự nghiệp về sau! Ở đời không nên tự túc. Ngay như tôi, nếu tôi tự túc, thì cứ việc ăn no ngủ kỹ như tiên sinh, còn ra làm báo làm gì cho nhọc xác. Khốn nỗi quốc dân mình ngu lắm; nếu bọn mình là hạng thượng lưu trí thức, mà không xuất đầu lộ diện để đưa đường chỉ nẻo cho họ, thì không đành lòng. Tiên sinh nghĩ sao?

- Ngài nói chí phải!

- Tôi mà được tiên sinh cộng tác, thì tôi thật là toại nguyện!

Tôi sung sướng hỏi :

- Ngài muốn dùng tôi?

- Không, tiên sinh cộng tác cùng tôi; nghĩa là anh em ta cùng đem hết tài lực vào để khuếch trương tờ báo cho ngày được hoàn toàn. Tôi vẫn bàn với anh em trên Hà Nội, mà chính ra họ cũng đồng ý với tôi cả, là giá mời được

tiên sinh ra chuyện này, thì chỉ trong nửa tháng, các báo khác đến đổ hết!

Ồ! Quái! Ra không những tôi giỏi văn, lại kiêm cả giỏi võ! Không trách họ bảo một bài thơ có thể hàng được quân giặc, thì hay đâu, thơ văn tôi cũng có sức khỏe lạ thường đến như thế?

- Một mình tôi chủ trương một tờ báo lớn mỗi ngày xuất bản ngót vạn số, tôi thấy bất lực, tiên sinh ạ. Cho nên mục đích tôi về đây hôm nay, là để mời tiên sinh ra làm báo với tôi. Tiên sinh nghĩ sao?

- Ngài nói vậy, chúng tôi cảm tạ; còn như có làm hay không, tôi không dám nói trước, bởi vì trên còn cụ tôi, tôi phải hỏi ý kiến.

Ông chủ nhiệm bữu môi, cười, và vỗ vai tôi :

-Ồ! Tiên sinh cẩn thận quá! Tiên sinh đã có địa vị, thì công việc của tiên sinh các cụ làm gì mà can thiệp vào nữa. Nghĩa là tiên sinh chỉ cần nói cho các cụ biết rằng bây giờ tiên sinh định làm thế ấy, làm thế nọ, chứ các cụ có phép nào cấm! Tiên sinh nghĩ tôi nói có phải không?

- Vâng, ngài nói chí phải!

- Ở đời không nên để lỡ cơ hội. Mà tôi thấy nhiều tờ báo, họ viết không sao gửi được, thế mà bán chạy, có tức không! Thực, họ làm học trò mình không đáng, thế mà thỉnh thoảng họ lại dám nói hỗn cả với mình. Rồi biết đâu, những bài thơ văn tuyệt tác của tiên sinh mà cả quốc dân hoan nghênh, họ không vì dốt hoặc vì không hiểu mà đem ra bẻ một cách vô lý.

Bẻ thơ tôi! À, liệu hồn tờ báo nào đấy nhé! Phèn này mà tôi ra thật, thì lại không đóng cửa sớm à!

- Thế thì tức lắm nhỉ!

- Vâng, tiên sinh phải biết quốc dân ta không có định kiến, thật đúng như đàn cừu. Báo khen ai, là họ phục người ấy; báo nhè ai ra công kích, thì giá trị to đến đâu cũng phải tiêu!

Tôi lại hiểu thêm một tí về tâm lý quần chúng.

- Vâng, ngài nói chí phải!

- Cho nên tiên sinh không ra chuyện này không xong. Tiên sinh đừng để cho độc giả phải thất vọng. Làm báo bây giờ, những hạng có học, có tài, như tiên sinh thực là hiếm có lắm. Cho nên tôi dám đoan trước với tiên sinh rằng tiên sinh chỉ làm trong ít lâu, thì báo Đời Nay hẳn mỗi ngày phải in đến hai vạn số! Chúng tôi mong tiên sinh lắm.

* * * * *

Muốn cho các ông ấy khỏi mong, và độc giả khỏi thất vọng, tôi bèn ton ton xách va-li lên ngay Hà Nội để làm báo Đời Nay. Ngay hôm tôi nhận việc, trên lá nhãn tờ báo ấy, đã thấy in ba chữ tên tôi, dưới cái chức “Phó chủ nhiệm”, là cái chức giá trị thứ hai trong tòa báo, rất xứng với món tiền bốn ngàn tôi vừa bỏ vào kết ông Chánh chủ nhiệm.

Làm phó chủ nhiệm, thực dễ như ăn gỏi. Ngày diện quần áo tây rõ ngất, đeo cặp kính trắng không cận thị mà cũng không viễn thị, hai buổi cặp cái cặp da, trong đựng ít giấy má từ đời nào, không can hệ lắm đến việc báo, mở cửa vào nhà, qua tòa soạn, bắt tay hết ông chủ bút đến các ông trợ bút, rồi sang buồng ông chủ nhiệm, hút thuốc lá, chán chê rồi mới về bàn giấy, mở cửa sổ toang ra, ngồi tếu huýt còi, nhìn phong cảnh, thì còn gì khoái bằng!

Mà nói chuyện với những tay làm báo, cũng sướng thật. Không bao giờ họ làm mình thất vọng về cái tài cái đức của mình, đến nỗi một suất nữa, giá đủ tuổi rồi, thì tôi ra ứng cử cả nghị viên! Tôi thấy tôi lịch duyệt hơn trước

nhiều lắm. Này nhé, buổi tối thì đi học khôn ở dưới xóm cô đầu, ban ngày thì được xem hết cả các nhật trình, mà tờ nào, cũng ít ra là có một cái tiểu thuyết, dăm ba cái vẽ buồn cười, hoặc bài hài đàm giải trí. Những bài khác, tôi không thích xem, vì nó lạt như nước ốc. Thỉnh thoảng ngồi rồi, thì sang tòa soạn, được nghe chuyện Hitler, Mussolini, nghe chuyện Nhật-Nga sừng sộ, nghe chuyện cô đầu Huệ sắp bỏ nhân tình đi lấy chồng. Khi nào cao hứng, thì tôi mới phải xùy dăm ba bài thơ, nhưng những thơ ấy, tuy tòa soạn bắt buộc phải đăng, song chỉ để dành những lúc tờ báo bị trống chỗ.

Được ba tháng an nhàn như thế, một hôm, ông chánh chủ nhiệm, bạn thân tôi, đến bàn giấy, hỏi tôi rằng :

- Này bác, bác còn tiền không?

- Còn để làm gì?

Ông ta lắc đầu, buồn bã nói :

- Nguy lắm, tình hình báo nguy lắm, bác ạ!

- Thế là tại làm sao?

- Khỉ quá, mình viết văn hay, nhưng báo “đếch” chạy!

Tôi an ủi :

- Thôi, ngót vạn số, bác còn muốn gì hơn?

- Nhưng không đủ chi tiêu. Bây giờ tôi nói thực. Tôi hết tiền rồi, có lẽ đến hết tháng này, báo phải đình bản!

Tôi kinh hãi, hỏi :

- Sao đến nỗi thế?

- Độ này báo không bán được! Tôi định nhường hẳn tờ báo này cho bác, vì tôi có việc phải đi Nam Kỳ!

Tôi ngậm ngùi, vợ vẫn nghĩ. Bạn tôi nói :

- Bác cứ đứng chủ trương một mình xem sao. Báo Đời Nay vẫn có cơ tiến lắm, nhưng không rõ lâu nay vì cái gì, đương chạy ngót vạn số mà tự nhiên sụt hẳn đi mất bảy nghìn. Mới biết quốc dân mình là ngu!

- Bác đừng giấu tôi. Bây giờ báo mỗi ngày in ra bao nhiêu?

- Hai nghìn tờ, nhưng ế mất đến năm trăm!

Tôi trợn mắt, nói :

- Nếu bác thôi, thì tôi làm một mình sao được, tôi chưa quen việc, vì từ ngày làm báo, tôi tin ở bác, tôi có biết tí nào đâu.

- Không, bác cứ làm, tự khắc quen; bác phải mạnh bạo hết sức đi, mới có thể lấy lại được món tiền bác bỏ vào cho tòa báo.

- Thế hiện trong “kết” còn bao nhiêu?

- Tháng này còn nợ lại nhà in mất gần nghìn bạc.

- Vậy bốn nghìn của tôi hết cả?

- Phải, nguyên trước đã nợ về tiền in nhiều ít, nhưng bác đừng thất vọng vội. Ta phải làm, ta phải theo đuổi mục đích ta đến kỳ cùng.

Tôi thở dài, động lòng thương đến gia tài của cha...

- Bác không nên buồn. Chính tôi đã bỏ vào đây ngót một vạn, nhưng tôi cũng không tiếc, vì đã làm được việc công ích. Bác cứ thu xếp được độ hai

ngàn nữa, thì công việc lại êm thấm như cũ ngay.

- Tôi không còn tiền nữa, bác ạ! Tôi chỉ có năm ngàn, bỏ vào tòa báo bốn ngàn, còn ngót ngàn ăn tiêu xa xỉ từ ngày lên Hà Nội tới nay, cũng chả còn mấy...

- Bác về xin bà cụ, thiếu gì!

- Cụ tôi không có đâu.

- Thế thì đi vay vậy, đã đâm lao thì phải theo lao, chứ chịu để dở chừng à! Bác thì hỏi đâu chả được dăm ngàn, chả có thì về mượn văn tự nhà, văn tự ruộng của ông Ấm cũng được.

Tôi ngẫm nghĩ; đêm hôm ấy về, rớt nước mắt.

* * * * *

Từ đầu tháng sau, chức phó chủ nhiệm bãi đi, vì ông chánh chủ nhiệm cũ từ chức, mà tôi thì thăng lên làm chủ nhiệm. Tôi được thăng chức là tự tôi đảm nhận cái đáng lấy tờ báo, tức là tôi đền công tôi vừa thò tay vào ký cái văn tự vay hai ngàn.

Bỏ tiền ra thì xót ruột, nhưng cái lá nhân tờ báo ngày nào cũng an ủi tôi. Ngắm cái chỗ đề tên chủ nhiệm, nó hay hay, nó thỉnh thích. Thôi thì cũng hả lòng; mấy ai đã đủ tư cách đứng đầu một cơ quan ngôn luận!

Tôi xem xét sổ sách, và coi sóc các việc trong tờ báo. Nửa tháng đầu, tôi đã thấy thất vọng quá. Báo ế đã làm cho tôi nản lòng, mà bạn hữu ở ngoài họ càng kêu tệ. Các bố chủ bút và trợ bút thì cứ ngồi ăn hại để đánh cắp bài, hoặc phóng tin ở các báo khác; vậy mà các bố vẫn tự đắc, mà tán dương những tác phẩm “bã mía” ấy, hình như họ có ý bịp hết, cho tôi là ngu xuẩn dễ lừa, hoặc cho tôi là thằng ưa nịnh. Có một giọng nói mà cứ nói mãi, thì đến

người gốc còn hiểu tâm lý họ, huống là tôi; dù có dễ lừa, dù có ư nịnh, thì trước kia, chứ nay đã gần gũi họ ngót nửa năm trời thì làm gì mà không “lật tẩy” được họ! Tôi chán quá!

Nhưng một hôm, tôi thấy tình thế báo nguy ngập quá, không thể đứng vững trong vòng nửa tháng nữa, tôi định cho tờ báo chết quách đi để đỡ bận thân. Tôi nghĩ lại cái thân thế chủ báo của tôi, tôi nhớ đến bạn cũ, là ông chủ nhiệm cũ tờ Đời Nay, tôi oán ông ta, tự nhiên làm tôi đeo công mắc nợ.

Nhưng mà lối xoay xu người trước đã vạch sẵn, tôi tội gì không theo? Nguyên ít lâu nay, báo Đời Nay mới có một ông bạn lai cáo, là chủ đồn điền trên Phú Thọ. Tôi nhớ lại những thư ông ta viết lên tòa báo khẩn khoản xin bài, tôi mừng thầm đã có một chàng Lê Hùng Dũng mới! Thì đây, tôi lại phải diễn lại tấn kịch trước, là viết một bức thư cảm tình với người bạn thân của tòa báo ấy, hẹn ngày tôi đến chơi.

Tôi đến chơi, hẳn ông ta cũng lấy làm hân hạnh như tôi, sáu tháng về trước; thấy cách tiếp đãi ân cần tử tế, mà tôi xấu hổ về cái gốc trước của tôi, bởi vì trong khi chuyện trò từng bữa ông ta, tôi thấy ông ta cũng thấy sung sướng, y như tôi ngày nọ.

Tôi cũng dùng những lời đường mật mà tán tỉnh, mà nói khích, thì ông ấy cũng hăm hở, hăng hái muốn bóp chết các báo khác.

Kết cục ông ta lại bằng lòng bỏ ra năm ngàn bạc để mua lấy chức phó chủ nhiệm hão huyền.

Cái hình ảnh ngu dại của tôi ngày trước, hôm nào tôi cũng được trông thấy ở trong tòa báo hai buổi. Ông phó chủ nhiệm chỉ ngồi làm cảnh, hút thuốc lá và nói nhảm, chứ công việc tôi không những không cho biết, còn nói khoác thêm như trời. Tôi cười thầm bao nhiêu, tôi lại thương ông ta bấy nhiêu; giá bây giờ ông chủ nhiệm cũ có cầm đến tờ báo Đời Nay mà trông

thấy mới nảy ra chức phó chủ nhiệm mới, có lẽ cũng phải buồn cười mà nghĩ rằng:

“À, thằng này đã khôn rồi, đã ‘chài’ được một thằng cha khác vào cạm”.

Năm ngàn bạc mới cũng chỉ có sự nghiệp như năm ngàn bạc cũ, là nuôi báo cô được các nhân mạng trong tòa báo một cách “đế vương” trong vài tháng. Rồi xét ra, không thể nào làm cho tờ Đời Nay tiến lên được một bước nào, tôi bèn đến bàn giấy ông phó chủ nhiệm, nói thực tình hình, và phúi tay, lộn túi, thoái vị, lìa báo giới về cái “nhà bò”.

Tờ báo Đời Nay lại bãi chức phó chủ nhiệm, nhưng biết đâu, sáu tháng nữa, cái chức ấy lại không lòi ra, vì ở xã hội này, chém bảy ngày không chết hết những thằng có tiền mà ngốc.

16 Avril 1934

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Nhân Tình Tôi:

Tôi nhớ đích rằng năm ấy tôi mới có mười chín tuổi. Cái tuổi mười chín, như hoa xuân đương nhị, như trăng tròn đương gương, các ngài phải hiểu cho rằng là cái tuổi dễ chịu nhất. Trai gái mười chín tuổi, đều dễ thương, nên thương cả.

Tôi đỗ sơ học Pháp-Việt, tiếng đồn ầm học giỏi. Chiều ra phố chơi mát, tưởng hình như ai cũng chỉ trở vào mình mà thì thào với nhau :

- Kia! Cậu ấm Căn con cụ lớn Tuần mới đỗ.

Khốn nạn! Tôi tưởng thế là danh giá; chứ ví họ có khen thế thật, tôi cũng nên lấy làm xấu hổ thì phải. Vì con nhà dòng dõi thi thư, mà đầu to bằng cái giành, mới đỗ được cái bằng con con thì vênh vào cái gì.

Tôi thi vào trường Bảo hộ, hồng kỳ vấn đáp. Cha tôi định cho tôi về ở nhà. Nhưng tính tôi không chịu được cảnh tiêu điều các tỉnh nhỏ, nhân có nhà ở Hà Nội, tôi xin về ngay ở Hà thành, lấy cớ để học tập với các anh em bạn.

Tôi thích quốc văn. Ngày còn đi học, các bài luận quốc ngữ của tôi làm, thường được cụ Giáo khen ngợi; bạn bè cũng tặng cho cái tên “anh văn sĩ”. Độ này, nhàn rồi việc, tôi viết bài gửi báo chương, được tòa soạn đăng cho, mình cũng tự đắc tưởng có lẽ là “nhà ngôn luận” đến nơi rồi, càng ham viết.

Tôi ở Hà Nội, lười học nhưng chăm chơi. Ngày được mục kích những đóa hoa biết nói bày ở các phố, thì tối về nằm ngủ cũng hồn bướm mơ màng năm canh.

Xin thú thực rằng tôi không thạo và không có can đảm như các bạn về khoa chim gái. Họ bạo lắm. Hễ thấy một cô nào, cứ là con gái thì thôi, là buông lời, ướm ý, đăng hăng, ném thư, hoặc mua hàng, để giả vờ bỏ quên quyển sách hay tờ báo trong có bức thư tình. Tôi thì dủ thính cũng chả dám. Làm đường đột như thế, nhờ người ta mắng cho thì “êu”! Nhưng xem ra, các tiểu thư cũng hiền lành ngoan ngoãn lắm. Không những không mắng ai, mà lại còn nhìn trước nhìn sau, nếu không có ai trông thấy, là cầm cái thư bỏ tọt ngay vào túi... Nhanh như điện!... Các cô thực là rộng lượng hải hà, giàu lòng bác ái! Bởi vậy các bạn tôi, anh nào cũng có một cô nhân ngãi, nào cô 51, nào cô 96.

Trước họ còn chim nhau bằng cách “hàm thụ” như thế, rồi chẳng bao lâu, có ngay cuộc “biểu tình” bí mật. Nhảy quá, thực là nhảy! Trông người mà ngấm đến ta, mà mình tự thương thân thể như ao bèo gió thu.

Nhân độ ấy ở báo, có một nữ sĩ bàn về vấn đề nam nữ bình quyền. Rồi dư luận sôi lên sùng sục, tán thành, cổ động, công kích. Tôi chối kệ biết nam nữ bình quyền đối với xã hội hay dở thế nào, nhưng đối với riêng tôi, thì thực là có ích, vì tôi định lợi dụng cơ hội để đạt mục đích riêng. Tôi bèn viết bài lai cáo, ký tên là Minh Châu nữ sĩ. Thế là tôi nhờ tờ báo để nói chuyện chay với gái vậy!

Tôi hay đấu dịu giảng co với một cô tên là Kim Chi. Tôi lấy làm đặc chí thăm, vì Kim Chi phải ra công gào thét, cãi nhau với một nữ sĩ đực là tôi! Có gì đâu, những bài của tôi, độc vị giọng nói ngang, nói bướng, chính tôi cũng biết là không tiêu được, thế nhưng tôi chỉ cốt cho họ bẻ lại để kéo cho dài cuộc cãi nhau. Họ có hiểu ý đâu; rồi ba bốn nữ sĩ khác vào hòa với nhau, nhao nhao lên mà bẻ tôi! Thế là phải lừa cả xốc!

Xem ra nội trong đám ấy, có Kim Chi ăn nói hoạt nhất. Tôi đoán là một cô giáo, không thì ít ra cũng là một Tân nhân vật có học thức tư tưởng. Văn chương của Kim Chi không gọt giũa nhưng nhanh mà hoạt. Tôi tin ngay rằng

hắn cũng có cái lượng hải hà, cái lòng bác ái như phần nhiều các cô khác. Thế là tôi xoay tư tưởng.

Phải. Nói chuyện với gái, mà phải gọi là bà chị, xưng là em, thì các ngài tưởng còn thú quái gì? Vả nào có chuyện ôn tồn đâu, lại cãi nhau với xỏ mạt nhau thì còn tình nỡm gì?

Một hôm, có người bảo tôi rằng :

- Tài quá, lão cử Hạc Thánh thế nào mà vợ ngay được con giáo Lãng!

- À, tại đăng vào báo nó chứ gì!

- Thằng Bạch Ngọc Đàn lên mặt mô phạm đạo đức, cũng xoay được một thị nữ học sinh vì một bài văn đăng báo! Họ thế cả đấy, anh ạ!

Cái câu “họ thế cả” làm cho tôi vẫn vơ mãi. Kết cục, bao hy vọng của tôi đổ xô vào cả Kim Chi nữ sĩ. Tôi bèn hỏi dò chỗ ở của nữ sĩ ở trong tòa soạn. Rồi ngay chiều hôm ấy, tôi diện rất sang, cạo mặt, đánh phấn, bơm nước hoa, nghênh ngang qua nhà cô để xem mặt.

Chà! Có sai đâu, Kim Chi quả là một vị sao! Khăn nhung, áo mùi, giày cườm, món tóc gáy xòe ra, trông dễ thương quá! Tôi tưởng như một chàng thiếu niên công tử như tôi mà đi đôi với một vị thanh tân nữ sĩ như Kim Chi, thì đâu cũng phải khét, đến phố nào làm tăng giá trị phố ấy lên, và hắn vô số thằng ghen!

Tôi thấy dung nhan Kim Chi mà sững sốt cả người, chân tay mềm đi. Không trách cái sắc khuynh thành nó làm cho khuynh gia được cũng phải.

Tôi lượn qua nhà Kim Chi hai ba lượt, toan vờ vào mua hàng, thì vừa gặp cô đi ra phố, nhảy tót lên xe chạy nhẹ như gió. Tôi được dịp may, định bay xe theo hút, nhưng đen quá, phố hết xe. Chả lẽ lại cầm cổ chạy theo! Không coi

được. Tôi đành nuốt sâu, thất vọng lủi thủi về nhà.

Thế là tôi đã có phúc biết mặt Kim Chi rồi. Chỉ còn việc gấn bó nữa là xong.

Tối hôm ấy, tôi nghĩ một bức thư rõ dài rất văn chương để gởi cho Kim Chi. Tôi thú thật rằng tôi đội tên là Minh Châu để đăng báo trêu nhau, chứ kỳ thực tên tôi là Trần văn Căn, con quan Tuần, nhà giàu, ở phố ấy phố nọ, từ khi được trộm liếc dung nhan cô, thì tương tư chả ốm cũng sâu. Rõ khéo quá! Cái lý lịch tôi, cái gia phả tôi, ai khảo mà xưng? Thằng con trai đi chim gái mà đề tiện đến thế thì nhục quá! Kết cục, tôi bảo từ nay, nếu định cùng nhau đàm đạo, thì xin đừng đăng báo, cứ viết thư riêng có lẽ tiện hơn.

Hôm sau, quả nhiên tôi tiếp được thư hòng trả lời của Kim Chi. Các ngài có đoán được cái vui sướng của tôi không? Tôi đọc đi đọc lại đến thuộc lòng, thuộc lòng mà vẫn chưa chán. Thích nhất là tuy trong thư, lời lẽ rất nghiêm trang, nhưng lại thơm sắc mùi nước hoa! Chết chữa! Không phải thư tình sao lại thơm thế?

Đại khái trong thư nói cô đã biết tiếng tôi từ lâu, vì vẫn được nghe đại danh - trời ơi! Đại danh, xin các ngài nhớ cho! - nghe đại danh tôi trên báo chương. Nay tôi tuy ký tên là Minh Châu nữ sĩ, mà cô vẫn ngờ là giọng văn tôi. Không những thế, nữ sĩ lại còn thông thuộc cả nhà cửa tôi nữa. Thế thì nếu Kim Chi không phải là tri kỷ của tôi, sao đối với tôi đã có cái cảm tình sẵn sàng ấy? Cuối thư, nữ sĩ bảo từ nay đừng đăng báo thì xin vâng, nhưng nếu thư đi từ lại thì không tiện, vì sợ người ngoài ngờ vực nọ kia chẳng. Và cổ nhân có câu Nam nữ thụ thụ bất tương thân, thì xin đừng thư từ gì nữa, nhờ tôi không nhận được trả lời, lại trách nhau là bất nhã.

Ấy, từ đấy mà đi, hai đội quân đang xung đột nhau kịch liệt trên mặt báo, bỗng đình chiến.

Nhưng đình chiến thì phải đề huề mới phải chứ! Tôi đọc xong thư mà khen thầm Kim Chi là người đã có sắc, mà lại có tài, có đức. Hiếm có thay! Nhưng bỏ ra thì tiếc. Tôi bèn đánh bạo viết bức thư nữa, bẻ phắt câu nam nữ bất tương thân là hủ, cổ động bọn thanh niên tân tiến không nên quá chấp nệ, phải hợp sức nhau mà làm cách mạng phong tục mới được. Trong thư này, tôi tuy giở giọng triết lý, nhưng thỉnh thoảng gõ đến chữ tình luôn.

Thế nào tôi lại tiếp ngay thư trả lời của Kim Chi! Vậy các ngài bảo còn sao trách được cô là bất nhã. Cái thư này người vú già mang đến. Người vú ấy, tôi coi như một vị ân nhân trong cuộc ái tình của hai chúng tôi. Thường tôi cho tiền luôn, trước sau mất cũng khá. Mỗi bận đưa thư, vú ấy lại kể cho tôi nghe chuyện Kim Chi, những là yêu tôi, nhớ tôi, mà sinh vợ vẫn, lược thừa biếng chải, gương tàu biếng soi.

Vú già kể qua là Kim Chi còn hai cha mẹ và một người anh. Người anh thì lêu lổng chơi bời, du côn, ác tợn, cả nhà ghét. Còn Kim Chi thì ngoan ngoãn, cha mẹ nuông chiều, hơi sổ mũi, nhức đầu, thì ông bà chạy nháo lên về thuốc. Kim Chi không bao giờ ra cửa đứng ngóng trai. Cả ngày cặm cụi viết văn xem sách. Có lẽ bởi thế, nên từ ngày ấy, tối tối qua cửa nhà Kim Chi, tôi cũng không được gặp cô bao giờ.

Ngày trước, có người bảo tôi rằng :

- Gớm, các tiểu thư càng ngày càng tệ, chỉ ngồi duỗi ra mà ăn, rồi viết thư cho trai mà thôi! Anh không nên lấy vợ Hà Nội. Nhất là bọn gái tân thời lại càng khó tin lắm. Bình quyền gì chúng nó? Chúng nó chỉ quảng cáo cái tên để dắt chồng mà thôi!

Bạn tôi phán đoán quá khắc, chứ đã làm gì đến thế? Tôi có thể làm trạng sư bênh các cô, và xin dẫn ngay Kim Chi ra làm chứng. Câu ấy là chuyện của bạn tôi nói riêng với tôi, chứ nhờ mà đến tai các tiểu thư, thì bạn tôi tất bị một phen kéo tai chết.

Những thư từ của tôi gửi cho Kim Chi toàn là cái bả để dắt Kim Chi vào cạm. Chắc các ngài cũng thừa hiểu cái mục đích của anh con trai chim gái. Một ngày kia, mục đích đã đạt, thì thôi, ếp truy phong, xin bái ngảnh ái tình! Cho nên không có trai gái nào nhân tình nhân nghĩa với nhau đến già bao giờ. Thế nhưng bao giờ bên con trai cũng phải dùng những lời đường mật để vờ tính cuộc dài lâu, các cô nhẹ dạ là mắc tuốt.

Tôi hiểu cái tâm lý ấy, cho nên tôi cứ cái chương trình ấy mà tiến hành. Thư từ trước còn đứng đắn, sau là lời dăn; có khi bịa ra cái chiêm bao đêm qua, cùng Kim Chi đi chơi buổi tối, để tỏ cho Kim Chi biết lúc nào mình cũng nghĩ đến mà thành mộng, và để dò ý Kim Chi ra sao. Cái chiêm bao thứ nhất còn là đi chơi, nói chuyện triết lý văn chương. Cái chiêm bao thứ hai, đã pha mùi tình tự nhảm nhí.

Kim Chi trả lời thương tôi buồn, mà tiếc cái mộng thú vị thế mà chỉ có mình tôi được thấy. Tôi hiểu ý biết là Kim Chi cũng ước ao một ngày kia được gặp tôi để nói chuyện.

Một hôm, tôi viết thư cho Kim Chi rằng tôi sắp phải ly biệt trong vài tháng để về quê. Tôi nói thế là để xem ý Kim Chi. Thì ra cô viết trả lời tôi bốn trang giấy đặc, rất cảm tình, bảo tôi nên tìm cơ mà ở lại, kéo kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi, mà người ở cũng lệ rơi thấm đá.

Thế thì Kim Chi thực bụng yêu tôi. Tôi bèn hỏi Kim Chi có dịp gặp nhau không? Còn nhớ trong thư này, tôi gửi kèm cho Kim Chi một giọt nước mắt. Hẳn các ngài cho tôi là nhu nhược dở hơi. Thưa các ngài lầm rồi! Cái giọt lệ đó, là tôi vẩy một giọt nước chè tàu vào giấy cho nhòe chữ để tỏ ra bụng nhớ. Chữ nào có biệt ly đâu mà nhớ, mà dù có biệt ly thực đi nữa, thì chưa chắc đã nhớ, huống chi là nước mắt!

Kim Chi thì tỏ ý muốn trăm năm cùng tôi. Mà thực bụng, tôi không thêm rước những cái nợ ấy về nhà làm gì. Chim nhau mà lấy nhau, thì chỉ tổ bỏ

nhau sớm! Bởi vì hôn nhân là một việc đứng đắn, mong hạnh phúc một đời. Thế mà cái việc đứng đắn ấy lại vì một sự lừa gạt mà gây nên, thì cầu chi hạnh phúc?

Kim Chi trả lời, nghĩ tủi thân là phận gái, phải trong vòng bó buộc chốn gia đình. Từ ngày biết tôi, thực là chưa biết lời ăn tiếng nói tôi ra sao. Trong thư có hẹn đúng bảy giờ tối hôm sau thì ra vườn hoa Cửa Nam, đứng đợi ở chân tượng bà Đàm Xòe, sẽ được gặp.

Được lời như cời tấm lòng. Từ khi tôi nhận được thư, vội vàng khắp khởi ra đi. Đen quá! Cứ hết ông bạn nọ, lại đến bố bạn kia đến ám mãi. Họ nói toàn chuyện phiếm, mình còn bụng nào mà nghe. Ruột thì nóng như lửa, mà hình như cái thư nó cứ nhảy tanh tách ở trong túi. Thỉnh thoảng tôi phải vờ gật gù nghe chuyện, đưa tay vào nắn lại túi, thì các bố ngỡ là đưa thuốc lá ra mời, cứ rình thò tay ra đỡ!

Tuy vậy, tôi cũng được đến chỗ hẹn. Đến nơi, mới có sáu giờ rưỡi. Trong bụng hớn hở như trẻ con vớ được cái danh. Tôi phải nhấm nháp những câu hỏi và câu trả lời. Tôi chờ đến bảy giờ, bảy giờ mười, bảy giờ rưỡi, bảy giờ bốn năm. Rồi bảy giờ năm mười, đến mãi tám giờ, cũng chẳng thấy bóng chim tăm cá gì cả. Tôi nóng ruột quá! Đang bực dọc trách thầm ai sai hẹn, thì có một người đi lại, làm cho tôi nguôi hẳn cơn sầu. Người ấy không phải là Kim Chi, mà là vú già nhà Kim Chi, đưa cho tôi cái thư xin lỗi, vì ở nhà cô đỡ có khách, không thể đi được.

Hôm sau tôi lại tiếp thư Kim Chi bảo rằng có dịp gặp nhau, nhưng phải xuống tận ngã tư Trung Hiền, mà chờ vào quãng từ mười giờ đêm đến hai giờ sáng, thì thế nào cũng gặp.

Những dịp hiếm có ấy, không bao giờ tôi dám bỏ qua; vì lòng ước vọng của tôi, những là thốt tha lá liễu, thỏ thẻ giọng oanh, ta sẽ thấy non Vu đỉnh Giáp, động Thiên Thai sắp đón mời chàng Lưu. Cứ nhắm mắt lại là đã thấy

đủ từng ấy cảnh Bồng Lai như thế rồi.

Tuy hôm ấy trời mưa phùn, nhưng tôi chịu khó lò dò đi ngay từ chín giờ. Vì tôi sợ đồng hồ nhà Kim Chi nhanh, hoặc đồng hồ nhà tôi chậm. Tôi thấy xe nào đi qua, cũng phải trở mắt lên nhìn. Thực là có công quá! Ai ơi có thấu cho không? Cái hy vọng của tôi trước thì dài, sau ngắn dần. Đến lúc đồng hồ chỉ hai giờ thì thật cụt hết. Nhưng tôi vẫn chưa nản lòng, vì thế thượng vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên, vậy cứ mặt dày kiên tâm thì chim được gái, trời nào có phụ? Tôi đành đứng suốt đêm ở ngoài đường, ướt như chuột lột, lạnh như chôn như vùi. Đến hơn bốn giờ sáng, tôi phải cuốc bộ về Hà Nội. Thực là một bữa mệt lử, nếu không sẵn sức khỏe, thì có lẽ tôi ốm to rồi.

Tôi giận Kim Chi đánh lừa tôi. Nhưng không dám trách. Vì trách thì còn mong “nước non” gì.

Tôi nghĩ kế để gặp mặt Kim Chi. Nhân có một hội kia cần tiền, tôi bèn viết một bản kịch, rồi cổ động các tài tử đem ra diễn. Tôi định đóng một vai, mà mời Kim Chi giúp cho một vai nữ. Tôi tự biết là một việc nhờ phiệu, chứ các tiểu thư khuê các ta, đã ai có can đảm ra diễn kịch? Kịch của tôi viết là một cái hài kịch về ái tình. Kim Chi nhận ngay vai chính! Cái dã tâm của tôi định lợi dụng cuộc diễn kịch về việc nghĩa để một là được gần gũi Kim Chi, hai là được tiêu tiền trời ôi, chứ nghĩa gì mà nghĩa!

Cách độ mười lăm hôm sau, Kim Chi cho tôi biết rằng hôm ấy cha mẹ và anh về nhà quê vắng cả, chỉ có một mình và vú già ở lại mà thôi. Thế thì tự do quá.

Kim Chi hẹn đúng chín giờ tối thì tôi đến. Nhưng tính tôi nóng nảy, không có thể ngồi suông mà chờ được. Hơn bảy giờ tối, tôi đã ngấm vuốt quần áo ra phố rồi định hết sức lờ các bạn. Tôi vừa ra khỏi cửa, thì người vú già lại đưa cho tôi một bức thư của Kim Chi nhắc tôi đúng hẹn. Có một đoạn, tôi nhớ đến tận bây giờ, mà có lẽ còn nhớ đến già nữa kia.

“Những tấn hài kịch về ái tình, em được xem đã nhiều, nhưng có lẽ chưa có tấn nào được hay và buồn cười bằng kịch sẽ diễn tối hôm nay. Tối hôm nay, hai anh em ta xin đóng vai chính để diễn tấn hài kịch về ái tình của anh soạn.

Em xin kiêm cả việc bài trí. Anh thực là một ông ‘thầy dạy đời’ mở mào mở mặt cho nhiều kẻ hiện đương chìm đắm trong bể tình. Anh ạ, cái sóng tình đã tràn đi, thì lấp cả trí người ta. Đã say mê nhau, thì không nghĩ, không trông thấy gì cả...”

Chắc các ngài bẻ rằng: Kim Chi ăn nói khôn ngoan như thế, cố sao chính mình cũng bị ma tình mờ ám mà không tự tỉnh ngộ? Câu hỏi đó làm cho tôi bối rối, và tôi được cái thư trên kia, mời đến diễn kịch về ái tình, mà hai đứa chúng tôi lại đóng vai chính, thì bụng nào mà trả lời nữa! Âu là tôi cũng xin hỏi lại các ngài vậy.

Tôi không trả lời nổi câu hỏi đó, thì tôi có thì giờ viết nốt truyện này. Nếu các ngài cũng chịu nốt, thì các ngài hãy cố đọc cho hết truyện này sẽ biết.

Thưa các ngài, tôi thiết nghĩ các phương thuốc về tinh thần mọi khi dùng để chữa cái hư của người ta, thực không công hiệu tí nào. Chứ nếu ai học luân lý, ai xem diễn kịch, tiểu thuyết, vân vân, mà đều biết sửa mình cả, thì ở xã hội có lẽ không lấy xe đâu để chắt cho hết các cậu thánh cô hiền!

Đúng chín giờ, tôi gõ cửa nhà Kim Chi ba tiếng khẽ. Có tiếng đăng hăng trả lời. Tôi vừa trống ngực vừa run!

Cánh cửa khẽ kẹt hé mở... Kim Chi trùm hum cái khăn tua gần kín cả mặt, một tay cầm đèn hoa kỳ vắn bé tí, một tay che lấp ngọn lửa đi. Tôi biết ý Kim Chi cẩn thận giữ gìn, nên vừa bước chân vào trong, tôi thối phụt tắt ngọn đèn đi. Vì tôi cũng định giữ cả cho tôi nữa. Chứ thực thì chưa nghĩ ra rằng tắt đèn là có lợi.

Trong nhà tối như hũ nút. Tôi nắm lấy tay Kim Chi để Kim Chi dắt đi. Kim Chi dắt tôi đến ghế. Tôi ngồi xuống, hỏi đùa :

- Sao hôm nọ tôi trông mợ bé nhỏ, mà nay mợ lại hóa ra to thế?

Kim Chi cười, trả lời khê quá, hân vì khăn tua trùm kín vương quai hàm.

- Cậu trông sai, em vẫn thế đấy.

- A-di-đà-Phật. Lượn năm sáu lượt còn sai thế nào. Mợ nói thầm nhỏ, mà tôi nghe rõ, có thính tai không?

- Thính lắm, em thì nghễnh ngãng quá.

- Tôi đôi tai cho mợ nhé!

- Chả đôi, cậu có cho thì em xin!

- Thành ra mợ muốn tôi “xú-vơ-nia” cho mợ đôi tai à? Tưởng cái gì chứ đôi tai thì vâng! Xin vui lòng tặng quý tiểu thư. Mợ lấy dao mà xẻo xoẹt đi.

Kim Chi bịt mồm rúc rích cười, chắc muốn tỏ ý yêu tôi.

- À này, mợ ạ. Tôi tiếc vì nhà tối quá, giá thắp đèn lên mà nói chuyện, tiện thể được ngắm cái nhan sắc của mợ, cho câu chuyện thêm vui thì hay.

- Cậu lại muốn nhìn mặt Kim Chi nữ sĩ là hạng người thế nào à?

- Kim Chi nữ sĩ là tay đôi thủ của Minh Châu nữ sĩ, là ý trung nhân của ấm sinh Trần văn Căn chứ ai?

- Chả dám nhận cái hân hạnh ấy. Mặt em gớm lắm, anh trông thấy thì anh đến phải chạy mất!

- Gớm nhún mình quá!
- Em nói thực đấy!
- Thực hay dối cũng mặc, đứng gần lại cho anh yêu!
- Không đứng gần, nói đủ nghe thì thôi!

Tôi chạy lại gần ôm chầm lấy Kim Chi hôn chụt một cái. Kim Chi cố lấy tay bưng mặt, rúc rích cười. Thế các ngài tính Kim Chi có làm bộ không? Hãy hỏi viết giấy mời trai đến nhà làm gì mà còn khéo vờ? Nhưng cái lỗi các cô vẫn thế.

- Chết nhảm quá, em kêu to bây giờ.
- Thách đấy! Tôi yêu mợ lắm. Hai quả dừa ở ngực mợ đâu?
- Không biết làm sao nó thui từ thuở bé rồi.
- À, mợ không phải là loài có vú, mợ là loài chim, để rồi tôi rắc truyền đơn cho mợ ể chồng mà xem!
- Cậu có định kết hôn với em không?
- Nếu tôi có vợ rồi, tôi xin ly dị ngay để lấy mợ.
- Thực chứ!
- Nếu tôi mà bạc tình cùng mợ, xin trời tru đất diệt.

Tôi lại ôm được Kim Chi, nhưng suýt bị đẩy ngã. À, người chị em biết võ!

- Phải gió ở đâu ấy! Thế mà đội tên nữ sĩ!
- Phỉ thui! Đừng nói đại. Cửa đóng kín, làm gì có gió! Tôi hỏi mợ nhé, mợ

có giữ lời hứa hôm nọ không?

- Hứa gì?

- Hứa sẽ có ngày kia cho tôi sẽ sở cầu như ý, mợ nghĩ sao?

- Thế thì tôi chiều cậu quá giới hạn. Cậu có chiều tôi không?

- Có.

- Chiều thế nào?

- Mợ muốn gì tôi xin chiều thế.

- Em xin cậu cho em...

- Lại gạ đôi tai cậu chứ gì!

Kim Chi vừa cười vừa nói :

- Vâng!

- Khổ lắm! Ai bảo không lấy dao mà xẻo phắt đi. Mợ đưa tôi con dao nào!
Vở kịch đâu, chúng ta tập diễn đi!

Tôi vừa nói xong, sờ tay lên bàn, đụng phải bao diêm. Mừng quá. Xòe!

- Tôi thắp đèn đây.

Tôi mở thông phong, gạt đầu bắc. Khi đương lúi húi châm, thì Kim Chi mở khăn tua trùm mặt ra, nói to giọng ồ ồ rằng :

- Thưa cậu, Kim Chi nữ sĩ cũng là loài Minh Châu nữ sĩ. Hiện đôi ta
đương diễn kịch đây!

Tôi ngẩng đầu lên nhìn, giật nẩy mình, suýt ngã ngửa người ra! Té ra là một người đàn ông, bộ dạng láu lỉnh, da đen nhẻm, râu mép cứng và rậm, mắt trợn lòng trắng lên, tay cầm dao nhọn sáng quắc lóe cả mắt, ồm ồm nhại giọng tiểu thư rằng :

- Dao đây, cậu xú-vơ-nia cho em đôi tai đi!...

Hú vía! Từ đó, ai dử tôi bằng mực văn nữ giới, tôi sợ hơn sợ chuột nhắt chết!

6 Juin 1929

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Kìa! Con...:

Bây giờ, lắm lúc ngồi buồn mà nghĩ đến chuyện ấy, tôi lại vừa buồn cười, vừa xấu hổ...

Ngày tôi còn đi học ở Hà Nội, tôi vẫn nghe anh em bạn kháo nhau rằng hiệu thợ may Đại Ích, mới dọn đến phố Hàng Bông, có một cô con gái đẹp lắm, mà ai đã trông thấy một lần cũng phải chịu là một vị tiểu thư tân thời, một người giai nhân tuyệt thế, và công nhận cái tên tặng cho cô là “Ngôi sao Hà thành” là không sai!

Ừ, không biết các cô gái non, đến tuổi mà chưa được bố làm vợ, thường hằng ngày bị các công tử nhắc nhóm luôn, thì các cô có hay hắt xơi không? Có khi các cậu lại gọi chẳng cả là “mợ nó” mới đáng phục chứ! Ấy, cô này cũng bị chúng tôi, đứa nào đứa ấy, khép án vắng mặt một cách vô lý thế. Duy có tôi, tuy chẳng đạo đức gì, nhưng không nhận vợ, vì tôi mới chỉ được nghe tiếng chứ chưa được biết người, cho nên mấy bận đi gần, tôi cố ý liếc mắt nhìn trộm qua tủ hàng, nhưng tức quá không bận nào rõ, chỉ thỉnh thoảng mới thấy cô ấy ngồi thon lỏn bên quầy, mặt méo xệch sau hai lần kính tủ!

Cụ Đại Ích - tôi xin phép các ngài gọi thế - mà nói câu này, các ngài cũng bỏ ngoài tai, vị nào có con gái đẹp, thì tự nhiên trông ra phúc hậu, oai vệ ngay, mà đường đường một đấng bố vợ, dù râu ria chưa có, dù vẫn trẻ măng, nhưng tôn lên chức cụ cũng đáng, mà cô em càng non nà, thì ông cụ càng có giá trị. Cụ Đại Ích nhà tôi cũng có giá trị lắm, tuy mặt cụ cũng non nớt, chỉ độ băm năm bốn mươi tuổi là cùng!

Cứ xét mặt cụ thì cũng là tay áo đẽ, thâm trầm lắm, nhưng áo đẽ thâm trầm ở đâu chứ đối với khách mua hàng, cụ rất dịu dàng, ngọt ngào, vui vẻ, nhất là rất lễ phép. Cái lễ phép ăn người của nhà buôn, vì thỉnh thoảng nể lời ăn nói, cách cử chỉ của cụ nhiều người phải vui lòng, miễn cưỡng mua một thứ hàng không vừa lòng.

Tôi lập tâm xem mặt cô con gái cụ mãi mà không ăn thua. Một lần xin được tiền nhà may bộ quần áo tây, tôi quyết vào hàng cụ dù đắt rẻ thế nào cũng được một dịp làm quen, lần này còn lần khác. Tôi yên trí tài nào cũng gặp mặt cô con gái cụ, nhưng ngờ đâu số tôi đen, đã cố chọn vải, đo người, dăng dai cho đến hàng giờ đồng hồ mà không gặp, tôi đành ngậm bồ hòn ra không. Giá luật cho phép khách mua hàng được nằm ăn vạ lì tù tù ở nhà chủ cho đến khi thấy mặt cô con gái thì tôi cũng chẳng về!

Cụ Đại Ích tiếp tôi rất lễ phép. Cứ những lời cụ rót vào tai tôi thì tôi tưởng dầu cụ đã tính bộ quần áo ấy đắt hơn hiệu khác ba đồng bạc, nhưng tôi cũng không dám ân hận chút nào. Mà giá cụ làm ơn thả ngay tiểu thư nhà cụ ra cửa hàng cho tôi được ngắm, thì dù cụ cửa nặng mấy, tôi cũng phải cố nhắm mắt, nhắm mũi mà thọc tiết ví.

Đây những câu sau này, tôi nhắc lại các ngài nghe xem có ngọt ngào không :

- Bẩm ông từ đầu mùa rét năm nay, chúng tôi được nhiều ngài chiếu cố may cái hàng này lắm.

- Nào, bác cai đâu ra đo hầu ông.

- Xin phép ông để cái này bên này.

Cách tiếp khách của cụ Đại Ích làm cho tôi ngượng nghịu quá chừng, bởi vì tôi mới ba tuổi toẹt, chỉ bằng con rế cụ là cùng, mà cụ lại gọi là ông. Bởi

vậy, tôi phải gọi cụ là cụ.

Vài hôm sau, tôi đến thử quần áo. Lần này cũng như lần trước, bông hồng chẳng thấy ở trước mặt, mà tiếng lẽ phép suông cứ làm ngượng hai tai. Rồi đến hôm lấy quần áo về tôi chẳng thấy được tia sáng của Ngôi sao Hà Thành! Chán quá, thà vứt mấy chục đồng bạc xuống sông, xuống biển còn được xem tâm.

Tôi định cố tìm chỗ nào may hàng để bẻ hoe chữa đi chữa lại cho có cơ mà ra vào cửa hàng vài lần nữa, nhưng số đen đủi, họ lại may khéo quá mất rồi.

Nhưng từ đó, tôi lấy lại được cái lải con con, là được đứng vào hạng người quen của cụ Đại Ích. Vì một lần gặp cụ ở phố, tôi chào cụ, cụ còn nhớ mà khen bộ quần áo may sát người.

Một lần nữa, tôi cần sắm cái mũ, tôi cũng lại đâm đầu vào đó. Thôi thì đắt rẻ thế nào cũng bấm bụng mà mua, tuy cũng lại không gặp cô con, nhưng được nghe cụ mắng người nhà câu sau này, tôi cũng hả dạ :

- Xà! Láo nào! Bán cho người ta thì mới được tính giá ấy, chứ bán hầu ông đây kia mà! Xin bớt ông năm hào.

Như thế thì tôi đối với cụ Đại Ích chẳng phải là người xa nữa, nghĩa là người quen, người thân, người nhà, con rể rồi vậy! Cho nên chẳng lần nào tôi gặp cụ ngoài phố, tôi không cố làm cho cụ trông thấy, để chào trước, cùng bắt tay chuyện trò.

Nhưng tôi vẫn tấm tức một điều, là cô con gái yêu quý của cụ, tôi vẫn thấy anh em ca tụng, mà chính tôi thì chẳng rõ mặt ngang mũi dọc ra sao. Vì bận nào liếc mắt vào mà có gặp cô ngồi bên quầy, thì tôi cũng chỉ thấy mặt cô méo xệch sau hai lần kính tủ!

* * * * *

Một hôm, vào ngày Hội Chợ. Cũng như thói nhiều hạng công tử bột, tôi thẳng bộ để đi diện gái. Tôi lướt hết dãy hàng nọ sang dãy hàng kia trong Hội Chợ, mà chẳng thấy một ma nào lọt vào mắt xanh.

Đi đã bại hai căng, thì may sao, khi ngoặt ra cổng thấy đằng trước tôi, thướt tha một cái bóng hồng đi một mình cũng ra phía cổng.

Cái bóng đó là một cái ô khum khum màu sữa, dưới cái khung ô, là một cái áo satanh hồng sáu khuy đang bay phấp phới, dưới cái vạt áo là hai cái ống quần rộng nhỏ bé như ống sậy; dưới hai gấu quần, là gót cao mun mót của đôi giày mang cá da trăn.

Thấy cái môi ngon, tôi quyết săn cho được. Tôi rảo căng đuổi theo. Lúc đến gần độ mười thước, thì một luồng hơi thơm thoang thoảng đã làm nở nang mũi tôi. Tôi cố trông suốt qua tầng vải ô, thấy vẽ rõ bóng một cái đầu xinh xắn, cái áo sa tanh trơn nhẵn bóng như căng khít lấy cái lưng ong hum húp, tròn tròn, thỉnh thoảng làn gió tạt tung cái tà áo ngoài thì lại lộ cái áo cộc lụa mờ gà viền đăng ten, ôm chặt lấy cái đũng quần cầm châu phình ra, mà hai ống nếp là phẳng tấp!

Khi đang chòng chọc ngắm từ đầu đến chân con bò lạc ấy, thì thỉnh thoảng tôi đi sát ngay trước mặt cụ Đại Ích mà tôi không biết. Cụ Đại Ích trông thấy tôi, tay cất mũ, tay giơ ra và nói :

- Kia, thưa ông, ông cũng đi chơi Hội Chợ, có vui không?

Tôi thì lễ và trả lời :

- Vâng, thưa cụ, Hội chợ năm nay cũng như mọi năm. Tôi định vào sắm cái hộp bằng tre chạm, nhưng không được cái nào vừa ý.

- Vâng, tôi cũng chẳng mua được cái gì.

Tôi không muốn nói chuyện lâu, nên chỉ cười lạt không trả lời thì cụ Đại Ích khéo mồm miệng mà nói tiếp :

- Xin phép ngài để tôi giới thiệu ngài một chỗ bán hộp tre chạm của người anh em. Tôi xin đi hầu ngài tới đó, ngài thử chọn xem rồi chiếu cố cho...

- Cảm ơn cụ, xin để bạn khác, vì tôi có người nhà chờ.

Người nhà tôi tức là cô gì đây kia ấy mà, các ngài có hiểu không? Nếu cụ Đại Ích cùng đi với tiểu thư nhà cụ thì tôi xin cam lòng thả cô kia ra mà bám chặt lấy cụ. Vậy ai bảo cụ găm con gái ở nhà, để cụ chẳng được đi “hầu” tôi đến cái hàng của người anh em để tôi “chiếu cố”!

Thoát được nạn cụ Đại Ích, tôi lại phải đi rảo cẳng đuổi theo mồi. Lúc đến sau lưng, tôi càng ngắm cái dáng đi của cô ta, càng thấy yếu điệu, cái tay vung vẩy sao mà khéo và mềm thêm. Mà không biết nước hoa cô ấy mua bao nhiêu tiền một lọ mà thơm được làm vậy!

Tôi tiến lên trước, để quay lại nhìn mặt! Ôi mẹ ơi? Ông bà nào ăn gì mà đẻ được con đẹp đến thế! Cái mái tóc tơ rẽ đường ngôi lệch, chải kỹ càng quá, nhưng nó kĩ càng ở chỗ cố ý làm cho người ta tưởng lầm là chải dối dá, nó lòa xòa xuống trán, xuống má, nó toả ra che gần lấp gáy; lấp tai. Cái dây chuyền quàng qua cổ, giấu trong lần áo trước ngực, tuy kín mà kín hở, vì nó vẫn lóng lánh, nhấp nháy qua khe sợi tơ. Hai cái má bánh đúc, phình phính dưới làn da mịn, đã xoa qua ít phấn lạt, lại được cái ánh phơn phớt của màu ô hắt xuống, màu áo hắt lên, thành ra hây hây như cánh hoa phù dung. Đôi môi đo đỏ cũng khéo tăng thêm vẻ tươi của cái miệng bầu bệu, lúc nào cũng sắp sẵn một nụ đỏ nhà đỏ cửa.

Đến hai con mắt thì đẹp không có chữ tả nữa. Có lẽ tạo hoá cũng mất lắm

công, kén chọn mãi mới được cái mặt này xứng đáng để giao cho hai con mắt ấy.

Nói tóm lại, trông cô tiểu thư này, nhu nhú như bông hồng mới nở, bầu bĩnh như cái gối mới nhồi bông vậy.

Tôi ngắm cô ấy, ngắm chòng chọc mãi khiến cô ấy ngượng, và phải che ô lấp mặt đi. Tôi đành giở thói trắng trợn, âu là bên phải cô đã che ô lấp thì tôi xoay sang bên trái vậy.

Trong bụng tôi bối rối. Tôi nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, bèn thảo vội ngay một bức chiến thư.

Tôi tùm tùm, nói băng quơ rằng :

- May quá, hôm nay đi Hội chợ tưởng là phí công!

Nói đoạn, liếc vào cô ấy mà xoà cười. Cô tiểu thư biết tôi có ý trêu ghẹo, bèn xoay cái ô sang bên trái. Lập tức tôi lại đi sang bên phải.

- Gớm làm bộ quá! Cô đi Hội Chợ có mua được gì không?

Cái ô lại ngả sang bên phải, mà tôi thì lại đổi sang bên trái.

- Thưa cô, cô làm ơn cho tôi biết bây giờ là mấy giờ rồi?

- Cô ở phố nào? Sao tôi trông cô quen quá!

Cái ô lại nghiêng về bên trái, mà tôi lại luồn sang bên phải.

- Trời còn nắng đâu mà che ô! Cái đồng hồ đeo tay của cô xinh lắm nhỉ! Nó bé thế sao nó cũng chạy được! Chà! Ước gì tôi được làm cái đồng hồ kia.

Cứ mỗi câu tôi nói ra, thì cái ô và tôi lại chuyển đổi chỗ. Mà sao cô bé gan

lì, nói thế nào cũng không hề nhếch mép!

Tôi thấy bao nhiêu mời thả ra, mà cá chẳng cắn câu tôi bèn trâng tráo, miệng cười, mắt liếc, tay dúm cái ô và nói :

- Hoài của, người đẹp thế mà câm, người ta hỏi từng ấy câu mà không trả lời!

Bỗng tiếng giày lộp cộp đằng sau đập vào màng tai tôi làm cho tôi quay lại. Thì ra cụ Đại Ích đi tới. Cụ Đại Ích không nhìn tôi, nhưng khi đến ngang mặt cô tiểu thư, cụ đập vào ô cô, ngọt ngào như nhắc cô rằng :

- Kia! Con! Ông hỏi, sao còn không trả lời ông đi!

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Mất Cái Ví:

Ông Tham nhà ta hôm nay mất cái ví trong đựng bốn mươi đồng bạc. Ngài làm dữ quá! Dữ đến nỗi giá không có ông cụ cậu ruột ngài là người có thể lực, can thiệp vào mà phát gắt lên, thì việc này quyết ra đến tận xăng-tan [1] chứ chẳng chơi.

Thăng xe, thăng bếp, con vú, sợ xanh mắt, suýt phải trận đòn sống cũng thành tật. Mà khốn nạn, ở trong bếp, đưa nọ đổ cho đĩa kia, đĩa thì xin đi thề, đĩa thì quyết đi trình mật thám, đĩa nào cũng không muốn để chủ ngờ oan mình.

Ông Tham, bà Tham thấy chúng nó quả quyết, cũng không biết xử trí ra sao. Nhưng vẫn không sao bỏ được lòng ngờ.

- Rồi tao không để yên cho chúng bay!
- Vâng nếu việc này không ra, thì chúng con tức lắm.
- Chúng bay làm gì mà to mồm thế, nói khẽ cho cụ ngủ. Hôm qua cụ thức khuya.

Cụ đây, tức là ông cụ cậu ruột ông Tham, ngủ ngay ở cái giường kê cạnh đấy. Thăng xe muốn đổ riệt cho con vú, bèn nói :

- Thật chúng con từ sáng đến giờ chưa đĩa nào bước chân ra khỏi cửa. Mà một mất mười ngờ, chúng con lấy làm bức lắm. Xin ông bà cho phép chúng con khám lẫn nhau. Chắc của vẫn còn ở trong nhà, thì còn tìm thấy được.

Bà Tham nói :

- Ủ, rồi đến lúc ra trước cửa quan mới hối. Chúng bay sắp mặt thật!

- Ấy, mợ khê để ông ngủ, đêm qua ông lũng củng mãi, mới chợ mặt đấy.

Nhưng họ làm điếc cả tai. Ông cụ có ngủ được đâu!

Ông cụ vẫn để ý đến những lời nói của vợ chồng ông Tham, nhất là ông Tham, thì lấy làm giận lắm.

“Mình chẳng ra gì cũng là cậu ruột nó, em mẹ nó, mà sao nó không biết nể mặt. Chẳng biết nó có dám ngờ mình hay không, mà sao nó nói lảm câu nghe trái tai quá”.

Rồi ông cụ nghĩ lại cái địa đồ nhà ông cháu để tự xét đoán việc mất bạc này thế nào.

“Ngoài nhà ngoài có cái giường mình nằm, thông với buồng trong của vợ chồng nó. Nhưng hôm qua, nó ngủ ở ngoài này với mình. Thế rồi đến cửa ra sân, chính tay mình đóng và gài then. Mà trước khi đi ngủ, nhà Tham nó còn soi các then cửa cẩn thận. Thế thì chỉ có thể nghi con vú em ăn cắp được, vì thằng bếp, thằng xe ngủ cả dưới nhà dưới, cạnh bếp. Vậy chỉ truy con vú này là ra ngay”.

Bỗng ông Tham nói :

- Tao thì tao không ngờ cho con vú em đâu. Nếu nó có tính tắt mắt, thì tao mất nhiều lần rồi. Mọi khi tao ngủ để bừa bãi cả tiền nong ra bàn, nhưng sáng dậy vẫn còn nguyên, một trinh cũng không suy suyễn. Hai chúng bay liệu hồn!

Ông cụ vừa nghi cho vú em, nghe thấy ông Tham nói thế, nên càng phân

vân.

“Ừ, hay là nó ngờ cho mình thật, mà không dám nói rả Trên nhà trên chỉ có vợ chồng nó, con vú em và con nó. Ngoài ra khách lạ, chỉ có mình mà thôi. Nhưng chẳng có lẽ. Hay là nó ngờ thằng bếp, thằng xe, sáng sớm dậy, có đưa nào lên nhà trên, rồi thấy cái ví ấy để chỗ nào, mà lấy chẳng?”.

- Bẩm lay ông bà, hai anh em con ngủ dưới nhà mà trên nhà trên thì khóa cửa. Sáng ngày, chúng con mới dậy. Cửa trên này chưa mở, con đã thấy ông bà kêu mất tiền. Lúc ấy, ông mới gọi chúng con lên. Xin ông bà xét cho chúng con chỗ ấy. Hay ông đi chơi tối hôm qua, mà đánh rơi đâu chẳng?

- Tao nhớ rằng khi tao đi nằm, tao còn mở ví ra để đếm lại giấy bạc, rồi tao gối ở đầu giường, chỗ này. Tao nằm bên cạnh cụ. Vì thức khuya nói chuyện, nên tao mệt, tao ngủ say lúc nào không biết. Tao chắc lúc tao đếm tiền, có đưa nào trông thấy.

Ông cụ nghe cháu nói câu ấy, thì thở dài, cựa mình một cái.

- Lay ông bà, chúng con có biết cái ví tiền của ông mặt ngang mũi dọc thế nào, thì chúng con cứ chết một đời cha, ba đời con!

“À, nếu nó đồ riệt cho thằng bếp, thằng xe, sao nó không đánh, không tra, không trình báo gì cả? Quyết là nó nói xa xôi cho mình hiểu đây. Hay là nó nghi mình đồng tình với lũ kia, vì thấy mình lạ nhà không ngủ được, phải xì xục suốt đêm, hết hút thuốc lại uống nước, rồi mở cửa ra sau đi tiểu. Nếu thế thì thực nó chó đẻ quá!”.

Nghĩ thế, ông cụ thấy khó chịu, lại quay mình nằm lại. Cụ muốn ngồi hẳn dậy mà bộc bạch tâm sự, rồi đông đủ cả nhà, mình thề độc mấy câu cho nó đỡ nghi. Nhưng chắc đâu. Lỡ mình đoán lầm thì oan vợ chồng nó.

- Lay ông bà xét lại, chỉ có người trên nhà, chứ thực chúng con không biết

đấy là đâu.

Ông Tham quát :

- Chúng bay bảo tao ngờ cho ai? Ngờ cho bà à?

Ông cụ nằm yên, hơi tức đầy đến ngực, không chịu được, lại trở mình lượm nữa. Thôi, đích lắm rồi. Chỉ là nó không dám nói đến nơi mà thôi.

- Lạy ông bà, chúng con đâu dám nghĩ thế.

- Thế thì chúng bay bảo tao ngờ cho cụ à? à, quân này láo thật!

- Chết, sao cậu ăn nói càn làm vậy!

Câu bà Tham vừa nói dứt, thì tự nhiên như có cái gì nó giật nhồm ông cụ ngồi dậy. Cụ hỏi dồn :

- Cái gì? Cái gì? Thế nào? Thế nào?

Ông Tham dịu ngay nét mặt lại, nói :

- Không ạ.

Rồi ông bảo bọn người nhà :

- Cho chúng mày xuống nhà.

Mục đích ông cụ là muốn giải tỏ khúc lòng, rồi mắng thẳng cháu vô phúc mấy câu cho hả dạ. Chứ nó ăn nói cục súc, vô ý thế, mà mình cứ giả điếc, thì nó cho mình không biết gì. Nhưng thấy vợ chồng ông Tham muốn dập chuyện đi, thì cơn tức lại đề lên đến cổ. Nên cụ cố gắng hỏi :

- Không. Tôi xem trong nhà như mất cái gì kia mà?

Bà Tham nói :

- Không ạ. Cháu mất đồng xu, nhưng đã tìm thấy rồi ạ.
- Không phải. To hơn kia.
- Thế thì ông chiêm bao đấy ạ.
- Rõ ràng tôi vừa tỉnh dậy, thấy anh Tham gắt gù to lắm kia mà.

Ông Tham nói :

- Không ạ. Đó là cháu mắng chúng nó từ nay thấy tiền nong, không cứ là của ai, cũng không được tơ hào.

Ông cụ càng ngờ là cháu nói cạnh, bèn hỏi :

- Anh mắng ai?
- Những đứa kia đấy ạ.
- Những đứa kia là đứa nào. Anh đừng láo!

Bà Tham thấy ông cụ gắt gò to tiếng, bèn can chồng :

- Tôi đã bảo cậu mà!
- Thì tôi đã muốn im đi, sao mợ còn cứ xui tra xui tấn.
- Lạy ông, chúng cháu có dám nói gì đâu?
- Tôi không dám, cậu mợ dạy quá lời, tôi đã hiểu cả rồi.
- Cháu lạy ông, vợ chồng cháu có thất thố điều gì xin ông bỏ quá đi, ông đừng để bụng. Thôi, không nói đến chuyện ấy nữa. Hôm nay phiên chợ Đồng

Xuân, mời ông lên chơi.

Ông cụ càng muốn làm lớn, thì cứ bị cháu đập đi cho nên càng không chịu được.

“Bây giờ nó bảo mình đi chợ Đồng Xuân, thì rõ ràng nó nói cạnh mình là kẻ cắp. À, quân này thâm thật. Mới dính tí Hà Nội, đã học lối ăn nói ba que!”

- Anh nghĩ cho ai lấy tiền của anh?

- Kia! Tiền nong gì, thưa ông?

- Tôi nằm đây, tôi thức, tôi nghe hết từ đầu đến cuối. Anh nghĩ cho ai, anh cứ nói.

- Kia! Cậu nói đầu đuôi ông nghe, kéo chả mấy khi ông ra chơi, ông thấy thế này, ông lại giận.

- Bẩm ông nguyên thế này: Cháu có bốn mươi đồng bạc để vào trong cái ví. Mọi khi bao giờ trước khi đi ngủ, cháu cũng bỏ ví vào tủ có khóa. Vì hôm qua đi xem hát với ông về khuya, nên cháu không muốn vào buồng lấy chìa khóa tủ, cháu cứ để ví trong túi. Nhưng sau, thấy nằm cứ cộm lên, cháu mới lấy ví ra, kiểm lại số tiền, rồi để gối đầu giường. Lúc ấy ông cũng biết.

- Phải, sao nữa?

- Rồi sáng hôm nay, cháu thấy mất.

- Phải, sao nữa?

- Bẩm có thể thôi.

- Thế anh nghĩ cho ai?

- Cháu nghi cho thằng bếp, thằng xe.
- Sao anh không nghi cho con vú?
- Tại nó thực thà, xưa nay cháu biết nó.
- Anh nghĩ thế là vô lý lắm. Tôi hiểu rồi, chính anh nghi cho tôi!

Bà Tham vội nói :

- Chết! Lạy ông, con cháu nào dám thế! Sao ông nghĩ vẫn vợ làm vậy?
- Thôi, tôi xin bà đừng nói khéo. Tôi biết ông ấy từ thuở bé, nên tôi hiểu cả giọng nói. Này, tôi bảo cho anh biết, tôi tuy nghèo thật, nhưng tôi lấy của anh để tôi phải tội lỗi mắt ra à?
- Khổ quá! Cháu không biết nói thế nào bây giờ được. Tự ông đổ cho ông đấy.
- Không phải tôi đổ cho tôi. Vì những câu anh nói cạnh nói khéo từ nãy đến giờ, nên chẳng phải bảo đến nơi tôi cũng hiểu ý cả. Đây, tôi cũng dẫn lòng cho anh khám.
- Chết! Sao ông lại làm thế?
- Nhưng tức lắm!

Nói đoạn, ông cụ chạy đến mặc áo, giật cái áo trắng dài và cái áo the xuống, rồi rũ rũ kỹ. Rồi cởi tuột cái áo cộc ra, lộn các túi. Xong rồi, lại tháo cả thắt lưng, đưa cho ông Tham xem. Giá có tiện, có lẽ cụ cũng tụt phăng cả cái quần ra nốt, cho cháu tin rằng tất cả trong mình không giấu giếm cái ví vào chỗ nào cả. Nhưng cụ cũng cứ lấy hai tay, nắn bóp khắp hai đùi thật kỹ, từ trên đến dưới.

Ông Tham thấy cậu làm ùng ùng sôi nổi, biết là cậu giận lắm, nên cứ ngồi yên như phỗng. Bà Tham thì lạy van hoài. Nhưng vẫn không ăn thua gì. Tự khám mình xong ông cụ phân bua :

- Đấy nhé, anh chị đã tin chưa? Tôi không ngờ đâu bây giờ anh chị lại khinh người làm vậy. Cậu cũng như mẹ mà anh nghi cho tôi ăn cắp, anh nghĩ đã phải chưa? Từ ngày anh đi làm, đã hơn hai năm nay, bất quá tôi đến chơi lần này là lần thứ bốn! Tôi thấy anh ở xa thì nhớ, nên đến thăm, chứ nào tôi có xin xỏ, bòn dãi cái gì! Chẳng qua anh mất mấy bữa cơm và suất tàu là cùng.

Nói xong, cụ súc miệng, và rửa quàng cái mặt, rồi đội khăn, mặc áo. Ông Tham thấy vậy, hỏi :

- Thưa ông, cháu có lòng nào như thế! Ông đừng tưởng vậy mà oan cháu. Bây giờ ông đi đâu?

- Tôi đi về. Ông bà xử với tôi thế này thì tôi còn mặt mũi nào mà ở nữa!

- Khổ lắm! Vợ chồng cháu có điều gì không phải, thì ông là người trên, ông cứ mắng chửi, sao ông lại để tâm làm vậy?

- Thôi tôi xin quan ông quan bà đừng nói khéo. Đồ đều! Tao thề rằng từ nay tao không họ hàng gì với vợ chồng nhà mày nữa!

Nói đoạn, ông cụ hầm hầm, cắp ô đi.

Vợ chồng ông Tham nhất định năn nèo cho ông cụ ở lại. Nhưng ông cụ nói dối :

- Thôi kẻ cắp chả dám ở chung với người! Để tôi lên chợ Đồng Xuân tôi ở.

Nói xong, cút thẳng.

Vợ chồng ông Tham rầu rầu nét mặt, trở vào, im lặng nhìn nhau mà thở dài. Một lát, bà Tham ra dáng ân hận, gắt với chồng :

- Chỉ tại cậu lơ đễnh, đánh mất ví tiền, nên mới sinh ra lắm cái rắc rối.

Ông Tham ung dung, tùm tùm cười, đáp :

- Thì đã làm sao?

- Thế sao cậu lại ngờ cho ông làm vậy?

- Tôi vờ thế, chứ ví đây này, có mất đếch đâu!

Vừa nói, ông móc trong túi quần, quăng cái ví đánh bẹt xuống mặt phản.

Bà Tham trố mắt nhìn chồng :

- Rõ khéo khi, thế có phải là ông giận không.

- Mợ không hiểu. Tôi chỉ cốt làm thế để bạn sau ông đừng ra chơi nữa.
Tốn kém lắm!...

21 Juillet 1933

Chú thích:

[1] Ý nói nhà tù, nhà pha.

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Giết Nhau:

Sáng hôm qua, tôi có một người bạn ở Hà Nội xuống chơi. Vừa đến nơi, ghéch xe đạp lên thềm, bạn tôi đã thú thực :

- Nhịn từ hôm qua, chưa được hút đây!

Tôi xưa nay vẫn buồn cười vì tính anh ấy nóng nảy như lửa, và thực thà như đếm, cho nên anh ấy mà nói thế, tất là con nghiện đã làm khổ anh ấy lắm rồi. Bởi vì tôi nhận thấy những ông nghiện thuốc phiện đến chơi bạn đồng chí, mà chủ nhân có giờ tỉnh ra, thì dù mục đích ông khách chỉ là cốt gạ gẫm dăm ba điếu, nhưng khi chủ có tiêm xong mà mời, thì cũng cố làm giá, nhăn mặt lắc đầu, đẩy cái dọc tẩu ra mà nói :

- Không sao được nữa! Tôi vừa hút ở đằng kia, say lắm rồi!

Thế rồi, hình như chủ cố ép lắm, khách mới miễn cưỡng mà “vô phép” hút một điếu, rồi hai điếu, rồi miễn cưỡng cả đến điếu thứ mười, điếu thứ hai mươi, rồi miễn cưỡng hút “củ tỳ” đến tận điếu cuối cùng xái “hội”!

- Tôi nể ông quá!

Cho nên bạn tôi lấy thân tình mà không giấu diếm như thế, thì trước khi mời được bạn ăn cơm trắng cho ngon lành, tất phải để bạn ăn cơm đen đã!

Chuyện bạn tôi nghe vui lắm. Nhất là khi đã “ken cò” rồi, mà anh ấy tán và pha trò, thì tôi tính bực cũng phải nhếch mép! Vì đã lâu khao khát chuyện anh ấy, nên tôi sai người nhà mượn ngay bàn đèn. Bạn tôi tươi cười, nói :

- Tốt lắm!

Dứt lời, anh ấy than thở cái cảnh thuốc xái bô xu, lắm lúc đói phiện thì cực quá, nhưng lúc kiết mà được một bữa người ta thết thì hút vô tội vạ, sướng “thấy ông bà ông vải”! Anh ấy tả cái cảnh say thuốc phiện cho tôi nghe, đôi mắt lim dim, tơ lơ mơ như mộng như tỉnh, linh hồn như bay như cuốn lên thế giới thần tiên, nào nịnh vợ, nịnh con, nào đánh bàn, lau ghế, đương đêm cũng trở dậy để đóng lại chiếc khung ảnh trên tường, hoặc đánh thức người nhà, bắt kê lại đồ đạc.

Những khi chưa có thuốc, làng bẹp ta hay có lối ranh thế đấy! Cứ tưởng tượng đến lúc say phê để dối “lương tâm” cho đỡ ngáp!

Một lát, thằng người nhà bưng cái bàn đèn về. Như người được của, bạn tôi mừng rú lên khen :

- Anh này nhanh nhẩu nhỉ!

Thằng người nhà này xưa nay vẫn nhanh nhẩu lắm, tôi biết tính bạn cho nên mới sai đến nó. Đặt bàn đèn lên giường xong, tôi bảo nó đi mua thuốc. Bạn tôi hỏi :

- Ở đây, có ai bán thuốc ngang không?

- Có.

- Chỗ mua gần hay xa?

- Cách đây độ ba cây số.

- Còn có chỗ nào gần hơn không?

- Chỗ ấy là gần nhất.

- Thế thì lâu lắm nhỉ!

Nói xong, bạn tôi ngáp luôn hai chiếc, rồi hắt xơi! Tôi đưa tiền cho thằng Cam người nhà, và bảo :

- Mà mày phải chạy ba chân bốn cẳng, tao hẹn cho một giờ phải có thuốc.

Cam vâng xong, liền đi ngay, nhưng bạn tôi gọi giật lại :

- Này! Anh gì ơi!

Tôi hỏi :

- Anh cần thức gì nữa?

- Nó có biết đi xe đạp không?

- Có.

- Thế thì bảo nó lấy xe đạp của tôi mà đi cho chóng.

Bạn tôi bảo nó :

- Anh lấy cái xe đạp này mà đi, mau lên! Rồi chốc nữa, tôi bảo cậu anh thưởng cho anh một hào nhé!

Thằng người nhà thấy nói được đi xe đạp, mừng rơn, có lẽ mừng như bạn tôi được hút, vì nó mới biết đi độ nửa tháng, mà ngày mới tập, có khi nó bỏ cả công việc, có đồng nào thuê xe đạp hết cả. Có một lần tôi tức, đến phải đánh nó, nó mới chừa.

Cam dắt xe đạp đi, nhảy tót lên yên, rồi đạp tít. Bạn tôi trông theo, cười ha hả, nịnh Cam mấy câu nữa, rồi khen tôi :

- Số anh được cung nô bộc tốt đấy!

Xong, bạn tôi ngồi xếp bằng tròn trên giường, đánh diêm châm đèn, cắt cái bấc cho đều, uốn cái ngọn cho thẳng, rồi sắp tầu vào dọc, mút kêu chùn chụt, ngồi chờ; nhưng muốn có việc làm nữa cho quên sự mong, anh ấy lau lại cái chụp cho thật trong, xếp lại các tiêm móc cho thật ngay, và lau lại cái khay cho thật bóng, rồi rủ rủ nói :

- Cái bàn đèn này sạch sẽ đấy. Nhiều người nghiện để bắn thiêu quá, lúc mượn về, còn phải lau chán chề rồi mới dám hút. Nó đi độ bao lâu thì về nhỉ?

- Độ hơn hai mươi phút.

- Bây giờ đến nơi chưa nhỉ?

- Có lẽ nó đang mua.

- Ba cây số kia mà?

- Nhưng được đường trải nhựa, xe đạp đi chóng.

Nói xong, bạn tôi lại ngáp và hắt xơi, trước còn thưa, sau mau dần, rồi hắt xơi đổ hồi. Hắt xơi cái trước, bạn tôi còn cười, đến cái thứ hai, thứ ba, thứ sáu, thứ bảy, bạn tôi không cười nữa, mà đã hơi phát cáu, rồi nước mắt nước mũi giàn giụa ra :

- Lâu lắm nhỉ! Khó chịu quá!

- Chờ độ năm phút nữa thì nó về! Làm gì mà cuồng lên thế?

Lúc ấy càng ngáp, càng hắt xơi, nước mắt nước mũi càng như người khóc, mũi soa lau mãi, chỉ tổ đỏ hỏn đầu mũi lên mà thôi. Muốn chữa then, bạn tôi nói :

- Anh trông tôi đã khổ chưa! Anh nên lấy mà làm gương! Anh xem nó đã về chưa?

- Đừng nóng ruột. Chịu khó chờ, nó về bây giờ đây.

Bạn tôi im, rồi để tay sờ soạng cái ấm tích nước chè hột nóng hôi hổi, rồi lại khêu to ngọn đèn, nhưng xem chừng đã lóng cọng lắm, rồi buột mồm, anh chửi luôn thẳng người nhà chặm chạp!

Tôi nóng ruột thay cho bạn, thỉnh thoảng phải chạy ra cổng để ngóng, nhưng đến mười phút, mười lăm phút, cũng chẳng thấy chi; lúc trở vào, tôi thấy bạn tôi nằm bẹp gí, tay phải cầm cái tiêm giơ lên và lăn lăn như người tiêm, tay trái vê vê không, như người vê điệu xái.

Khi nghe tiếng giầy tôi, anh ấy mở choàng mắt và hỏi :

- Thuốc có tốt không?

Tôi ngượng quá, trả lời bằng một câu thất vọng :

- Nó chưa về.

Lần này thì bạn tôi chửi nó thực, chứ không buột mồm nữa. Nói xong, vắt cánh tay lên trán, nằm thẳng cẳng, chẳng nói chẳng rằng. Tôi cố gợi chuyện cho bạn quên con nghiện, nhưng khó quá. Bạn tôi nể tôi, lim dim con mắt chỉ trông thấy lòng trắng, thỉnh thoảng ừ ào ừ ớ như người mơ ngủ. Tôi hét to tướng bên cạnh tai, không biết bạn tôi có nghe rõ không, nhưng hề có tiếng kệt cồng khê, hoặc tiếng chuông xe đạp ở đằng xa, thì bạn tôi nhồm dậy thực mau, tỉnh như con sáo, rồi ngơ ngác nói :

- Ờ! Quái lạ! Vẫn chưa phải nó. Hay là nó ăn cắp tiền và xe đạp rồi. Anh này không biết nuôi người nhà!

- Đừng ngờ oan! Nó thực thà lắm, ở với tôi đã năm sáu năm nay cho nên tôi biết tính.

- Chớ quá tin người, càng những đứa thà mới khỏe ăn cắp. Tôi trông thấy mặt nó, tôi đã đâm nghi. Liệu mà tổng cổ nó đi!

Tôi cười. Bạn tôi phát gắt cả với tôi :

- Tôi nói đùa với anh đấy à?

Khốn nạn! Bạn tôi nói những câu chí lý, chứ có phải nói đùa đâu, như câu cách ngôn “Càng những đứa thà mới khỏe ăn cắp”, tôi nào dám cho là vô lý, là nói đùa!

Nhưng tôi biết làm thế nào được? Tôi ái ngại cho anh ấy thực, nhưng hiện bây giờ tôi biết trả lời sao?

Tôi bèn cũng ngả lưng bên bàn đèn, và nói chuyện vậy. Tôi cũng biết rằng tôi nói thì tôi nghe, chứ bạn tôi còn ruột gan nào mà để tai vào câu chuyện không thơm, không khói, không bổ ích cho linh hồn thân thể anh một mảy may! Cái mùi soa đã ướt đẫm, bạn tôi cũng không dùng nó nữa, cứ mặc kệ cho nước mắt nước mũi chảy ra lướt mướt, đành nằm ngay như thẳng chết mà thở ngắn thở dài! Chắc lúc bấy giờ bạn tôi không còn hy vọng gì to hơn là được trông thấy thẳng người nhà tôi nó hớn hờ chạy vào, tay giơ cái hến thuốc phiện!

Bầu dầu đã cạn, ngọn đèn đã hoa, đây tớ tôi vẫn chẳng thấy tăm bóng. Khổ quá! Giá tôi có nhiều đứa ở, không bận việc đồng áng, thì tôi quyết sai một đứa đi xem sao, nhưng thực là cả nhà chỉ còn mỗi một con bé con, nó đang dọn cơm ở dưới bếp. Mà chẳng lẽ tôi lại bỏ bạn nằm trơ một mình mà đi hay sao? Lỡ tôi cũng mất hút, thì hẳn bạn tôi lại lâm bầm:

“Thầy trò mày về hòa với nhau để xỏ ngăm ông!”

Lúc mâm cơm bưng lên, tôi đập, thức bạn tôi dậy, bạn tôi xoa tay không trả lời.

- Dậy xơi cơm, anh!

Bạn tôi lại xoa lấy xoa để và lắc đầu.

- Ăn cơm xong thì nó về.

- Nó về rồi à?

Bạn tôi lại choàng mắt dậy. Lúc biết mình nghe lầm, bạn tôi nói :

- Thôi, mời anh xơi cơm, cho tôi nằm yên một tí.

Tôi biết rằng không thuốc phiện thì anh chẳng thiết gì, đến con ruồi đổ mép cũng không buồn đuổi, cho nên đành để cho anh ấy nằm yên. Nhưng nào anh ấy có nằm được yên! Thịnh thoảng lại ự ự, chân tay thì buồn bã, sờ cái nọ, vớ cái kia; lúc thì giãy đành đạch, trông mà đâm sợ!

Chờ đến hai, ba, bốn giờ cũng chẳng thấy bóng thằng Cam đâu cả, mà tôi cũng không hiểu vì lẽ gì nó đi lâu thế, hay đã xảy ra tai nạn ở giữa đường chẳng?

Bạn tôi nằm yên được một lát, rồi trở dậy, mặt xám hơn con gà cắt tiết, đi loạng choạng như người say rượu, được vài bước, lại về nằm vật lên giường, mặc liều cho cô ả Phù Dung làm tình làm tội.

Lúc ấy đã bốn giờ chiều. Bạn tôi không cơm trắng, không cơm đen, ra dáng mệt lử. Thì may quá, tiếng lạch xạch ở ngoài cổng, thằng Cam dắt xe đạp về...

Tôi mừng rú, đập bạn tôi dậy. Anh ấy trông thấy nó, mặt hằm hằm như con hổ thấy con bò, suýt vồ lấy nó mà nuốt sống. Giá không trông thấy trong

gan bàn tay nó có cái hén con, thì không biết anh ấy đã đập nó đến mấy mươi cái! Tôi cau mặt, mắng nó :

- Sao mày đi lâu quá thế?

Thằng Cam thở hồng hộc, mặt xám như con gà cắt tiết, nghĩa là gần xám bằng bạn tôi; vừa sợ vừa mệt, nó không nói được. Bạn tôi diếc nó :

- Lạy bố! sao không đến tối bố hãy về!

Tôi nói tiếp :

- Ông ấy còn nghiện đến nơi, mày làm thế, thà mày giết ông ấy còn hơn!

Nó lạy van tôi, nó không dám thú thực.

Ngày hôm nay, bạn tôi về, thằng ấy mới dám nói rõ vì sao nó về chậm. Thì ra bố ấy vác xe đạp của người ta đi bố ấy quần. Lên pê-đan! Tụt hậu! Rồi bố ấy ngã, đánh quần cả bánh. Bố ấy sợ, bố ấy phải đem đi chữa, không dám về nữa!

25 Mars 1933

KÉP TƯ BỀN

Nguyễn Công Hoan
www.dtv-ebook.com

Lời Bạt:

Nguyễn Công Hoan (1903-1977) viết báo, viết văn từ những năm 20 của thế kỷ 20, đến các tác phẩm ký, truyện ngắn và truyện dài viết vào đầu những năm 30, ông để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc. Kép Tư Bền (Tân Dân, 1935), tập tuyển 15 truyện ngắn Nguyễn Công Hoan viết những năm cuối thập niên 20 đầu thập niên 30, trở thành dấu mốc trong sự nghiệp sáng tác của ông, cũng là dấu chỉ cho một bước ngoặt chuyển đổi quan trọng trong đời sống văn học Việt Nam hiện đại.

Kép Tư Bền ngay khi ra mắt đã được Hải Triều tán dương nhiệt liệt [1]. Gắng đi tìm một tác phẩm Việt Nam tỏ rõ được chủ trương “dân sinh” và “nghệ thuật vị nhân sinh” của mình được trình bày trước đây không lâu, Hải Triều đã vui mừng tìm thấy ở “những bức tranh rất linh hoạt” về hiện trạng xã hội “dưới ngọn bút tài tình của nhà văn sĩ Nguyễn Công Hoan” trong tập truyện Kép Tư Bền. Hải Triều đánh giá cao Kép Tư Bền là bởi ông thấy ở trong đó nhà văn đã miêu tả một cách “bình dị mà thiết thực” đời sống cũng như tâm tư của những hạng người bần cùng, dưới đáy, khiến người đọc dù vô sự đến mấy “cũng nghe thấy như bồi hồi man mác, cái bồi hồi man mác tự nhiên của một con người có chút tình đối với nhân loại”. Chiếu Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan vào cái khung quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” của mình, Hải Triều thấy tác phẩm đã mang chứa cả hai đặc điểm quan trọng của trào lưu này: hình thức có khuynh hướng về tả thực, nội dung có khuynh hướng về xã hội, dầu về phương diện tả thực “tác giả đã đạt đến mục đích một phần lớn rồi” còn về “phương diện xã hội thì chưa hoàn toàn”. Với Hải Triều, dầu phương diện xã hội của tác phẩm còn “đương phôi thai”, Kép Tư

Bền “có thể nói rằng đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cái tư triều văn nghệ tả thiết và xã hội ở nước ta”. Mượn lời Thái Phỉ từ cuộc tranh luận xung quanh việc sao chép, ảnh hưởng hay viết lại Đoạn tuyệt (Đời Nay, 1934) của Nhất Linh trong Cô giáo Minh (Tân Dân, 1935) của Nguyễn Công Hoan cũng đang sôi nổi lúc bấy giờ, Hải Triều cho rằng Kép Tư Bền thuộc về cái “thế giới mới nhóm”, và cũng vì nó thuộc về cái thế giới ấy “nên mới có bài phê bình này”.

Câu chuyện xung quanh Kép Tư Bền lúc bấy giờ trở nên “có vấn đề” bởi sự thực Hải Triều đã không chỉ phê bình tác phẩm mà còn nhân đó, phê phán một cách gián tiếp chủ trương “nghệ thuật vị nghệ thuật” của Thiều Sơn bằng cách dẫn ý của nhà phê bình này ra để lên án. Nếu có thể gạt sang một bên cuộc bút chiến mới bắt đầu nhen nhóm giữa Thiều Sơn và Hải Triều trước đó để nhìn riêng về cách hai nhà phê bình này đánh giá riêng về trường hợp Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan thì có một điều bất ngờ là những lời khen mà hai ông dành cho Nguyễn Công Hoan là khá tương đồng: đều chú ý đến những cảnh thương tâm những người cùng khổ, giọng văn linh hoạt tài tình, đặc biệt là tiếng cười trào phúng [2]. Nhận định về Kép Tư Bền như thế tiếp tục được lặp lại ở Hoài Thanh, người thổi bùng lên ngọn lửa tranh luận “nghệ thuật vị nghệ thuật” và “nghệ thuật vị nhân sinh”, khi Hoài Thanh phê phán lối phê bình Kép Tư Bền của Hải Triều mà ông cho là sai lầm, do không dựa trên văn chương để phê bình tác phẩm [3]. Vì sao nhận định giống nhau mà vẫn tạo thành tranh luận? Thực chất là khi phê bình, cả ba ông đều không dựa vào lý thuyết và phương pháp nào ngoài ấn tượng chủ nghĩa. Điều mà Thiều Sơn coi là “nghệ thuật vị nghệ thuật” chẳng một lần được nhắc đến khi phê bình Kép Tư Bền, còn cái Hải Triều gọi là “nghệ thuật vị nhân sinh” dường như cũng chỉ tìm thấy trong Kép Tư Bền cái cứ chứng tỏ cho sự tồn tại của nó. Tranh luận xung quanh Kép Tư Bền, vì vậy, một phần dành cho việc nhận thức tác phẩm, còn phần lớn dành cho các vấn đề bên ngoài, vấn đề liên đới tới tập truyện, những vấn đề rồi ra đây sẽ trở thành thiết cốt tác động tới tiến trình văn học Việt Nam hiện đại.

Nhìn từ bối cảnh ấy, bài “Văn chương là văn chương” của Hoài Thanh góp vào cuộc tranh luận một chỉnh sửa quan trọng: “Một bên nghệ thuật, một bên nhân sinh - tôi nói nhân sinh, tôi không nói dân sinh - bên nào khinh? Bên nào trọng?”. Phân biệt “dân sinh” và “nhân sinh” theo Hoài Thanh cần thiết ở chỗ, “dân sinh chính nghĩa là sinh hoạt của bình dân”, “nghệ thuật vị dân sinh” là nghệ thuật “giúp cho sự sinh hoạt của bình dân”, “còn chữ nhân sinh nghĩa rộng hơn”, “nói cho cùng nghệ thuật nào chẳng vì nhân sinh, không vì cái sinh hoạt vật chất thì cũng vì cái sinh hoạt tinh thần của người ta” [4]. Nói ra điều này, Hoài Thanh muốn phân định một cách rõ ràng hai trường lực (champ) đương tác động lên văn học Việt Nam bấy giờ: trường chính trị và trường văn học, để đi tìm tính tự trị của văn học bằng cách xác lập vốn tượng trưng (capital symbolique) [5] của nó. Trong bài phản bác Hoài Thanh, Hải Triều đã cải chính việc mình viết lầm “nhân sinh” ra “dân sinh”, rồi khẳng định lại, “cái trào lưu nghệ thuật vị nhân sinh hay nói cho khít khao hơn là cái trào lưu nghệ thuật vị xã hội đích sinh hoạt (l’art pour la vie sociale)” [6]. Chỉ có điều, tuy có sự phân biệt “vấn đề dân sinh” với “nghệ thuật vị nhân sinh” nhưng mục đích tối hậu trong chủ trương của Hải Triều vẫn chỉ là để dành cho giai cấp cần lao, nhà văn cần ưu thắng cho giai cấp cần lao và nhân vật văn học tiến bộ cũng phải là đại diện cho giai cấp cần lao ấy. Với quan điểm giai cấp như thế, lại hội với không khí Mặt trận Dân chủ đang tấn tới, Hải Triều và “chiến tuyến hợp nhất” của ông với những Phan văn Hùm, Khương Hữu Tài, Cao văn Chánh, Lâm Mậu Quang, Sơn Trà, Hải Thanh, Hải Vân, Hồ Xanh... lên án Hoài Thanh và những người chủ trương, chia sẻ quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật” đã không lấy văn chương phụng sự cho giai cấp lao động, mà tiếp tay bên vực giai cấp giàu sang. Cuộc bút chiến cứ thế mà kéo dài sang đến năm sau, với phần thắng về mặt xã hội dường như nghiêng về “chiến tuyến hợp nhất”, dù nhận thức về mặt nghệ thuật trong bản chất quan niệm “nghệ thuật vị nhân sinh” chẳng có gì tiến triển hơn ý kiến ban đầu mà Hoài Thanh nhắc đến: “nói cho cùng nghệ thuật nào chẳng vì nhân sinh...” Tuy nhiên, việc từ phê bình văn chương,

người ta nhanh chóng chuyển sang phê phán xã hội bằng văn chương, đã dần xác lập vị trí thống ngự của phê bình xã hội học marxist với việc nhấn mạnh vào tính giai cấp và quyết định luận kinh tế. Văn chương vì đó, khi chưa tìm được không gian tự trị cho mình đã hòa vào không gian tinh thần chung được đan dệt bởi các tương tác văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, làm cho tính chức năng, tính tuyên truyền trội át so với tính văn chương nghệ thuật.

Đặt Kép Tư Bền và Nguyễn Công Hoan vào bối cảnh đương thời, chúng ta thấy rõ được các lực tương tác khác nhau đã góp vào việc định vị văn học đến thế nào. Rõ ràng, bối cảnh thuộc địa đã tác động đáng kể đến các chiều hướng lựa chọn quan điểm văn chương. Nó phân hóa các nhà văn khác nhau đã đành, trong mỗi nhà văn thường cũng có sự phân hóa. Nguyễn Công Hoan là một trường hợp như thế. Không phải ngẫu nhiên mà sau này việc định vị Nguyễn Công Hoan vào vị trí khởi đầu và có thành tựu nổi bật ở khuynh hướng hiện thực phê phán (tiến bộ) người ta vẫn thường phải rào đón sau trước, rằng có những thời điểm ý thức cách mạng của nhà văn chưa thật triệt để. Năm 1935 cũng có thể được coi là một thời điểm như thế, dù Kép Tư Bền với sau đó là Bước đường cùng (Tân Dân, 1938), luôn được coi là hai cột mốc quan trọng trong diễn trình văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Bởi ở đây chúng ta cũng thấy ngay một cắc có mà đương thời trong các cuộc tranh luận về “nghệ thuật vị nghệ thuật” với “nghệ thuật vị nhân sinh” người ta dường như bỏ quên/bỏ qua. Đó là cách đánh giá của Thái Phi khi ủng hộ Nguyễn Công Hoan “viết lại” Đoạn tuyệt của Nhất Linh được Hải Triều nhắc lại tới hai lần (người mở đầu cho “thế giới mới nhóm”). Bởi xét ở quan điểm giai cấp, giữa tư sản và bình dân, thì việc quy Tự Lực văn đoàn vào tư sản có thể khiến việc Nguyễn Công Hoan “đoạn tuyệt” với văn chương lãng mạn kiểu Tự Lực trong Cô giáo Minh là hợp logic trong đánh giá của họ. Song sẽ phải trả lời ra sao nếu xét ở quan điểm lịch sử, giữa phong kiến và hiện đại, sự “chỉnh sửa” Nhất Linh của Nguyễn Công Hoan lại chủ yếu khẳng định cho việc cải lương chế độ phong kiến? Và nữa, với tập Kép Tư Bền đang được chúng ta nhắc đến, đâu là dấu hiệu phân biệt/phân vai vị trí giữa các sáng tác

có khuynh hướng hiện thực chủ nghĩa và tự nhiên chủ nghĩa? Xu hướng lãng mạn thời kỳ đầu, trường hợp Thanh đạm (Đời Mới, 1942), Đồng rác cũ (Văn Học, 1963)... trong sự nghiệp của Nguyễn Công Hoan đều dễ dẫn đến những phân hóa như thế trong đánh giá và tiếp nhận.

Nguyễn Công Hoan thuộc thế hệ nhà nho tân học khẳng định sự nghiệp ở nghề văn nghề báo như Hoàng Ngọc Phách, Ngô Tất Tố... Nếu như Hoàng Ngọc Phách tựa chọn khuynh hướng văn chương lãng mạn làm phương tiện giáo hóa thì Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan lựa chọn khuynh hướng tả thực. Hình như căn cốt nhà nho trong họ khiến cho việc nhìn nhận văn chương không tách rời văn hóa, theo đó việc phân định tả thực có tính cách mạng, tiến bộ hơn lãng mạn trong nội bộ văn chương cũng không được đặt ra như ở các thế hệ sau. Tiến hóa luận hay quan điểm lịch sử dường như không nằm trong hệ quy chiếu của họ. Cái mà họ chú ý là tính cách thành thực và tự nhiệm. Điều đó làm cho việc đánh giá họ trong tổng thể hay trong từng trường hợp đều không đơn giản nếu không thông hiểu thế giới quan của họ, cái thế giới quan càng phức tạp bởi bị chia xẻ do nhiều tương tác trái chiều của bối cảnh giao thời. Nguyễn Công Hoan từ Xã hội ba đào ký đến Kép Tư Bền, và sau một chút là Bước đường cùng, là một quá trình đi từ tả thực đến xã hội, song luôn lấy tả thực làm căn bản (mà đã tả thực thành thực thì cố nhiên, sẽ có lúc thiên về tự nhiên chủ nghĩa, chứ chẳng phải do sự hạn chế nhận thức hay lựa chọn quanh co nào cả). Từ tả thực (hay “tả chân”) đến hiện thực, nhất là “hiện thực chủ nghĩa” là những khoảng cách rất lớn trong các diễn ngôn thức nhận về văn học quá khứ. Tranh luận xung quanh Kép Tư Bền và rộng ra nữa không thể thiếu tác động của những tri thức uy quyền như thế.

Ngày nay, đọc lại tập truyện Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan, chúng ta vẫn thấy được sức hấp dẫn của tác phẩm (nhất là trong các truyện “Kép Tư Bền”, “Thằng ăn cắp”, “Ngựa người và người ngựa”, “Mất cái ví”...), như cái cách hấp dẫn chúng ta bởi các tác phẩm được cho là viết theo khuynh hướng

hiện thực của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng... Có lẽ là bởi tính chất “tả thực” của những tác phẩm này. Còn bởi cách thể tiếp nhận hiện thực của các nhà văn nữa. Văn chương Việt Nam ít khi thấy tiếng cười. Văn học Việt Nam đầu thế kỷ 20 là giai đoạn mà tiếng cười được cất lên đa dạng nhất. Sau tiếng cười có thể là tiếng khóc như trong Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan. Bất luận, việc phát hiện ra tiếng cười và nghệ thuật hóa nó là một thành tựu, một bước tiến hóa về mặt nghệ thuật, một phát hiện mới về mặt nhân sinh.

Hà Nội, IV. 2015

Đoàn Ánh Dương

Chú thích:

[1] Hải Triều, “Kép Tư Bền, một tác phẩm thuộc về cái triều lưu nghệ thuật vị dân sinh ở nước ta”, Tiểu thuyết thứ Bảy, số 62, ra ngày 3.8.1935.

[2] Về ý kiến của Thiếu Sơn, xin xem “Báo Sống phê bình Kép Tư Bền”, Sống, số 21, ra ngày 3.7.1935; in lại trong Tiểu thuyết thứ Bảy, số 61, ra ngày 27.7.1935, tức là ngay số liền trước số đăng bài phê bình của Hải Triều.

[3] Hoài Thanh, “Văn chương là văn chương”, Tràng An, số 48, ra ngày 13.8.1935.

[4] Hoài Thanh, “Tiếp theo bài: Văn chương là văn chương”, Tràng An, số 62, ra ngày 1.10.1935.

[5] Các khái niệm trên đây là của nhà xã hội học người Pháp Pierre Bourdieu.

[6] Hải Triều, “Nghệ thuật và sự sinh hoạt xã hội”, Tin Văn, số 6, ra ngày 1.9.1935.

HẾT